

Số: /TCBC-STP

Cần Thơ, ngày tháng 7 năm 2026

## THÔNG CÁO BÁO CHÍ

### Văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành trong tháng 6 năm 2026

Thực hiện Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật năm 2012; Quyết định số 977/QĐ-TTg ngày 11/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân”, Sở Tư pháp ra Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành trong tháng 6 năm 2026, cụ thể như sau:

#### I. DANH MỤC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ĐƯỢC BAN HÀNH

Trong tháng 6 năm 2026, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành 40 văn bản quy phạm pháp luật, cụ thể:

Các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân:

- Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.
- Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
- Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
- Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.
- Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho dự án thiết kế chip bán dẫn; dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

6. Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chính sách hỗ trợ, hỗ trợ khác có tính chất đặc thù đối với các dự án điện gió trên đất liền trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

7. Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

8. Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

9. Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chính sách hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

10. Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi và mức chi các Giải Báo chí thành phố Cần Thơ; chi hỗ trợ tác phẩm báo chí đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế.

11. Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

12. Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

13. Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

14. Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tổng mức chi trong xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

15. Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

16. Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

17. Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thù lao hàng tháng và mức hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

18. Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thù lao hàng tháng đối với thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ

19. Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030.

20. Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

21. Nghị quyết số 32/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030.

22. Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức về công tác tại Trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ sau sắp xếp đơn vị hành chính.

23. Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi tiền công thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

24. Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

25. Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

26. Nghị quyết số 37/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và xã, phường thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

27. Nghị quyết số 38/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

28. Nghị quyết số 39/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán thực hiện chính sách và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

29. Nghị quyết số 40/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Các Quyết định của Ủy ban nhân dân:

1. Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

2. Quyết định số 59/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế phối hợp thực hiện trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

3. Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

4. Quyết định số 61/2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ.

5. Quyết định số 62/2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

6. Quyết định số 63/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định thêm vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

7. Quyết định số 64/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền cho Sở Nội vụ thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm đối với doanh nghiệp có trụ sở chính hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

8. Quyết định số 65/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

9. Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố bãi bỏ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

10. Quyết định số 67/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

11. Quyết định số 68/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông, giống cây trồng, vật nuôi thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

## **II. HIỆU LỰC THI HÀNH, SỰ CẦN THIẾT, MỤC ĐÍCH BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Trên cơ sở thông tin do các cơ quan, đơn vị cung cấp, Sở Tư pháp thông tin về hiệu lực thi hành, sự cần thiết, mục đích ban hành và nội dung chủ yếu của 40 văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trong tháng 6 năm 2026 như sau:

**1. Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ Chỉ thị số 27-CT/TW ngày 25 tháng 12 năm 2023 của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí;

Căn cứ Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và quy định pháp luật;

Căn cứ Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật;

Căn cứ Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công;

Căn cứ Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Việc ban hành Nghị quyết mới của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ là hết sức cần thiết và cấp bách, xuất phát từ các lý do sau:

Trước đây, căn cứ quy định tại Thông tư số 71/2018/TT-BTC của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn có liên quan, cả ba địa phương trước sáp nhập (thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang) đều đã có ban hành các văn bản (nghị quyết) để cụ thể hóa các nội dung của thông tư thành các quy định của địa phương nhằm đảm bảo cơ sở pháp lý, tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, tổ chức, đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ được giao; cụ thể:

(i) Cần Thơ: Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế; mức chi tiếp khách trong nước; đối tượng khách trong nước được mời cơm khi đến thăm và làm việc tại thành phố Cần Thơ.

(ii) Sóc Trăng: Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại tỉnh Sóc Trăng, mức chi tổ chức hội nghị quốc tế tại tỉnh Sóc Trăng và mức chi tiếp khách trong nước trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

(iii) Hậu Giang: Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động sáng kiến; chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam; chế độ tiếp khách trong nước và sửa đổi, bổ sung chế độ chi nhuận bút, bồi dưỡng đối với các hoạt động văn hóa thông tin và nghệ thuật trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Thực hiện chủ trương của Đảng, Nhà nước về việc sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy hệ thống chính trị hoạt động hiệu lực, hiệu quả và sắp xếp đơn vị hành chính các cấp; kể từ ngày 01/7/2025 thực hiện hợp nhất ba 03 địa phương:

thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang thành thành phố Cần Thơ (mới).

Các Nghị quyết này đã được triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ thời gian qua. Sau khi sáp nhập tỉnh, Sở Tư pháp đã tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 bãi bỏ các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính, trong đó có Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng và Nghị quyết số 05/2019/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang. Đồng thời, ban hành Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc lựa chọn tiếp tục áp dụng các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính trong đó lựa chọn tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ.

Ngày 31 tháng 3 năm 2026, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 35/2026/TT-BTC quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước thay thế Thông tư số 71/2018/TT-BTC. Đồng thời, theo điểm b khoản 2 Điều 31, khoản 1 và 2 Điều 33 Thông tư số 35/2026/TT-BTC: “Căn cứ vào khả năng nguồn kinh phí ... Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định các mức chi cụ thể...”

Tuy nhiên, việc ban hành Nghị quyết mới của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ là hết sức cần thiết và cấp bách với các lý do sau: Phù hợp quy định mới tại Thông tư số 35/2026/TT-BTC; thay thế quy định cũ, không còn phù hợp thực tiễn, gây khó khăn trong áp dụng; khắc phục những bất cập thực tế như định mức thấp, ảnh hưởng trong quá trình tổ chức thực hiện của các cơ quan, đơn vị, địa phương; đảm bảo tính pháp lý, hiệu quả chi tiêu ngân sách thành phố.

Do đó, để đảm bảo hiệu lực pháp lý, tính thống nhất, đồng bộ trong việc áp dụng các quy định của địa phương sau sáp nhập, tạo điều kiện thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức đơn vị thực thi nhiệm vụ kịp thời, hiệu quả, phù hợp khả năng cân đối ngân sách của địa phương (sau sáp nhập) thì việc tham mưu trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét dự thảo Nghị quyết (mới) ban hành Quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ là thực sự cần thiết và phù hợp với các quy định pháp luật.

#### **- Mục đích ban hành**

+ Cụ thể hóa kịp thời và đầy đủ các quy định của Trung ương, bảo đảm triển khai thống nhất Thông tư số 35/2026/TT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chế độ tiếp khách nước ngoài, chế độ chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chế độ tiếp khách trong nước.

+ Bảo đảm tính công khai, minh bạch, rõ ràng trong áp dụng chế độ, định mức chi, tạo thuận lợi cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong quá trình tổ chức thực hiện nhiệm vụ đối ngoại, hội nghị, hội thảo và tiếp khách; đồng thời tăng cường quản lý, kiểm soát chi ngân sách nhà nước.

+ Phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương sau sáp nhập, bảo đảm nguyên tắc tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ, đúng thẩm quyền và đáp ứng yêu cầu thực tiễn phát triển kinh tế - xã hội, hội nhập và hợp tác quốc tế của thành phố.

### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ, gồm 08 Điều, cụ thể như sau:

#### **- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

Nghị quyết này quy định mức chi tiếp khách nước ngoài, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

#### **- Đối tượng áp dụng (Điều 2)**

- + Cơ quan nhà nước;
- + Đơn vị sự nghiệp công lập;
- + Tổ chức chính trị; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội;

+ Các tổ chức sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ.

- Mức chi tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại thành phố Cần Thơ do thành phố chi toàn bộ chi phí trong nước (Điều 3)

- + Chi tặng hoa khi đón, tiễn khách tại sân bay
- + Chi thuê chỗ ở
- + Chi ăn hàng ngày (bao gồm 2 bữa trưa, tối)
- + Chi tổ chức chiêu đãi

- Mức chi hội nghị quốc tế tổ chức tại thành phố Cần Thơ (trừ hội nghị quốc tế tổ chức luân phiên giữa các nước mà Việt Nam đăng cai tổ chức tại Việt

Nam và do lãnh đạo Đảng, Nhà nước chủ trì) do phía thành phố Cần Thơ đài thọ toàn bộ chi phí (Điều 4)

- Mức chi tiếp khách trong nước (Điều 5)
- Đối tượng khách trong nước được mời cơm khi đến thăm và làm việc tại thành phố Cần Thơ (Điều 6)
- Tổ chức thực hiện (Điều 7)
- Hiệu lực thi hành (Điều 8).

## **2. Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị và pháp lý**

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Nghị quyết số 19/NQ-TW “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Theo đó, tại khoản 5 Mục IV quy định: “Hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”.

Ngày 30 tháng 4 năm 2025, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Theo đó, tại khoản 3 mục III quy định: “Tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật”.

Tại Điều 10 Mục 2 Thông tư số 75/2019/TT-BTC ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp thực hiện hoạt động khuyến nông quy định “*Căn cứ quy định tại Nghị định số 83/2018/NĐ-CP của Chính phủ và nội dung chi, mức chi quy định tại Mục 1 Chương II của Thông tư này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông địa phương phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương và đạt được mục tiêu của khuyến nông ở địa phương*”.

**+ Cơ sở thực tiễn**

Thực hiện Thông tư số 75/2019/TT-BTC, Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Nghị quyết số 10/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Hậu Giang, Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Nghị quyết số

12/2020/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 ban hành quy định nội dung chi, Kính gửi: Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ 2 mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) ban hành Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông. Theo đó, Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) được chọn tiếp tục áp dụng cho địa bàn thành phố Cần Thơ (mới) tại Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thông qua Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng.

Từ những cơ sở nêu trên, nhằm thống nhất áp dụng cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ (mới), việc tham mưu trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ (bãi bỏ Nghị quyết số 08/2020/NQ-HĐND) là cần thiết và phù hợp theo quy định của pháp luật.

#### **- Mục đích ban hành**

Nhằm để cập nhật và hoàn thiện cơ sở pháp lý cho hoạt động khuyến nông theo các quy định mới của Trung ương và địa phương, đảm bảo nội dung chi và mức chi cho phù hợp với thực tiễn, cũng như để nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, bảo đảm chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, qua đó góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển và tái cơ cấu ngành nông nghiệp trong giai đoạn mới.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể như sau:

##### **- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)**

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại Điều 10 Thông tư số 75/2019/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông.

+ Đối tượng áp dụng: Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và chuyển giao công nghệ trong nông nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Cơ quan quản lý nhà nước về hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

##### **- Nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông (Điều 2)**

+ Nội dung chi, mức hỗ trợ bồi dưỡng, tập huấn và đào tạo.

+ Nội dung chi, mức hỗ trợ thông tin tuyên truyền khuyến nông.

+ Nội dung chi, mức hỗ trợ xây dựng và nhân rộng các mô hình trình diễn về khuyến nông.

+ Nội dung chi, mức hỗ trợ tư vấn, dịch vụ, hợp tác quốc tế và nội dung chi khác về khuyến nông.

- Nguồn kinh phí thực hiện hoạt động khuyến nông (Điều 3)

- Tổ chức thực hiện (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

**3. Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- **Sự cần thiết ban hành:**

+ **Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai quy định:

*“1. Hệ số điều chỉnh giá đất là tỷ lệ tăng, giảm giá đất của các loại đất tương ứng với khu vực, vị trí đã quy định trong bảng giá đất.*

*2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ban hành hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 hằng năm; trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất trong năm hoặc cho từng khu vực, vị trí để áp dụng.*

*3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.*

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai quy định:

*“2. Các trường hợp sửa đổi bảng giá đất, bao gồm:*

*a) Khi sửa đổi hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này mà hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường này cao hơn mức tối đa hoặc thấp hơn mức tối thiểu. Mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”.*

+ **Cơ sở thực tiễn**

Thực tế, mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị

trường về giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ chưa được Hội đồng nhân dân thành phố quyết định ban hành. Để đảm bảo căn cứ sửa đổi bảng giá đất theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP của Chính phủ, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố dự thảo Nghị quyết quy định mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ là có cơ sở chính trị, pháp lý, thực tiễn và cần thiết.

#### **- Mục đích ban hành**

Nhằm triển khai thực hiện quy định của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai. Đồng thời, việc Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường tối đa, tối thiểu trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cơ sở, căn cứ để sửa đổi bảng giá đất theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 14/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 06 điều, cụ thể như sau:

##### **- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

Nghị quyết này quy định mức tối đa, mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định chi tiết 2 và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

##### **- Đối tượng áp dụng (Điều 2)**

+ Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai; cơ quan có chức năng xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất; thẩm định bảng giá đất, thẩm định hệ số điều chỉnh giá đất, định giá đất cụ thể.

+ Tổ chức có chức năng tư vấn xác định giá đất, cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất.

+ Người sử dụng đất, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất: Mức tối thiểu của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất đối với

các loại đất, vị trí đất được quy định tại Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Điều 3)

- Mức tối đa của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất: Mức tối đa của hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường về giá đất đối với các loại đất, vị trí đất được quy định tại Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND (Điều 4)

- Tổ chức thực hiện (Điều 5)

- Hiệu lực thi hành (Điều 6).

**4. Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Luật Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo số 93/2025/QH15 tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đồng thời, xác định rõ thẩm quyền của chính quyền địa phương trong việc quyết định cơ chế, chính sách và bảo đảm nguồn lực để triển khai thực hiện phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

Ngày 30 tháng 11 năm 2025, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN quy định về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước đối với một số nội dung chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; các Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN: “Căn cứ định mức quy định tại Thông tư này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này”.

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 3 Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN: *“Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trình Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây viết tắt là Hội đồng nhân dân cấp tỉnh) quy định nội dung và mức chi thực hiện chương trình, nhiệm vụ; hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý phù hợp với tình hình thực tiễn và khả năng cân đối của ngân sách địa phương, nhưng tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này.*

*Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tế, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư này để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn bảo đảm hiệu quả, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn”.*

#### **+ Cơ sở thực tiễn:**

Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN đã bổ sung nhiều quy định mới về nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. Do vậy, việc ban hành kịp thời Nghị quyết quy định nội dung, mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ là rất cần thiết, nhằm bảo đảm đầy đủ cơ sở pháp lý cho việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đúng tiến độ; đồng thời, thúc đẩy việc ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Trường hợp chậm ban hành Nghị quyết sẽ có nguy cơ làm gián đoạn việc triển khai các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; ảnh hưởng đến tính cấp thiết của nghiên cứu, tiến độ thực hiện, công tác đánh giá, nghiệm thu và việc chuyển giao, ứng dụng kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống, từ đó làm giảm hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước.

Ngoài ra, Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã xác định rõ trách nhiệm của Bộ, ngành Trung ương và chính quyền địa phương trong việc tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt nhằm tạo động lực mới cho phát triển kinh tế - xã hội. Theo đó, chính quyền địa phương có trách nhiệm chủ động cụ thể hóa các chủ trương, định hướng lớn của Trung ương thành các cơ chế, chính sách phù hợp, đồng thời bảo đảm nguồn lực và điều kiện cần thiết để tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các

nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn. Việc chậm ban hành Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến việc triển khai các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 57-NQ/TW; làm giảm tính chủ động của địa phương trong việc bố trí, sử dụng ngân sách nhà nước cho khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đồng thời, gây khó khăn trong công tác lập dự toán, giao dự toán, ký kết hợp đồng và tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Điều này không chỉ tác động tiêu cực đến tiến độ thực hiện các chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo mà còn làm chậm quá trình ứng dụng, chuyển giao kết quả nghiên cứu vào thực tiễn, ảnh hưởng đến mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố. Do đó, việc ban hành kịp thời Nghị quyết là yêu cầu cấp thiết, nhằm góp phần tổ chức triển khai đầy đủ, đồng bộ và hiệu quả các nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW trên địa bàn thành phố.

Bên cạnh đó, Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp thành phố và cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ chưa cập nhật các quy định tại Thông tư số 38/2025/TT-BKHCN và Thông tư số 39/2025/TT-BKHCN.

Từ những cơ sở nêu trên và căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tiễn tại địa phương, việc xây dựng và ban hành kịp thời Nghị quyết quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ và thay thế Nghị quyết số 38/2025/NQ-HĐND là rất cần thiết, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức triển khai thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn thành phố trong thời gian tới.

#### **- Mục đích ban hành:**

Hoàn thiện cơ chế tài chính nhằm thúc đẩy, khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; phát huy nguồn nhân lực tại địa phương và thu hút nguồn nhân lực ngoài địa phương tham gia tư vấn, phản biện, thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đóng góp vào sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố, góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu của Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05 tháng 8 năm 2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 10 điều, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

- Đối tượng áp dụng (Điều 2)

Cơ quan quản lý nhà nước; cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân hoạt động trong lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và hoạt động hỗ trợ có sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Quy định nội dung và mức chi cho công tác quản lý hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Điều 3)

- Quy định nội dung và mức chi thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (Điều 4)

- Quy định nội dung và mức chi hỗ trợ hoạt động nâng cao năng lực khoa học và công nghệ; hỗ trợ hoạt động phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, thúc đẩy văn hóa đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo (Điều 5)

- Các nội dung và mức chi khác về quản lý hoạt động và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; hoạt động hỗ trợ (Điều 6)

- Nguồn kinh phí (Điều 7)

- Tổ chức thực hiện (Điều 8)

- Điều khoản chuyển tiếp (Điều 9)

- Hiệu lực thi hành (Điều 10).

**5. Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho dự án thiết kế chip bán dẫn; dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý:**

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 39, khoản 6 Điều 40 của Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15, cụ thể:

Tại khoản 2 Điều 39 quy định:

“2. Doanh nghiệp thực hiện dự án thiết kế chip bán dẫn được hỗ trợ kinh phí đào tạo phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu và phát triển, sản xuất thử nghiệm, mua sắm máy móc, thiết bị, công nghệ và đổi mới công nghệ từ ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hoặc từ nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp công nghệ số quy định tại Điều 11 của Luật này.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các nội dung quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện của địa phương”.

Tại khoản 6 Điều 40 quy định:

“6. Dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử được hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí để sản xuất mẫu thử, mua công nghệ và đổi mới công nghệ theo quy định của pháp luật về chuyển giao công nghệ từ nguồn ngân sách địa phương theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước hoặc từ nguồn tài chính cho phát triển công nghiệp công nghệ số quy định tại Điều 11 của Luật này.

Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho các dự án quy định tại khoản này phù hợp với điều kiện của địa phương”.

**+ Cơ sở thực tiễn:**

Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn cầu, công nghiệp bán dẫn, đặc biệt là lĩnh vực thiết kế chip và sản xuất vi mạch, ngày càng được xác định là ngành công nghiệp nền tảng, giữ vai trò then chốt đối với sự phát triển của nhiều lĩnh vực công nghệ cao như: trí tuệ nhân tạo (AI), Internet vạn vật (IoT), điện tử tiêu dùng, thiết bị y tế, giao thông thông minh và trung tâm dữ liệu. Theo đó, Việt Nam đã xác định phát triển công nghiệp bán dẫn trở thành một trong những ngành công

nghiệp chiến lược, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế số và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

Ngày 21 tháng 9 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1018/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp bán dẫn Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Chiến lược xác định lộ trình phát triển theo từng giai đoạn, đồng thời giao nhiệm vụ cụ thể cho Bộ, ngành và địa phương nhằm hình thành hệ sinh thái công nghiệp bán dẫn, bao gồm các hoạt động thiết kế, sản xuất, đóng gói, kiểm thử vi mạch; thu hút đầu tư có chọn lọc; phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao; thúc đẩy nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng công nghệ.

Trên cơ sở đó, thành phố Cần Thơ với vai trò là trung tâm động lực, trung tâm khoa học và công nghệ của vùng Đồng bằng sông Cửu Long, có nhiều điều kiện thuận lợi để tham gia vào chuỗi giá trị công nghiệp công nghệ số và công nghiệp bán dẫn. Thành phố hiện tập trung nhiều cơ sở đào tạo đại học, cao đẳng, nguồn nhân lực trẻ, đồng thời hạ tầng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đang từng bước được đầu tư, hoàn thiện.

Bên cạnh đó, tại Thông báo số 156/TB-VPCP ngày 28 tháng 3 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ về triển khai Kết luận của Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn tại Phiên họp thứ nhất năm 2026 và Quyết định số 32/QĐ-BCĐPTCNBD ngày 05 tháng 4 năm 2026 của Ban Chỉ đạo quốc gia về phát triển ngành công nghiệp bán dẫn đã giao nhiệm vụ cho các địa phương nghiên cứu, xây dựng chính sách ưu đãi để thu hút đầu tư và từng bước hình thành các trung tâm công nghiệp bán dẫn tại địa phương.

Ngoài ra, theo Báo cáo của Thường trực Tổ Giúp việc ngày 27 tháng 4 năm 2026 gửi đồng chí Nguyễn Duy Ngọc - Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Phó Trưởng Ban Thường trực Chỉ đạo Trung ương về tình hình triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW của thành phố Cần Thơ, Thường trực Tổ Giúp việc đã đề nghị thành phố sớm hoàn thiện và trình ban hành các chính sách về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, trong đó có chính sách hỗ trợ lĩnh vực thiết kế chip bán dẫn.

Đồng thời, thành phố Cần Thơ đang tập trung đẩy mạnh công tác xúc tiến, kêu gọi đầu tư vào các lĩnh vực công nghệ cao, công nghiệp điện tử, trung tâm dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI) và công nghiệp bán dẫn; từng bước chuẩn bị các điều kiện về hạ tầng kỹ thuật, nguồn nhân lực và cơ chế, chính sách để thu hút doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu, sản xuất và phát triển tại địa phương. Trong thời gian qua, thành phố đã ký kết các bản ghi nhớ hợp tác với nhiều cơ sở đào tạo, tổ chức và doanh nghiệp như Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh, Trường Bách khoa - Đại học Cần Thơ, Trường Đại

học Kỹ thuật - Công nghệ Cần Thơ, Công ty Cổ phần Giáo dục quốc tế Sun Edu và Hội Tin học Thành phố Hồ Chí Minh (HCA) trong các lĩnh vực khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo (AI), điện tử và công nghiệp bán dẫn. Đây là cơ sở quan trọng để thành phố từng bước hình thành hệ sinh thái nghiên cứu, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phục vụ ngành công nghiệp bán dẫn trong thời gian tới.

Do đó, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho dự án thiết kế chip bán dẫn; dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết nhằm tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi để thành phố chủ động thu hút các nhà đầu tư chiến lược, phát triển hệ sinh thái công nghiệp công nghệ số, từng bước hình thành môi trường đầu tư cạnh tranh trong lĩnh vực công nghệ cao; đồng thời cụ thể hóa chủ trương, chính sách của Trung ương phù hợp với điều kiện thực tiễn và định hướng phát triển của thành phố Cần Thơ.

**- Mục đích ban hành:**

- + Cụ thể hóa cơ chế, chính sách của Luật Công nghiệp công nghệ số số 71/2025/QH15 trên địa bàn thành phố;
- + Tạo động lực thu hút đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp công nghệ cao, đặc biệt là lĩnh vực thiết kế và sản xuất bán dẫn;
- + Nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, thúc đẩy hình thành chuỗi cung ứng trong công nghiệp công nghệ số tại địa phương.

**c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 16/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho dự án thiết kế chip bán dẫn; dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

- Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định tiêu chí, điều kiện, trình tự, thủ tục, nội dung và mức hỗ trợ từ ngân sách địa phương cho dự án thiết kế chip bán dẫn; dự án sản xuất sản phẩm phụ trợ trực tiếp trong công nghiệp bán dẫn và dự án sản xuất thiết bị điện tử trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Điều 1)
- Tổ chức thực hiện (Điều 2)
- Hiệu lực thi hành (Điều 3).

**6. Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chính sách hỗ trợ, hỗ trợ khác có tính chất đặc thù đối với các dự án điện gió trên đất liền trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Tại khoản 1 Điều 18 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 quy định:

*“Điều 18. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân thành phố*

*Hội đồng nhân dân thành phố thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 15 của Luật này và các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:*

*1. Quyết định chiến lược, cơ chế, chính sách, biện pháp để phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị, hạ tầng đô thị, các ngành, lĩnh vực trên địa bàn theo quy định của pháp luật;”*

Tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết về “*c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;”*.

**+ Cơ sở thực tiễn**

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh về phát triển năng lượng tái tạo, theo quy hoạch phát triển điện gió trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng được Bộ Công thương phê duyệt (tại Quyết định số 3909/QĐ-BCT ngày 06 tháng 5 năm 2014) tỉnh đã thực hiện kêu gọi nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án, đến nay, trên địa bàn thành phố đã có 07 dự án/phần dự án vận hành thương mại với tổng công suất 340MW và 02 dự án đang hoàn chỉnh thủ tục đưa vào vận hành thương mại năm 2025; trong đó, có 05 dự án điện gió trên đất liền (có 04 dự án đã đưa vào vận hành thương mại trước khi Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ có hiệu lực), góp phần chuyển đổi mô hình thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đa dạng hóa nguồn cung ứng điện, phục vụ mục tiêu đảm bảo an ninh năng lượng.

Tuy nhiên, việc triển khai thực hiện các dự án điện gió trên đất liền trong điều kiện chưa có hướng dẫn về công tác bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản trên đất trong hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió, nên địa phương chưa có cơ sở

để bồi thường, hỗ trợ cho người dân; dẫn đến khiếu nại đông người, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Một số hộ dân yêu cầu, kiến nghị: (i) *Kiến nghị cơ chế, chính sách bồi thường, hỗ trợ thiệt hại diện tích đất nằm trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió vì bị hạn chế quyền sử dụng đất*; (ii) *Yêu cầu Nhà nước có chính sách bồi thường, hỗ trợ đối với đất, di dời nhà ở, vật kiến trúc trong phạm vi hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió vì cho rằng cánh quạt tuabin điện gió gây ra tiếng ồn, làm ảnh hưởng đến tâm lý, sức khỏe, sinh hoạt và nuôi trồng thủy sản của các hộ dân*; (iii) *Đề nghị cấp có thẩm quyền sớm xem xét, giải quyết việc bồi thường, hỗ trợ bằng tiền để các hộ dân di dời đi nơi khác sinh sống*.

Cụ thể, nội dung vướng mắc trong quy định pháp luật như sau:

Pháp luật về đất đai có quy định việc “*bồi thường thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình*”, cụ thể: Tại Điều 94 Luật Đất đai 2013 quy định việc “*bồi thường thiệt hại đối với đất thuộc hành lang an toàn khi xây dựng công trình có hành lang bảo vệ an toàn*” và hiện nay, tại Điều 106 Luật Đất đai 2024 quy định việc “*bồi thường thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn*”. Tuy nhiên, Luật Điện lực trước đây chưa quy định “*hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió và công trình nguồn điện khác*” nên đối với các dự án điện gió đã được triển khai trước đây chưa có cơ sở pháp lý để thực hiện “*bồi thường thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió*”.

Ngày 30 tháng 11 năm 2024, Quốc hội thông qua Luật Điện lực 2024 đã bổ sung thêm quy định “*công trình nguồn điện*” là công trình có hành lang bảo vệ an toàn, cụ thể tại điểm d khoản 2 Điều 68 quy định: “*Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực bao gồm: d) Hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió và công trình nguồn điện khác*”. Đồng thời, tại điểm a khoản 3 Điều 68 quy định: “*Đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện lực được tiếp tục sử dụng theo đúng mục đích đã được xác định theo quy định của pháp luật; việc sử dụng đất không được gây ảnh hưởng đến công tác bảo vệ an toàn công trình điện lực. Người sử dụng đất được bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại tài sản gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai*”.

Như vậy, Luật Điện lực năm 2024 đã quy định về cơ sở pháp lý thực hiện việc bồi thường, hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất, thiệt hại về tài sản gắn liền với đất đối với đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ có quy định cụ thể về “*hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió*”. Như vậy, các dự án điện gió thực hiện sau ngày Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ có hiệu lực thì hành sẽ được “*bồi thường thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió*”.

Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ không quy định về điều khoản chuyển tiếp để áp dụng việc bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà ở, tài sản,... đối với các dự án điện gió đã thực hiện trước khi Luật Điện lực 2024 có hiệu lực; do đó, địa phương chưa có cơ sở để giải quyết dứt điểm kiến nghị, khiếu nại kéo dài, tồn đọng trong thời gian qua, ảnh hưởng đến an ninh, trật tự của địa phương, gây khó khăn trong triển khai các dự án mới theo điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ.

Do đó, việc vận hành các trụ tuabin gió gặp phải sự phản đối, khiếu kiện của người dân trong khu vực bán kính quay của cánh quạt tuabin điện gió về tiếng ồn ảnh hưởng đến sức khỏe, sản xuất cũng như nguy cơ mất an toàn khi sinh sống gần trụ tuabin điện gió, tình hình khiếu kiện hết sức gay gắt và có dấu hiệu gia tăng, hình thành khiếu kiện đông người, gây mất an ninh trật tự tại địa phương. Thời gian qua, tỉnh Sóc Trăng (cũ) này là thành phố Cần Thơ nhiều lần kiến nghị Trung ương hướng dẫn, cho chủ trương giải quyết khó khăn, vướng mắc trong việc giải quyết khiếu nại, kiến nghị của các hộ gia đình, cá nhân về bồi thường, hỗ trợ về đất, nhà ở, công trình,... trong phạm vi hành lang an toàn của cột tháp gió và các vấn đề có liên quan đến tác động của cánh quạt tuabin điện gió, tiếng ồn của tuabin gió.

Để giải quyết khó khăn, vướng mắc liên quan đến các dự án điện gió trên đất liền dẫn đến khiếu nại đông người trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (cũ), thời gian qua địa phương đã tích cực, tập trung giải quyết, cụ thể như sau: Từ cuối năm 2023, do chưa có quy định về hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió để áp dụng quy định của pháp luật đất đai về bồi thường, hỗ trợ thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình,... nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng (cũ) đã linh hoạt vận dụng Quyết định số 28/2021/QĐ-UBND ngày 23 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về mức bồi thường thiệt hại do hạn chế khả năng sử dụng đất đối với đất trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện cao áp trên không để tạm hỗ trợ (chi phí tạm hỗ trợ do nhà đầu tư chi trả) đối với đất, nhà ở trong phạm vi khoảng không cánh quạt (phạm vi để tính tạm hỗ trợ là 78,16m - là chiều dài của loại cánh quạt dài nhất); đồng thời, đã có nhiều cuộc đối thoại, cam kết với các hộ dân sẽ thực hiện bồi thường, hỗ trợ khi có đủ cơ sở pháp lý theo quy định. Bên cạnh đó, cũng đã thành lập Tổ công tác kiểm tra, rà soát việc khiếu nại, kiến nghị, phản ánh của các hộ dân liên quan đến các dự án điện gió, tổ đã tiếp nhận và làm việc trực tiếp với 186 hộ dân có đơn yêu cầu, phản ánh, kiến nghị khi dự án đưa vào vận hành làm ảnh hưởng đến việc nuôi trồng của người dân và yêu cầu có chính sách đền bù, hỗ trợ đối với đất nằm trong hành lang an toàn tuabin và cột tháp gió; một số hộ dân có nhà ở và vật kiến trúc nằm trong phạm vi hành lang an toàn cột tháp gió và trong phạm vi 300m tính từ công trình điện gió yêu cầu hỗ trợ bồi thường, di dời.

Đến ngày 30 tháng 01 năm 2026, Bộ Tư pháp có Công văn số 648/BTP-PLDKT về việc ý kiến đối với việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi hỗ trợ, hỗ trợ khác có tính đặc thù đối với các dự án điện gió trên địa bàn thành phố Cần Thơ, theo đó Bộ Tư pháp có ý kiến việc Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ, hỗ trợ khác có tính đặc thù đối với các dự án điện gió trên địa bàn thành phố Cần Thơ là có cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền (nếu các chính sách tại Nghị quyết là *“Chính sách, biện pháp, nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương”*).

Đồng thời, Bộ Công Thương có văn bản số 582/BCT-ATMT ngày 28 tháng 01 năm 2026 triển khai chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Bùi Thanh Sơn tại Văn bản số 12604/VPCP-CN ngày 23 tháng 12 năm 2025 của Văn phòng Chính phủ về nội dung liên quan đến bồi thường, hỗ trợ về đất đai, tài sản trên đất trong hành lang bảo vệ an toàn đối với công trình điện gió đã đi vào hoạt động trước ngày Nghị định số 62/2025/NĐ-CP có hiệu lực.

Ngày 25 tháng 3 năm 2026, Bộ Công Thương có văn bản số 2000/BCT-ATMT báo cáo Thủ tướng Chính phủ về vướng mắc bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản trên đất trong hành lang bảo vệ an toàn đối với công trình điện gió. Theo đó, Bộ Công Thương kiến nghị Thủ tướng Chính phủ giao UBND cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét ban hành Nghị quyết áp dụng thí điểm các chính sách đặc thù, đặc biệt theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 sau khi báo cáo và được Thủ tướng Chính phủ cho phép.

Ngày 17 tháng 4 năm 2026, Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 232/NQ-TT về việc chấp thuận đăng ký xây dựng Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ, hỗ trợ khác có tính chất đặc thù đối với các dự án điện gió trên đất liền trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Ngày 01 tháng 5 năm 2026, Bộ Công thương có Công văn số 3036/BCT-ATMT về việc triển khai chỉ đạo của Phó thủ tướng Chính phủ về vướng mắc bồi thường, hỗ trợ về đất, tài sản trên đất trong hành lang bảo vệ an toàn đối với công trình điện gió tại Văn bản số 2927/VPCP-CN ngày 03 tháng 4 năm 2026 của Văn phòng Chính phủ, theo đó đối với UBND thành phố trực thuộc Trung ương chủ động báo cáo HĐND cùng cấp để ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ, hỗ trợ khác có tính đặc thù đối với các dự án điện gió trên địa bàn thành phố theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.

#### **- Mục đích ban hành:**

Việc ban hành xây dựng Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ, hỗ trợ khác có tính chất đặc thù đối với các dự án điện gió trên đất liền trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra trong quá

trình thực hiện các dự án điện gió đã triển khai trước thời điểm Luật Điện lực và Nghị định số 62/2025/NĐ-CP có hiệu lực pháp luật.

**c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 17/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chính sách hỗ trợ, hỗ trợ khác có tính chất đặc thù đối với các dự án điện gió trên đất liền trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 06 điều, cụ thể như sau:

**- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)**

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức hỗ trợ, hỗ trợ khác có tính chất đặc thù đối với người sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất bị ảnh hưởng bởi các dự án điện gió đã thực hiện trước ngày Luật Điện lực số 61/2024/QH15 và Nghị định số 62/2025/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực có hiệu lực thi hành nhưng chưa được bồi thường, hỗ trợ, hỗ trợ khác theo quy định.

+ Đối tượng áp dụng: Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có đất, nhà ở, công trình phục vụ đời sống, công trình xây dựng phục vụ sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp gắn liền với đất bị ảnh hưởng bởi các dự án điện gió: Nhà máy điện gió Lạc Hòa, Nhà máy điện gió Hòa Đông, Nhà máy điện gió Lạc Hòa 2, Nhà máy điện gió Hòa Đông 2, Đầu tư xây dựng Nhà máy Điện gió số 3 và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Phạm vi diện tích đất, nhà ở, công trình phục vụ đời sống, công trình xây dựng phục vụ sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp được tính hỗ trợ, hỗ trợ khác (Điều 2)

+ Diện tích đất được hỗ trợ, hỗ trợ khác là diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió; hành lang bảo vệ an toàn cột tháp gió là vùng xung quanh cột tháp gió được giới hạn bằng nửa hình cầu có tâm là tâm của chân cột tháp gió, bán kính bằng khoảng cách tối đa từ tâm của chân cột tháp đến mép ngoài cùng cánh tua bin gió.

+ Nhà ở, công trình phục vụ đời sống, công trình xây dựng phục vụ sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình điện gió đã tồn tại trước thời điểm thực hiện dự án điện gió.

**- Mức hỗ trợ, hỗ trợ khác (Điều 3)**

+ Diện tích đất ở được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất (diện tích đất ở thực tế trong hành lang bảo vệ an toàn của cột tháp gió), mức hỗ trợ bằng 240.000 đồng/m<sup>2</sup>.

+ Diện tích đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất (diện tích đất thực tế trong hành lang bảo vệ an toàn của cột tháp gió), mức hỗ trợ bằng 120.000 đồng/m<sup>2</sup>.

+ Diện tích đất nông nghiệp được hỗ trợ do hạn chế khả năng sử dụng đất (diện tích đất thực tế trong hành lang bảo vệ an toàn của cột tháp gió), mức hỗ trợ, như sau:

Đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp khác bằng 20.800 đồng/m<sup>2</sup>.

Đối với đất trồng cây hàng năm, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối bằng 15.600 đồng/m<sup>2</sup>.

+ Đối với nhà ở, công trình phục vụ đời sống được hỗ trợ, hỗ trợ khác bằng giá trị xây dựng mới theo Bảng đơn giá chuẩn 1m<sup>2</sup> nhà, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới có hiệu lực pháp luật tại thời điểm thu hồi đất.

+ Đối với công trình xây dựng phục vụ sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, công trình phục vụ sản xuất nông nghiệp phải di dời được hỗ trợ, hỗ trợ khác bằng 100% giá trị còn lại theo Bảng đơn giá chuẩn 1m<sup>2</sup> nhà, công trình, vật kiến trúc xây dựng mới có hiệu lực pháp luật tại thời điểm thu hồi đất.

- Nguồn vốn thực hiện (Điều 4)

- Tổ chức thực hiện (Điều 5)

- Hiệu lực thi hành (Điều 6).

**7. Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- **Sự cần thiết ban hành:**

+ **Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 37 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 quy định: “b) Căn cứ tình hình, yêu cầu bảo đảm an toàn phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, điều kiện kinh tế - xã hội, quy mô dân số, diện tích tự nhiên của địa phương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn quản lý”;

Căn cứ Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ;

Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;

Thông tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Sau sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, thành phố Cần Thơ có 103 đơn vị hành chính cấp xã (31 phường, 72 xã); dân số gần 4,2 triệu người, đã tạo bước ngoặt quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội, thúc đẩy liên kết vùng và mở ra nhiều cơ hội mới cho khu vực Đồng bằng sông Cửu Long. Thành phố hiện có khoảng 17.161 cơ sở thuộc diện quản lý về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (5.411 cơ sở do Công an quản lý; 11.750 cơ sở do UBND cấp xã quản lý), 08 khu công nghiệp, 04 cụm khu công nghiệp, 362 chợ, siêu thị, 28 chung cư, 74 nhà cao tầng và hàng nghìn nhà trọ, cơ sở sản xuất, kinh doanh tiềm ẩn nguy cơ cháy, nổ cao. Nhu cầu sử dụng nguyên vật liệu sản xuất, hàng hóa dễ cháy, nổ ngày càng nhiều và việc sử dụng các nguồn nhiệt trong sản xuất, kinh doanh, sinh hoạt hàng ngày, cùng với sự ảnh hưởng của thời tiết khắc nghiệt, hanh khô kéo dài... là những yếu tố, điều kiện dẫn đến cháy, nổ, sự cố, tai nạn về cháy, nổ gây thiệt hại nghiêm trọng về tài sản của Nhà nước, tính mạng và tài sản của Nhân dân, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự, an toàn xã hội và môi trường. Bên cạnh đó, do tập trung vào lợi nhuận về kinh tế, một bộ phận không nhỏ cơ sở có nguy cơ cháy, nổ chưa thật sự quan tâm đầu tư cho công tác phòng cháy, chữa cháy trong quá trình sản xuất, kinh doanh; ý thức chủ quan của một số người dân trong sử dụng lửa, chất dễ cháy, nổ như: xăng, dầu, gas... khi sinh hoạt là những nguyên nhân gây phức tạp về tình hình cháy, nổ và tác động trực tiếp đến công tác quản lý nhà nước về công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ. Qua thống kê, hiện nay trên địa bàn thành phố còn 3.369 khu vực với 229.333 nhà ở thuộc khu vực không bảo đảm hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy.

Lực lượng dân phòng là lực lượng nòng cốt trong công tác phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ ở địa bàn cơ sở, là cánh tay nối dài của lực lượng Cảnh sát phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ với nhiều nhiệm vụ quan trọng như: đưa chính sách, pháp luật của Nhà nước vào đời sống Nhân dân thông qua việc tuyên truyền, phổ biến kiến thức, pháp luật, kỹ năng về phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; xây dựng phong trào quần chúng tham gia phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; trực tiếp tham gia chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ khi được huy động... Do đó, để đảm bảo lực lượng này hoạt động hiệu quả, chất lượng, phù hợp với thực tiễn công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ cần phải thành lập đủ số lượng về tổ chức (Đội) và số lượng thành viên.

Căn cứ tiêu chí về số lượng phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trang bị cho một (01) Đội dân phòng tại Phụ lục I kèm theo Thông

tư số 36/2025/TT-BCA ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ và 3 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (quy định số lượng bình chữa cháy cần trang bị tối thiểu gồm 05 bình bột chữa cháy và 05 bình khí chữa cháy, 02 đèn pin, 01 rìu, 01 xà beng, 01 búa, 01 kìm cộng lực, 03 mặt nạ lọc độc) thì cần ít nhất 07 người (gồm 01 Đội trưởng, 01 Đội phó và 05 đội viên) để sử dụng.

Thực hiện Phương án số 01/PA-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về tổng thể sắp xếp, tổ chức lại ấp, khu vực năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, theo đó số lượng ấp, khu vực còn lại sau sắp xếp là 1.252 ấp, khu vực (852 ấp, 400 khu vực) thì số lượng Đội dân phòng phải thành lập là 1.252 đội, với số lượng thành viên dự kiến khoảng 8.764 người (trước sáp nhập, thành phố Cần Thơ có 599 Đội dân phòng, tỉnh Sóc Trăng có 755 Đội dân phòng, tỉnh Hậu Giang có 525 Đội dân phòng, với tổng số thành viên là 18.988 người); về chế độ, chính sách của thành viên Đội dân phòng khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ theo quy định tại Điều 31 và khoản 4 Điều 38 Nghị định số 105/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ thì được hưởng tiền bồi dưỡng khoảng 891,9 triệu đồng/8.764 người/năm. Từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn thành phố Cần Thơ là thật sự cần thiết.

#### **- Mục đích ban hành**

+ Tạo cơ sở pháp lý cho việc thành lập, xây dựng tổ chức Đội dân phòng thống nhất, phù hợp với tình hình và đặc điểm của từng ấp, khu vực, góp phần cho tổ chức này đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả và đáp ứng tốt yêu cầu công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

+ Tăng cường công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ ở địa bàn cơ sở, hỗ trợ đắc lực cho lực lượng Công an trong công tác bảo đảm an ninh, trật tự ở địa phương.

+ Khuyến khích, tạo điều kiện cho người dân tích cực tham gia vào lực lượng này, cũng như hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 18/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 04 Điều, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chi tiết điểm b khoản 3 Điều 37 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 về tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Đối tượng áp dụng: Lực lượng dân phòng ở ấp, khu vực; Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan.

- Tiêu chí thành lập Đội dân phòng và tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng (Điều 2)

+ Tiêu chí thành lập Đội dân phòng

Mỗi ấp, khu vực trên địa bàn thành phố được thành lập một Đội dân phòng, bao gồm Đội trưởng, Đội phó và các Đội viên.

+ Tiêu chí về số lượng thành viên Đội dân phòng

Đội dân phòng có tối thiểu 07 thành viên gồm Đội trưởng, Đội phó và 05 thành viên. Đối với ấp có số lượng hộ gia đình từ 400 hộ, khu vực có số lượng hộ gia đình từ 550 hộ cứ tăng thêm 50 hộ thì được tăng 01 thành viên, nhưng tối đa mỗi Đội dân phòng không quá 15 thành viên.

- Tổ chức thực hiện (Điều 3)

- Hiệu lực thi hành (Điều 4).

**8. Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ khoản 6 Điều 50 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 quy định: “6. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp ban hành chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ”.

+ Cơ sở thực tiễn

Thời gian qua, công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố được triển khai nghiêm túc, đồng bộ, nhiều vụ cháy, nổ được xử lý kịp thời, góp phần hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản của người dân. Tuy nhiên, điều kiện về hạ tầng giao thông và nguồn nước phục vụ chữa cháy ở nhiều khu dân cư chưa bảo đảm, phương tiện chữa cháy còn thiếu, 2 xuống cấp, chưa phù hợp với đặc điểm địa bàn đã ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý khi xảy ra cháy, nổ. Từ đầu năm 2021 đến cuối năm 2025, Công an thành phố đã tham gia xử lý 110 vụ cháy, nổ với thiệt hại tài sản ước tính trên 70 tỷ đồng, làm chết 8 người và 6 người bị thương, trong đó, có 86 vụ xảy ra tại khu vực đô thị, chiếm 78,2% tổng số vụ cháy, nổ trên địa bàn. Qua kết quả xử lý các vụ cháy, nổ, Công an thành phố nhận thấy một số tuyến đường, hẻm ở các khu dân cư không bảo đảm cho xe chữa cháy tiếp cận; một số khu vực chưa được đầu tư nguồn nước phục vụ chữa cháy (như: trụ nước, bể chứa, hồ thu nước, bển lấy nước) hoặc đã được đầu tư nhưng trữ lượng, áp lực nước chưa đáp ứng yêu cầu chữa cháy, là một trong những nguyên nhân ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả công tác chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ.

Công an thành phố đã phối hợp khảo sát, thu thập dữ liệu được 5.452 nguồn nước phục vụ chữa cháy, gồm 3.512 trụ nước chữa cháy ngoài nhà, 519 bể chứa và 1.421 nguồn nước tự nhiên; đồng thời, khảo sát tại 103 đơn vị cấp xã, xác định có khoảng 3.369 khu vực không bảo đảm điều kiện về giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy, với khoảng 229.333 nhà ở thuộc các khu vực này. Do đó, yêu cầu thực tiễn trong công tác quản lý nhà nước về phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đòi hỏi phải có văn bản quy phạm pháp luật quy định chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông hoặc nguồn nước phục vụ chữa cháy theo quy định và xây dựng, trang bị hệ thống phòng cháy, chữa cháy, thiết bị, phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ bảo đảm yêu cầu công tác.

Từ cơ sở pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

#### **- Mục đích ban hành:**

+ Thể chế hóa chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về tăng cường, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ.

+ Tạo cơ sở pháp lý để cơ quan nhà nước có thẩm quyền tổ chức thực hiện đồng bộ các giải pháp ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư thuộc phạm vi quản lý

chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ theo quy định của pháp luật.

+ Nâng cao hiệu quả công tác phòng ngừa, khả năng sẵn sàng chữa cháy; hạn chế đến mức thấp nhất thiệt hại do cháy, nổ gây ra; bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhân dân và Nhà nước; góp phần phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an sinh xã hội của thành phố.

### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 19/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với các khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 10 điều, cụ thể:

#### **- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

Nghị quyết này quy định chi tiết khoản 6 Điều 50 Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15 về chính sách ưu tiên đầu tư và huy động các nguồn lực để đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa bảo đảm điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy; đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

#### **- Đối tượng áp dụng (Điều 2)**

+ Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, đơn vị được giao nhiệm vụ đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành hạ tầng kỹ thuật; đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố.

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài; tổ chức, cá nhân nước ngoài; tổ chức quốc tế tham gia đầu tư, đóng góp, tài trợ cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ trên địa bàn thành phố.

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

#### **- Nguyên tắc thực hiện (Điều 3)**

- Quy định về thứ tự ưu tiên đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa đảm bảo điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy (Điều 4)

- Chính sách ưu tiên đầu tư, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật đối với khu dân cư thuộc phạm vi quản lý chưa đảm bảo điều kiện về hạ tầng giao thông, nguồn nước phục vụ chữa cháy (Điều 5)

- Chính sách ưu tiên đầu tư, trang bị, sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ (Điều 6)
- Chính sách ưu tiên huy động các nguồn lực (Điều 7)
- Kinh phí thực hiện (Điều 8)
- Tổ chức thực hiện (Điều 9)
- Hiệu lực thi hành (Điều 10).

**9. Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chính sách hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý:**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 1690/QĐ-TTg ngày 26 tháng 12 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao năng lực quản lý nhà nước và thực thi pháp luật về chuyển đổi số từ trung ương đến địa phương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”;

Căn cứ Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đã “*Xác định nội dung cốt lõi của chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư của nước ta là thúc đẩy phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên tất cả các ngành, lĩnh vực và thúc đẩy chuyển đổi số quốc gia, trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số*”; đồng thời, xác định “*Chính sách thúc đẩy chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội*” là một trong 08 chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, trong đó nhấn mạnh *“Khẩn trương, quyết liệt hoàn thiện thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số”*;

Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 15 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 đã quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố *“Quyết định chính sách, biện pháp nhằm phát triển khoa học, công nghệ, thông tin, thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của địa phương theo quy định của pháp luật”*;

Căn cứ Công văn số 3497/CĐSQG-CNCPS ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Cục Chuyển đổi số quốc gia, Bộ Khoa học và Công nghệ về việc thúc đẩy, phát huy hiệu quả của các Tổ Công nghệ số cộng đồng (CNSCĐ) trong hỗ trợ người dân, có nêu *“Để Tổ CNSCĐ hoạt động bền vững, các địa phương đã chỉ ra nhu cầu cần thiết có sự hỗ trợ từ ngân sách nhà nước nhằm trang trải các chi phí hoạt động cho Tổ. Pháp luật hiện hành không có quy định chung áp dụng trong phạm vi cả nước về chính sách hỗ trợ kinh phí từ ngân sách nhà nước cho các Tổ CNSCĐ mà tùy vào từng địa phương ban hành chính sách hỗ trợ riêng, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của mình”*;

Căn cứ Kế hoạch số 22-KH/TU ngày 09 tháng 9 năm 2025 của Thành ủy Cần Thơ về việc hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị *“Ưu tiên tăng bố trí nguồn lực từ ngân sách nhà nước kết hợp thúc đẩy việc huy động xã hội hóa trong đầu tư khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, khởi nghiệp sáng tạo (đặc biệt là các mô hình kết hợp công tư, quỹ đầu tư,...); sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực xã hội nói chung, đặc biệt là nguồn ngân sách nhà nước; ưu tiên các nhiệm vụ cấp thiết, dự án có tính lan tỏa và hiệu quả cao”*.

#### **+ Cơ sở thực tiễn:**

Thực trạng hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn thành phố:

Tổ Công nghệ số cộng đồng là lực lượng nòng cốt, mang tính “gần dân, sát dân” trong việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở. Đây là cánh tay nối dài của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 các cấp để đưa công nghệ số đến từng ngõ, gõ cửa từng nhà. Thực hiện chủ trương của Trung ương và của thành phố, đến nay,

100% các ấp, khu vực trên địa bàn thành phố đã thành lập Tổ Công nghệ số cộng đồng. Cụ thể, toàn thành phố đã có 1.940 Tổ Công nghệ số cộng đồng được thành lập tại 103 xã, phường với tổng số 12.290 thành viên. Lực lượng này đã và đang từng bước đóng vai trò quan trọng trong việc triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại cơ sở:

Hướng dẫn người dân cài đặt, sử dụng các nền tảng số thiết yếu như VNeID, ứng dụng thanh toán không dùng tiền mặt, dịch vụ công trực tuyến, sàn thương mại điện tử;

Tuyên truyền, phổ biến các kỹ năng số an toàn, kỹ năng nhận diện lừa đảo trên không gian mạng, góp phần hình thành công dân số và văn hóa số trong cộng đồng.

Hỗ trợ chính quyền triển khai các cuộc khảo sát, thu thập dữ liệu và các nhiệm vụ đột xuất liên quan đến công nghệ số tại địa phương.

Tuy nhiên, các thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng hiện đang hoạt động hoàn toàn trên tinh thần tự nguyện, nhiệt tình, trách nhiệm, không có bất kỳ khoản phụ cấp hay chi phí hỗ trợ nào. Điều này dẫn đến nhiều khó khăn, hạn chế hiệu quả hoạt động:

**Thiếu kinh phí hoạt động:** các Tổ Công nghệ số cộng đồng không có chi phí để chi trả cho các hoạt động cơ bản như: chi phí xăng xe di chuyển, cước phí điện thoại/3G/4G để liên lạc và hỗ trợ người dân;

**Giảm động lực:** hoạt động dựa trên nhiệt tình cá nhân không thể duy trì lâu dài, đặc biệt khi khối lượng công việc ngày càng tăng. Việc thiếu sự ghi nhận và hỗ trợ về vật chất ảnh hưởng trực tiếp đến động lực và sự gắn bó của các thành viên;

**Khó duy trì và phát triển:** việc vận động thành viên mới tham gia gặp khó khăn, trong khi các thành viên hiện tại có thể xin ra khỏi Tổ do không đảm bảo được thời gian và chi phí cá nhân.

Chế độ, mức hỗ trợ tham khảo từ các tỉnh, thành phố khác:

Một số tỉnh, thành phố trong cả nước đã ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định chính sách hỗ trợ cho lực lượng này. Qua tham khảo chính sách của các địa phương đã ban hành, có thể thấy việc hỗ trợ kinh phí cho Tổ Công nghệ số cộng đồng là một yêu cầu cần thiết để đảm bảo hiệu quả hoạt động. Mức hỗ trợ rất đa dạng, tùy thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội của từng địa phương:

Tỉnh Cà Mau (Nghị quyết số 19/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025): Hỗ trợ 720.000 đồng/Tổ/tháng;

Tỉnh Thanh Hóa (Nghị quyết số 55/2025/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2025): Hỗ trợ 3.000.000 đồng/Tổ/năm;

Tỉnh Tây Ninh (Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025): Hỗ trợ 1.000.000 đồng/Tổ/tháng;

Thành phố Đà Nẵng (Nghị quyết số 26/2025/NQ-HĐND ngày 11 tháng 12 năm 2025): Hỗ trợ 300.000 đồng/Tổ/tháng;

Tỉnh Tuyên Quang (Nghị quyết số 10/2026/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2026): Hỗ trợ 2.000.000 đồng/Tổ/năm;

Tỉnh Gia Lai (Nghị quyết số 12/2026/NQ-HĐND ngày 24 tháng 4 năm 2026): Hỗ trợ 12.000.000 đồng/Tổ/tháng).

Đề xuất chế độ hỗ trợ Tổ Công nghệ số cộng đồng thành phố Cần Thơ:

Hiện nay, toàn thành phố có 1.896 ấp, khu vực; trên cơ sở yêu cầu thực tiễn, một số địa bàn có quy mô dân cư lớn thành lập thêm Tổ tại Ủy ban nhân dân cấp xã, do đó số lượng Tổ Công nghệ số cộng đồng sẽ được Ủy ban nhân dân cấp xã rà soát, ban hành sau khi có Nghị quyết nhằm đảm bảo yêu cầu thực tiễn của địa phương, hiện tại tổng số Tổ Công nghệ số cộng đồng là 1.940 Tổ. Đề xuất mức hỗ trợ **1.500.000 đồng/Tổ/tháng** để hỗ trợ tiền xăng xe, cước điện thoại, dữ liệu di động (4G, 5G), phục vụ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng.

Mức này được xem là phù hợp với điều kiện của thành phố Cần Thơ vì:

Hoạt động của Tổ Công nghệ số cộng đồng mang tính chất lưu động và gắn liền với hạ tầng viễn thông, đây cũng là tính chất đặc thù của công việc “đi từng ngõ, gõ từng nhà”:

Hỗ trợ tiền xăng xe: để đạt được hiệu quả chuyển đổi số thực chất, thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng phải di chuyển thường xuyên đến tận nhà người dân, các cơ sở sản xuất kinh doanh tại địa phương;

Hỗ trợ tiền cước điện thoại và dữ liệu di động (4G/5G): nhiệm vụ chính là hướng dẫn người dân cài đặt ứng dụng, thực hiện dịch vụ công trực tuyến ngay tại chỗ. Nếu không có dữ liệu di động, việc hướng dẫn sẽ bị gián đoạn, không thể minh họa trực tiếp, làm giảm hiệu quả tuyên truyền và thực hành công nghệ số.

Thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng chủ yếu là những người hoạt động không chuyên trách hoặc tình nguyện viên. Một khoản hỗ trợ thiết thực sẽ tạo động lực, thu hút nhân lực có trình độ tham gia công tác xây dựng xã hội số tại cơ sở, đáp ứng yêu cầu về “nhân lực cho công tác xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật”.

Việc hỗ trợ này là nhằm cung cấp “nguồn lực, điều kiện bảo đảm” tối thiểu để thành viên Tổ Công nghệ số cộng đồng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Bình quân mỗi Tổ Công nghệ số cộng đồng là hơn 06 thành viên, với số tiền 1.500.000 đồng/Tổ/tháng thì mỗi thành viên chỉ nhận được chưa đến 250.000 đồng/người/tháng. Xét thấy, mức hỗ trợ này phù hợp với khối lượng công việc và tương đối với các tỉnh Đồng bằng sông Cửu Long, cùng đề nghị

của các xã nhằm đủ điều kiện hỗ trợ triển khai nhiệm vụ, phạm vi hoạt động và yêu cầu triển khai chuyển đổi số tại cơ sở.

Kinh phí thực hiện được đảm bảo từ nguồn ngân sách thành phố được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của ngân sách cấp xã.

Từ những cơ sở nêu trên, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định về chính sách hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030 là rất cần thiết, nhằm tạo cơ sở pháp lý vững chắc, kịp thời động viên, khích lệ và nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng nòng cốt này, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu chuyển đổi số của thành phố.

**- Mục đích ban hành:**

Ghi nhận, động viên và tạo điều kiện thuận lợi về kinh phí để các Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn thành phố duy trì hoạt động ổn định, hiệu quả. Tạo cơ sở pháp lý để các địa phương bố trí ngân sách chi hỗ trợ hoạt động cho các Tổ Công nghệ số cộng đồng, đảm bảo tính thống nhất, công khai, minh bạch. Thúc đẩy mạnh mẽ công cuộc chuyển đổi số từ cấp cơ sở, nâng cao kỹ năng số và mức độ sử dụng các nền tảng số của người dân.

**c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 20/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định về chính sách hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 Điều, cụ thể như sau:

**- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)**

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định về chính sách hỗ trợ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Đối tượng áp dụng: Tổ Công nghệ số cộng đồng được thành lập theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã và hoạt động theo kế hoạch hàng năm do Ủy ban nhân dân cấp xã ban hành; Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động Tổ Công nghệ số cộng đồng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

**- Chính sách hỗ trợ (Điều 2)**

+ Nội dung hỗ trợ: tiền xăng xe, cước điện thoại, dữ liệu di động (4G, 5G), phục vụ hoạt động cho Tổ Công nghệ số cộng đồng.

+ Mức hỗ trợ: 1.500.000 đồng/Tổ/tháng.

+ Thời gian hỗ trợ: kể từ ngày Nghị quyết có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

**- Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 3)**

**- Tổ chức thực hiện (Điều 4)**

- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

**10. Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi và mức chi các Giải Báo chí thành phố Cần Thơ; chi hỗ trợ tác phẩm báo chí đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Trong sự nghiệp xây dựng, bảo vệ và phát triển đất nước, báo chí cách mạng Việt Nam đã và đang là lực lượng tiên phong, đi đầu trong các mặt hoạt động truyền thông, đặc biệt là tuyên truyền đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Nghị quyết số 16-NQ/TW ngày 01 tháng 8 năm 2007 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa X) về công tác tư tưởng, lý luận và báo chí trước yêu cầu mới, trong đó, nhấn mạnh: *“Nâng cao chất lượng về nội dung, hình thức, tăng tính thuyết phục, tính hấp dẫn, lượng phát hành, phạm vi phủ sóng, làm tốt khả năng chi phối, định hướng thông tin và dư luận xã hội”*. Xác định được vai trò quan trọng của báo chí là phương tiện thông tin thiết yếu đối với đời sống xã hội; là cơ quan ngôn luận của cơ quan Đảng, cơ quan nhà nước, là diễn đàn tin cậy của Nhân dân. Vì thế, thời gian qua, một số tỉnh, thành phố trong cả nước đã ban hành chính sách khen thưởng cho các Giải Báo chí nhằm thu hút sự tham gia của các cơ quan báo chí như thành phố Hồ Chí Minh, Thái Nguyên, Hưng Yên, Quảng Trị;

Đồng thời, Nghị quyết số 16-NQ/TW cũng nêu rõ: *“Tăng cường và nâng cao chất lượng hoạt động thông tin đối ngoại. Tiếp tục tăng thời lượng phát thanh, truyền hình, báo điện tử ra các nước, các khu vực, đưa được nhiều thông tin và sản phẩm văn hóa có nội dung tốt đến đồng bào ta ở nước ngoài và bạn bè quốc tế; tăng cường giới thiệu, quảng bá hình ảnh về đất nước và con người Việt Nam đến nhiều nước trên thế giới”*. Chính vì vậy, việc khuyến khích các cơ quan báo chí trong nước tham gia các Giải Báo chí trong khu vực và thế giới là nhu cầu tất yếu của quá trình hội nhập.

Tại khoản 1 Điều 81 Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 quy định: *“1. Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Luật này, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể thực hiện các hình thức khen thưởng khác nhằm động viên đối với cá nhân, tập thể có thành tích để kịp thời nêu gương trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc do Luật này quy định”*;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ điểm c khoản 3 Điều 1 của Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025, quy định: “3. *Sửa đổi, bổ sung Điều 21 như sau:*

*“Điều 21. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*

*1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định:*

*c) Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;”*

Căn cứ điểm 1 khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân các cấp như sau: “*Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”. Đồng thời, tại khoản 1 Điều 9 Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 quy định thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh về quyết định chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương như sau: “*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể hoặc giao Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách địa phương theo quy định tại điểm h khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội trên địa bàn theo quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước*”. Theo đó, các chính sách, nội dung chi, mức chi đang được đề xuất trong dự thảo Nghị quyết này chưa được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành là “*các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương*”;

Căn cứ Luật Báo chí số 126/2025/QH15; Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Thời gian vừa qua, các Giải Báo chí của thành phố Cần Thơ, trong đó tiêu biểu là Giải Báo chí Phan Ngọc Hiển, là hoạt động nhằm tôn vinh những nhà báo, tác phẩm báo chí xuất sắc đóng góp vào sự đổi mới, phát triển của thành phố Cần Thơ. Tuy nhiên, nhìn chung số lượng tác giả, tác phẩm tham gia giải thưởng còn ít, chất lượng chưa đồng đều, chưa có nhiều tác phẩm có chất lượng cao, nhất là về các chủ đề lớn như: công tác xây dựng Đảng, học tập và làm theo tư tưởng Hồ Chí Minh, thông tin đối ngoại;

Hiện nay, nội dung chi và mức chi giải thưởng Giải Báo chí Phan Ngọc Hiền được thực hiện chủ yếu từ nguồn xã hội hóa, chưa có một quy định cụ thể về mức chi, theo đó mức giải thưởng được thực hiện trong năm 2025 như sau:

Giải nhất trị giá bằng 03 (ba) lần mức lương cơ sở hiện hành/giải;

Giải nhì trị giá bằng 1,9 (một phẩy chín) lần mức lương cơ sở hiện hành/giải;

Giải ba trị giá bằng 1,3 (một phẩy ba) lần mức lương cơ sở hiện hành/giải;

Giải khuyến khích trị giá bằng 0,5 (không phẩy năm) lần mức lương cơ sở hiện hành/giải.

Tuy nhiên, so với mức khen thưởng của 03 địa phương Cần Thơ, Sóc Trăng, Hậu Giang (trước khi sáp nhập) và một số địa phương cũng như so với mức lương cơ sở hiện tại thì giá trị giải thưởng các Giải Báo chí của thành phố Cần Thơ còn thấp, chưa tương xứng với công sức của tác giả thực hiện tác phẩm *(đính kèm phụ lục so sánh mức chi khen thưởng của 03 địa phương trước sáp nhập và tham khảo mức khen thưởng của một số tỉnh, thành phố đã ban hành Nghị quyết)*.

Theo đó, các Giải Báo chí của thành phố Cần Thơ là những giải thưởng quan trọng nhằm động viên, cổ vũ phong trào thi đua lao động sáng tạo của những người làm báo và phát hiện, bồi dưỡng những tài năng báo chí trong và ngoài thành phố nhưng nằm ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15. Đồng thời, nguồn kinh phí thực hiện chủ yếu lấy từ nguồn xã hội hóa nên gặp rất nhiều khó khăn trong công tác vận động, tài trợ, ảnh hưởng không nhỏ đến công tác tổ chức các Giải;

Theo thống kê từ năm 2023 đến năm 2025, Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ đã đạt 04 Giải Nhất, 08 Giải Nhì, 10 Giải Ba, 20 Giải Khuyến khích từ các Giải Báo chí do Trung ương phát động như: Giải Báo chí quốc gia, Giải Báo chí toàn quốc về Quốc hội và Hội đồng nhân dân, Giải Báo chí toàn quốc về thông tin đối ngoại, Cuộc thi chính luận bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, Giải báo chí “Vì sự nghiệp đại đoàn kết dân tộc”, Liên hoan phát thanh - truyền hình toàn quốc,... Đồng thời, đối với Liên hoan phát thanh, truyền hình và Cuộc thi bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng thì sau khi đạt giải cấp quốc gia, Ban Chỉ đạo 35 Thành ủy, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố tặng Bằng khen cho các tập thể, cá nhân đạt giải cao. Tuy nhiên, thành phố chưa có cơ chế quy định cụ thể cho việc chi khen thưởng này;

Về các giải thưởng quốc tế, theo thống kê, năm 2025, 2026, phóng viên ảnh của Báo và Phát thanh, Truyền hình Cần Thơ đã đạt 14 huy chương vàng, 01 huy chương bạc và 01 huy chương đồng tại các Cuộc thi ảnh quốc tế và khu vực.

Bên cạnh đó, để có được một Giải Báo chí thành công và lựa chọn ra những tác phẩm hay, xuất sắc thì vai trò của thành viên Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Thư ký là rất lớn. Tuy nhiên, hiện nay, thành phố chưa có văn bản quy định mức chi cho nội dung này. Năm 2025, kinh phí chi thù lao cho Ban Giám

khảo Giải Báo chí Phan Ngọc Hiến được chi từ nguồn xã hội hóa, mức chi cho 10 ngày làm việc như sau:

Trưởng ban (01 người): 600.000đ/ngày/người;

Phó Trưởng ban (02 người): 500.000đ/ngày/người;

Ủy viên (04 người): 400.000đ/ngày/người;

Thư ký (01 người): 300.000đ/ngày/người.

Do đó, việc quy định nội dung chi này vào Nghị quyết để bảo đảm căn cứ pháp lý chặt chẽ và tính toàn diện, xuyên suốt khi triển khai thực hiện Nghị quyết trong thực tế đối với giải thưởng lớn của thành phố.

Qua nhiều năm tổ chức Giải Báo chí Phan Ngọc Hiến đã thể hiện rõ nhiều vấn đề bất cập trong việc chưa ban hành được Nghị quyết chi khen thưởng, cụ thể như sau:

Do nguồn kinh phí khen thưởng chỉ được chi một phần từ ngân sách nhà nước, còn lại các giải thưởng khác phải chi từ nguồn xã hội hóa nên dẫn đến việc chi khen thưởng chậm trễ, chưa kịp thời. Đồng thời, nguồn kinh phí chi khen thưởng cho Giải Báo chí Phan Ngọc Hiến hiện nay còn thấp so với 03 địa phương trước khi sáp nhập và các địa phương khác trong cả nước, chưa thật sự tương xứng với sự đầu tư của tác giả, vì thế chưa nhận được sự quan tâm các cơ quan báo chí, trong khi thành phố Cần Thơ có trên 70 cơ quan báo chí có Văn phòng đại diện, phóng viên thường trú, phóng viên phụ trách địa bàn;

Khi chính sách này được ban hành, dự kiến hàng năm ngân sách nhà nước phải chi trả giải thưởng cho 01 Giải Báo chí thành phố Cần Thơ khoảng trên 300 triệu đồng và dự trù kinh phí hỗ trợ cho các tác phẩm báo chí xuất sắc đạt giải quốc gia, quốc tế khoảng 300 triệu đồng. Tuy nhiên, khi chính sách được ban hành sẽ khuyến khích, bồi dưỡng tài năng báo chí, nâng cao vai trò, trách nhiệm của các nhà báo đối với xã hội; động viên, cổ vũ phong trào thi đua lao động, sáng tạo của những người làm báo để có nhiều tác phẩm báo chí xuất sắc đóng góp cho sự phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Cần Thơ;

Từ nay đến cuối năm 2026, thành phố Cần Thơ còn nhiều Giải Báo chí, Giải thuộc loại hình báo chí và các Cuộc thi có tính chất báo chí diễn ra như: Giải Báo chí Phan Ngọc Hiến thành phố Cần Thơ lần thứ XX năm 2026 được tổng kết và trao giải vào cuối năm 2026; Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, thành phố Cần Thơ lần thứ Tư, năm 2026 đã phát động dự kiến tổng kết, trao giải vào tháng 10 năm 2026; Giải Báo chí tuyên truyền về thông tin đối ngoại tổng kết và trao giải vào quý IV năm 2026. Do đó, việc xây dựng Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi các Giải Báo chí thành phố Cần Thơ; chi hỗ trợ tác phẩm báo chí hay, xuất sắc đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế là cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Từ những cơ sở trên và căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tiễn tại địa phương, việc xây dựng và ban hành kịp thời Nghị quyết quy định nội dung chi và

mức chi các Giải Báo chí thành phố Cần Thơ; chi hỗ trợ tác phẩm báo chí đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế là rất cần thiết, tạo cơ sở pháp lý cho việc tổ chức triển khai thực hiện các Giải Báo chí, Giải thuộc loại hình báo chí và các Cuộc thi có tính chất báo chí: Giải Báo chí Phan Ngọc Hiền thành phố Cần Thơ lần thứ XX; Cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, thành phố Cần Thơ lần thứ Tư, năm 2026; Giải báo chí tuyên truyền về thông tin đối ngoại trên địa bàn thành phố trong thời gian tới.

#### **- Mục đích ban hành**

+ Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố được xây dựng nhằm quy định cụ thể mức chi khen thưởng cho các Giải Báo chí thành phố Cần Thơ; chi thù lao cho Ban Tổ chức, Ban Giám khảo; đồng thời, chi hỗ trợ các tác phẩm đạt giải quốc gia, quốc tế. Bên cạnh đó, nhằm thực hiện đúng các quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương;

+ Kịp thời động viên, khuyến khích những người làm báo thực hiện nhiều tác phẩm có giá trị, chất lượng tham gia các Giải Báo chí thành phố Cần Thơ hàng năm, đáp ứng nhu cầu của người đọc, nâng cao dân trí, góp phần định hướng tư tưởng, ổn định xã hội và xây dựng, phát triển sự nghiệp báo chí trên địa bàn thành phố.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 21/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi và mức chi các Giải Báo chí thành phố Cần Thơ; chi hỗ trợ tác phẩm báo chí đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế, gồm 06 điều, cụ thể:

##### **- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)**

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định về nội dung, mức chi giải thưởng, thù lao cho các Giải Báo chí trên địa bàn thành phố Cần Thơ; chi hỗ trợ tác phẩm báo chí đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế. Các Giải Báo chí được đề nghị khen thưởng và hỗ trợ phải do các cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý báo chí tổ chức và cho phép.

+ Đối tượng áp dụng: Nghị quyết này áp dụng đối với tập thể, cá nhân thuộc các cơ quan, đơn vị thành phố, cơ quan báo chí thành phố Cần Thơ, cơ quan báo chí Trung ương và địa phương khác đang hoạt động trên địa bàn thành phố Cần Thơ và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan tham gia các Giải Báo chí trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Nội dung chi và mức chi giải thưởng các Giải Báo chí trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Điều 2)

+ Nội dung, mức chi

+ Nội dung, mức chi thù lao đối với các cá nhân tham gia Ban Tổ chức, Ban Giám khảo, Tổ Thư ký các Giải Báo chí của thành phố Cần Thơ.

- Nội dung, mức chi hỗ trợ tác phẩm báo chí đạt giải thưởng cấp quốc gia, quốc tế (Điều 3)

- Nguồn kinh phí (Điều 4)

- Tổ chức thực hiện Điều 5)

- Hiệu lực thi hành (Điều 6).

**11. Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- **Sự cần thiết ban hành:**

+ **Cơ sở chính trị, pháp lý**

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Tại điểm h khoản 9 Điều 31 Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân các cấp có nhiệm vụ và quyền hạn: “*Quyết định cụ thể hoặc giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ hoặc Bộ Tài chính phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương*”;

Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15;

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XVIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới;

Tại khoản 3 các Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 15, Điều 16 và khoản 4 Điều 13 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

+ **Cơ sở thực tiễn**

Chính sách hỗ trợ phát triển các tổ chức kinh tế tập thể giai đoạn 2021–2025 được triển khai theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ đã kết thúc vào cuối năm 2025. Qua quá trình triển khai cho thấy chính sách đã góp phần hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể từng bước

củng cố tổ chức, nâng cao hiệu quả hoạt động và thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh. Tuy nhiên, thực tiễn hiện nay trên địa bàn thành phố Cần Thơ cho thấy phần lớn các tổ chức kinh tế tập thể, đặc biệt là hợp tác xã vẫn còn gặp nhiều khó khăn và hạn chế. Nhiều đơn vị có quy mô sản xuất nhỏ, nguồn vốn hoạt động còn thấp, trang thiết bị và cơ sở vật chất phục vụ sản xuất – kinh doanh còn lạc hậu, thiếu đồng bộ; trình độ quản lý và năng lực quản trị của đội ngũ cán bộ hợp tác xã chưa thật sự đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Bên cạnh đó, khả năng huy động vốn góp từ thành viên còn hạn chế, việc tiếp cận các nguồn vốn tín dụng từ ngân hàng thương mại cũng gặp nhiều khó khăn do thiếu tài sản bảo đảm, phương án sản xuất – kinh doanh chưa đủ điều kiện hoặc quy mô hoạt động chưa đủ lớn. Do đó, để tiếp tục thúc đẩy khu vực kinh tế tập thể phát triển bền vững, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, trong đó trọng tâm là hợp tác xã, thành phố Cần Thơ cần thiết phải ban hành quy định mới về mức kinh phí hỗ trợ cho các tổ chức kinh tế tập thể nhằm áp dụng cho giai đoạn tiếp theo sau năm 2025.

Việc ban hành quy định về mức kinh phí hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn thành phố có ý nghĩa quan trọng trong việc tạo cơ sở pháp lý và nguồn lực để hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể phát triển ổn định, bền vững và thích ứng với bối cảnh phát triển kinh tế – xã hội trong giai đoạn mới. Thông qua các chính sách hỗ trợ cụ thể, các tổ chức kinh tế tập thể sẽ có điều kiện nâng cao năng lực quản trị, củng cố nguồn vốn hoạt động, đầu tư đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học – kỹ thuật và chuyển đổi số trong quản lý và sản xuất. Đồng thời, chính sách cũng góp phần thúc đẩy việc tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm, đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất – kinh doanh và nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ của hợp tác xã. Qua đó, nâng cao uy tín, thương hiệu và hiệu quả hoạt động của các tổ chức kinh tế tập thể, phù hợp với xu thế hội nhập kinh tế quốc tế và yêu cầu chuyển đổi số hiện nay. Bên cạnh đó, chính sách còn góp phần thúc đẩy các mô hình sản xuất xanh, nông nghiệp thông minh, kinh tế tuần hoàn; khuyến khích phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tăng cường tính liên kết, hợp tác, tương trợ và chia sẻ rủi ro giữa các thành viên trong tổ chức kinh tế tập thể cũng như giữa tổ chức kinh tế tập thể với các thành viên và đối tác liên kết.

Việc ban hành quy định về mức kinh phí hỗ trợ các tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn thành phố cũng nhằm cụ thể hóa các chủ trương, định hướng lớn của Đảng và Nhà nước về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả khu vực kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, đặc biệt là các văn bản quan trọng như:

Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể trong giai đoạn mới, trong đó xác định kinh tế tập thể là thành phần kinh tế quan trọng, cần được củng cố và phát triển lâu dài;

Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15, tạo khung pháp lý mới nhằm thúc đẩy đổi mới mô hình tổ chức, nâng cao năng lực hoạt động và mở rộng phạm vi liên kết của hợp tác xã;

Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã;

Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Việc cụ thể hóa các quy định nêu trên sẽ tạo cơ sở pháp lý đồng bộ để các địa phương chủ động triển khai chính sách hỗ trợ phù hợp với điều kiện thực tiễn, qua đó góp phần thúc đẩy phát triển khu vực kinh tế tập thể trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo hướng hiệu quả, bền vững và thích ứng với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

#### **- Mục đích ban hành**

Thực hiện trách nhiệm của Hội đồng nhân dân thành phố theo quy định tại khoản 3 các Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 15 Nghị định số 113/2024/NĐ-CP ngày 12/9/2024 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã số 17/2023/QH15.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 22/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 Điều, cụ thể:

##### **- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)**

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 các Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11, Điều 12, Điều 15 của Nghị định số 113/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã.

+ Đối tượng áp dụng: Tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã được thành lập, tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã; Thành viên của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức, triển khai thi hành Nghị quyết này.

- Mức kinh phí hỗ trợ cụ thể thực hiện các chính sách phát triển tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã (Điều 2)

+ Chính sách hỗ trợ phát triển nguồn nhân lực

+ Chính sách hỗ trợ thông tin

- + Chính sách hỗ trợ xây dựng mạng lưới cung cấp dịch vụ tư vấn
- + Chính sách hỗ trợ nhân rộng mô hình hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động hiệu quả
- + Chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số
- + Chính sách hỗ trợ tiếp cận và nghiên cứu thị trường
- + Chính sách hỗ trợ tư vấn tài chính và đánh giá rủi ro
- Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 3)
- Tổ chức thực hiện (Điều 4)
- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

**12. Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Khoản 1 Mục II “QUAN ĐIỂM” và khoản 4 Mục IV “NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU” Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16 tháng 6 năm 2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về Nông nghiệp, nông thôn, nông dân có nêu:

*“Nông nghiệp, nông dân, nông thôn là ba thành tố có quan hệ mật thiết, gắn bó, không thể tách rời; có vai trò, vị trí rất quan trọng trong sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; là cơ sở, lực lượng to lớn trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, giữ vững ổn định chính trị, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo tồn và phát huy giá trị văn hoá, con người Việt Nam, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn là một trong những nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Nguồn lực của đất nước phải tiếp tục ưu tiên đầu tư cho nông nghiệp, nông dân, nông thôn.”*

*“Tiếp tục hoàn thiện chính sách, pháp luật về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.*

Khoản 1 và khoản 2 Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị có nêu:

*“1. Tiếp tục xác định nông nghiệp, nông dân (bao gồm cả ngư dân, diêm dân), nông thôn có vị trí chiến lược lâu dài, là nền tảng quan trọng bảo đảm ổn định vĩ mô, tăng trưởng bền vững, trong đó nông dân là trung tâm, là chủ thể, là động lực, nguồn lực của quá trình đổi mới; ...*

*2. Trong năm 2026, cơ bản hoàn thành việc rà soát, thể chế hoá đầy đủ, kịp thời các chủ trương, định hướng của Đảng thành các luật và văn bản hướng dẫn thi hành, bảo đảm hài hoà lợi ích lâu dài giữa Nhà nước, doanh nghiệp và người nông dân, tạo động lực mới cho phát triển nông nghiệp, nông dân, nông thôn, hỗ trợ thực hiện cơ cấu lại ngành, thúc đẩy xây dựng nông thôn mới ...”.*

Điều a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định:

*“1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định: a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.*

Khoản 1 Điều 19 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP ngày 17/4/2018 của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn: *“1. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh:*

*a) Rà soát, ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn tại địa phương, trong đó quy định chính sách tín dụng tại địa phương quy định tại Điều 8 Nghị định này; vốn cấp bù lãi suất hỗ trợ cho các dự án và mức vốn sử dụng ngân sách địa phương để đảm bảo thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp”.*

Như vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Cần Thơ là phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của Luật Đầu tư, Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời là trách nhiệm cụ thể được giao cho Ủy ban nhân dân thành phố trong tổ chức thực hiện chính sách pháp luật về đất đai, đầu tư trên địa bàn.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh:

*“19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...”*

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định:

*“b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy*

*ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”.*

Thời gian qua, UBND thành phố đã đề xuất trình HĐND thành phố ban hành Nghị quyết thông qua danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng và Nghị quyết bãi bỏ các Nghị quyết trước sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định.

Qua rà soát, trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, UBND tỉnh Hậu Giang (cũ) và Sóc Trăng (cũ) đã trình HĐND ban hành một số Nghị quyết về khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, cụ thể:

Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng (cũ): Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐND ngày 10/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng (cũ) ban hành chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2020 - 2025 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ): Nghị quyết số 07/2019/NQ-HĐND ngày 11/7/2019 quy định chính sách khuyến khích đầu tư; chính sách hỗ trợ liên kết sản xuất, tiêu thụ sản phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp; chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư vào Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Hậu Giang (đã được bãi bỏ tại Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ);

Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ trước khi sáp nhập chưa ban hành Nghị quyết quy định nội dung này.

Các chính sách, quy định nêu trên đã kịp thời đáp ứng nhu cầu hỗ trợ của doanh nghiệp, nhà đầu tư. Tuy nhiên, các chính sách được ban hành trước sáp nhập có sự khác biệt. Sau khi sáp nhập 03 tỉnh, thành phố thành 01 đơn vị hành chính mới (thành phố Cần Thơ), việc tồn tại nhiều cơ chế, chính sách chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn không còn phù hợp. Do đó, cần thiết phải xây dựng và ban hành một Nghị quyết chung của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn, bảo đảm:

Thông nhất chính sách trên toàn địa bàn thành phố sau sáp nhập;

Phù hợp với điều kiện thực tiễn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thu hút đầu tư trong giai đoạn mới;

Tạo môi trường đầu tư minh bạch, bình đẳng, tăng tính cạnh tranh so với các địa phương khác trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ những cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết của HĐND thành phố Quy định chính sách đặc thù khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Cần Thơ là có cơ sở và cần thiết trong điều kiện thực tiễn.

#### **- Mục đích ban hành**

Đảm bảo việc thực hiện chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn đồng bộ, thống nhất, phù hợp với điều kiện thực tiễn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thu hút đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 23/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

##### **- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)**

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Đối tượng áp dụng: Doanh nghiệp được thành lập, đăng ký, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp và có dự án đầu tư quy định tại khoản 3, khoản 4, khoản 5, Điều 3 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng cho doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn.

##### **- Nội dung chính sách tiếp cận, hỗ trợ tín dụng (Điều 2)**

+ Mức hỗ trợ: Bằng 100% chênh lệch lãi suất vay thương mại so với lãi suất tín dụng Nhà nước ưu đãi đầu tư tính trên số dư nợ thực tế tại thời điểm xem xét hồ sơ hỗ trợ.

+ Thời gian hỗ trợ lãi suất tính từ ngày bắt đầu giải ngân theo hợp đồng tín dụng với ngân hàng thương mại, như sau:

08 năm đối với dự án nông nghiệp đặc biệt ưu đãi đầu tư; 06 năm đối với dự án nông nghiệp ưu đãi đầu tư; 05 năm đối với dự án nông nghiệp khuyến khích đầu tư. Trường hợp dự án của doanh nghiệp nông nghiệp vừa và nhỏ mới thành lập thì thời gian hỗ trợ lãi suất là 08 năm;

Dự án mà doanh nghiệp tham gia liên kết chuỗi giá trị thì được áp dụng hỗ trợ lãi suất theo chu kỳ sản xuất của sản phẩm.

+ Hạn mức vay vốn được hỗ trợ lãi suất: Tối đa không quá 70% tổng mức đầu tư của dự án.

+ Phương thức hỗ trợ cụ thể: Việc hỗ trợ được thực hiện 01 lần cho mỗi dự án sau khi dự án hoàn thành và đưa vào hoạt động. Doanh nghiệp lập hồ sơ đề nghị hỗ trợ gửi cơ quan có thẩm quyền xem xét theo quy định tại Điều 17 Nghị định số 57/2018/NĐ-CP.

+ Doanh nghiệp sử dụng vốn vay không đúng mục đích thì không được hưởng hỗ trợ theo Nghị quyết này. Không thực hiện hỗ trợ chênh lệch lãi suất đối với phần dư nợ gốc và lãi vay quá hạn kể từ thời điểm phát sinh quá hạn.

- Nguồn vốn thực hiện (Điều 3)

Ngân sách thành phố dành tối thiểu 5% vốn chi ngân sách địa phương (bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư) hằng năm cho ngành nông nghiệp để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo Nghị định số 57/2018/NĐ-CP và chính sách tại Nghị quyết này. Ngoài ra, kinh phí hỗ trợ được sử dụng nguồn vốn lồng ghép từ các Chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội và các quỹ hợp pháp để thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp theo quy định.

- Tổ chức thực hiện (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

**13. Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 4 Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp: “Đối với nội dung chi của Ban Chỉ huy cấp tỉnh, huyện, xã từ nguồn ngân sách địa phương: Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định áp dụng mức chi của các nhiệm vụ, nội dung chi có tính chất tương tự đã được cấp có thẩm quyền quy định, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp trong phạm vi dự toán được giao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình”.

Căn cứ khoản 3 Điều 4 Thông tư số 85/2020/TT-BTC ngày 01 tháng 10 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng kinh phí phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai và Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp: “Trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được giao; Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các cơ quan khác ở trung ương, Hội đồng nhân

dân cấp tỉnh, thành phố quyết định mức chi cụ thể phù hợp với tình hình thực tế nhưng tối đa không vượt mức chi quy định tại Thông tư này.”.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Căn cứ Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng thủ dân sự quy định: “Ban Chỉ huy Phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn” được thay thế bằng cụm từ “Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự”.

Tại Điều 7 Nghị định số 200/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định cơ quan giúp việc Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh bao gồm:

Bộ Chỉ huy Quân sự thành phố sử dụng bộ phận thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ Văn phòng Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh, giúp việc cho Cơ quan thường trực và Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp thực hiện nhiệm vụ tham mưu cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố về công tác phòng, chống thiên tai. Sở Nông nghiệp và Môi trường sử dụng bộ máy, cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ quan chuyên môn trực thuộc hiện có để tham mưu, giúp việc cho Sở tổ chức, thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh về công tác phòng, chống thiên tai và được cấp kinh phí để thực hiện nhiệm vụ.

Trên cơ sở đó, thành phố Cần Thơ đã thành lập Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Cần Thơ. Trong thời gian qua, hoạt động của Văn phòng Thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố và bộ phận tham mưu công tác phòng, chống thiên tai (Sở Nông nghiệp và Môi trường), Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã gặp khó khăn do không thể thực hiện được Nghị quyết số 27/2022/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang.

Với cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành Nghị quyết là rất cần thiết, nhằm đảm bảo nội dung và nguồn kinh phí cho hoạt động chỉ đạo phòng thủ dân sự trên lĩnh vực phòng, chống thiên tai theo quy định.

Về tên gọi của Nghị quyết: Tại số thứ tự 12 Mục III Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 226/NQ-TT ngày 28 tháng 10 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Danh mục Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chi tiết luật của Quốc hội, nghị định của Chính phủ, thông tư của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ dự kiến tên gọi “Nghị quyết quy định mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố Cần Thơ”.

Ủy ban nhân dân thành phố kính trình Hội đồng nhân dân thành phố điều chỉnh tên gọi của Nghị quyết thành “Nghị quyết quy định mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự trên địa bàn thành phố Cần Thơ”. Lý

do: trên địa bàn thành phố, cấp thành phố có Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố và cấp xã có Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự xã, phường.

### **- Mục đích ban hành**

Nhằm cụ thể hoá mức chi cho các hoạt động đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong thi hành nhiệm vụ theo Luật Phòng thủ dân sự và Luật Phòng chống thiên tai, nâng cao năng lực hệ thống chỉ đạo, quản lý phòng thủ dân sự, phòng, chống thiên tai các cấp. Thực hiện phù hợp với nhu cầu cần thiết, hợp lý theo thực tế theo chế độ quy định hiện hành, giúp các tổ chức, cá nhân kịp thời khắc phục hậu quả, tái thiết sản xuất và ổn định cuộc sống cho người dân.

### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 24/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

#### **- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)**

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi phục vụ hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố và cấp xã trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

#### **+ Đối tượng áp dụng**

Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố và cấp xã; Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố, Chi cục Thủy lợi (cơ quan giúp việc của Sở Nông nghiệp và Môi trường tham mưu công tác phòng, chống thiên tai cho Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố); cơ quan giúp việc của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã.

Cán bộ, công chức, viên chức và các cá nhân thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố và cấp xã, Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố, Chi cục Thủy lợi, cơ quan giúp việc của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã.

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

#### **- Mức chi (Điều 2)**

+ Chi công tác phí, hội nghị triển khai thực hiện nhiệm vụ, công tác phòng, chống thiên tai

+ Chi hoạt động thông tin tuyên truyền

+ Chi cập nhật, bổ sung hệ thống cơ sở dữ liệu và các công cụ hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác phòng ngừa ứng phó và khắc phục hậu quả thiên tai

+ Chi tập huấn, huấn luyện, đào tạo, diễn tập về phòng chống thiên tai cho các lực lượng tham gia hoạt động phòng, chống thiên tai

+ Chi tiền thưởng của Ban Chỉ huy các cấp

+ Chi cho các hoạt động phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc nâng cao năng lực hệ thống phòng thủ dân sự các cấp

+ Các nội dung chi khác (vật tư, văn phòng phẩm, nhiên liệu, thông tin, liên lạc, các dịch vụ công cộng khác) có liên quan đến hoạt động của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ thực hiện phù hợp với nhu cầu cần thiết, hợp lý theo thực tế phát sinh, có hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo chế độ quy định hiện hành trong phạm vi dự toán được phê duyệt và phát sinh đột xuất không lường trước (nếu có).

+ Công chức, viên chức, người lao động làm nhiệm vụ trực thêm giờ được tính và hưởng tiền lương làm thêm giờ theo quy định tại Điều 98, Điều 107, Điều 108 Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14 và Nghị định số 145/2020/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

+ Người làm nhiệm vụ trực đêm, tính từ 22 giờ đến 06 giờ sáng ngày hôm sau tại Văn phòng thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự thành phố, Chi cục Thủy lợi; cơ quan giúp việc của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã được hưởng tiền ăn thêm tính theo ngày như sau:

Mức 1: Trực có thời gian từ 04 giờ trở lên được hưởng mức tiền ăn thêm bằng mức tiền ăn cơ bản 01 ngày của dân quân được huy động làm nhiệm vụ.

Mức 2: Trực có thời gian từ 02 giờ đến dưới 04 giờ được hưởng mức tiền ăn thêm bằng 0,5 mức tiền ăn cơ bản 01 ngày của dân quân được huy động làm nhiệm vụ.

- Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 3)

- Tổ chức thực hiện (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

**14. Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tổng mức chi trong xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- **Sự cần thiết ban hành:**

+ **Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Nghị quyết số 197/2025/QH15

ngày 17 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng và tổ chức thi hành pháp luật, quy định:

*“Tổng mức chi trong xây dựng quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã do Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định dựa trên khả năng cân đối ngân sách, thẩm quyền ban hành văn bản quy phạm pháp luật, tình hình thực tế và trên cơ sở tham chiếu mức chi sau đây: a) Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là 30.000.000 đồng/01 văn bản; ....”*

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên thì Hội đồng nhân dân thành phố quyết định tổng mức chi trong xây dựng Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (sửa đổi, bổ sung năm 2025) đã quy định hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, trong đó có Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố nhưng hiện nay địa phương chưa có văn bản quy định về tổng mức chi trong xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, do đó, các cơ quan, đơn vị thiếu cơ sở pháp lý để thực hiện thanh, quyết toán theo quy định.

Mặt khác, trước đây, Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp trên địa bàn thành phố Cần Thơ có căn cứ pháp lý chính để ban hành là Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật (được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 42/2022/TT-BTC).

Tuy nhiên, hiện nay Bộ trưởng Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 19/2026/TT-BTC ngày 10 tháng 3 năm 2026 bãi bỏ Thông tư số 338/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật và Thông tư số 42/2022/TT-BTC ngày 06 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 338/2016/TT-BTC (có hiệu lực từ ngày 01 tháng 5 năm 2026). Đồng thời, theo khoản 2 Điều 5 Nghị định số 289/2025/NĐ-CP quy định đoạn: *“nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã do Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định”*. Do đó, Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND đã không còn phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.

Từ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên cho thấy, việc xây dựng Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tổng mức chi trong xây dựng

Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (trong đó sẽ bãi bỏ Nghị quyết số 10/2025/NQ-HĐND) là rất cần thiết.

**- Mục đích ban hành**

Nhằm tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc lập dự toán, thanh quyết toán kinh phí cho công tác xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

**c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 25/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định tổng mức chi trong xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, gồm 04 điều, cụ thể:

**- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)**

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định tổng mức chi trong xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

+ Đối tượng áp dụng: Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Tổng mức chi trong xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (Điều 2)**

+ Tổng mức chi trong xây dựng mới hoặc thay thế Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ: 30.000.000 đồng/01 văn bản.

+ Trường hợp xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thì tổng mức chi thực hiện như sau:

Trường hợp xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 (hai) Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ trở lên thì tổng mức chi là 30.000.000 đồng/01 văn bản.

Trường hợp xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ sửa đổi, bổ sung một số điều của 01 (một) Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thì tổng mức chi là 18.000.000 đồng/01 văn bản.

Trường hợp xây dựng Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ bãi bỏ toàn bộ hoặc bãi bỏ một phần Quyết định quy phạm pháp luật của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ thì tổng mức chi là 9.000.000 đồng/01 văn bản.

- Tổ chức thực hiện (Điều 3)
- Điều khoản thi hành (Điều 4).

**15. Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và quy định pháp luật; Kết luận số 09-KL/TW ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai quy định về miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất như sau:

*“1. Việc miễn, giảm tiền sử dụng đất, tiền thuê đất được thực hiện trong các trường hợp sau đây:*

*a) Sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư và pháp luật có liên quan, trừ trường hợp sử dụng đất xây dựng nhà ở thương mại, sử dụng đất thương mại, dịch vụ;”.*

Khoản 15 Điều 38 và điểm a khoản 7 Điều 48 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất nêu rõ:

*“Điều 38. Nguyên tắc thực hiện miễn, giảm tiền thuê đất*

*15. Căn cứ điều kiện thực tế của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai*

*mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; dự án phi lợi nhuận.*

*Chế độ ưu đãi được quy định theo nguyên tắc: mức tối đa là miễn tiền thuê đất cho cả thời gian thuê, mức tối thiểu bằng mức ưu đãi miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 3 Điều 39 Nghị định này. Người sử dụng đất không được tính tiền thuê đất được miễn vào giá thành sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho xã hội.”.*

*“Điều 48. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*

*7. Có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định:*

*a) Chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (ngành, nghề ưu đãi đầu tư) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai mà đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định; dự án phi lợi nhuận theo quy định tại khoản 15 Điều 38 Nghị định này.”*

*Đồng thời, khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định “1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.*

Như vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ để quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với các dự án thuộc trường hợp nêu trên là phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của Luật Đất đai, Nghị định số 103/2024/NĐ-CP và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; đồng thời là trách nhiệm cụ thể được giao cho Ủy ban nhân dân thành phố trong tổ chức thực hiện chính sách pháp luật về đất đai, đầu tư trên địa bàn.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Việc xác định và ban hành chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư là cơ sở quan trọng để địa phương:

Tăng cường thu hút các dự án đầu tư thuộc lĩnh vực xã hội hóa, dự án phi lợi nhuận;

Thúc đẩy phát triển, hoàn thiện và đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

Góp phần tạo thêm việc làm, nâng cao chất lượng dịch vụ công, cải thiện đời sống nhân dân và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Trước khi sáp nhập, trên địa bàn ba tỉnh, thành phố (Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng) đã có sự khác biệt về chính sách:

UBND tỉnh Hậu Giang (cũ) đã tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 24/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

UBND thành phố Cần Thơ (cũ) đã tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 11/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh thuộc ngành nghề ưu đãi đầu tư, đáp ứng danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định và các dự án phi lợi nhuận;

Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng trước khi sáp nhập chưa ban hành Nghị quyết quy định nội dung này.

Từ giai đoạn triển khai các Nghị quyết trên đến thời điểm này, chưa có dự án nào đáp ứng tiêu chí, điều kiện để được hưởng chế độ ưu đãi về miễn tiền thuê đất.

Sau khi sáp nhập 03 tỉnh, thành phố thành 01 đơn vị hành chính mới (thành phố Cần Thơ), việc tồn tại nhiều cơ chế, chính sách ưu đãi miễn tiền thuê đất khác nhau là không còn phù hợp; đồng thời mức miễn tiền thuê đất tại các Nghị quyết đã được ban hành chưa thu hút được nhà đầu tư vào các lĩnh vực xã hội hóa, phi lợi nhuận như kỳ vọng. Do đó, cần thiết phải xây dựng và ban hành một Nghị quyết chung của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư, bảo đảm:

Thống nhất chính sách trên toàn địa bàn thành phố sau sáp nhập;

Phù hợp với điều kiện thực tiễn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thu hút đầu tư trong giai đoạn mới;

Tạo môi trường đầu tư minh bạch, bình đẳng, tăng tính cạnh tranh so với các địa phương khác trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Từ những cơ sở nêu trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố việc ban hành Nghị quyết Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ để phù hợp với tình hình thực tiễn là cần thiết và có cơ sở.

#### **- Mục đích ban hành**

Cụ thể hóa quy định tại khoản 15 Điều 38, điểm a khoản 7 Điều 48 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

**c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 26/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất theo từng khu vực, lĩnh vực đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 06 điều, cụ thể:

**- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

Nghị quyết này quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với các dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất, kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (*ngành, nghề ưu đãi đầu tư*) hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 157 Luật Đất đai trên địa bàn thành phố Cần Thơ mà đáp ứng một trong hai điều kiện:

+ Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định;

+ Dự án phi lợi nhuận.

**- Đối tượng áp dụng (Điều 2)**

+ Cơ quan nhà nước thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến dự án đầu tư, cho thuê đất và miễn tiền thuê đất theo quy định của Nghị quyết này.

+ Tổ chức, cá nhân được Nhà nước cho thuê đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định của Nghị quyết này.

+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

**- Chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất (Điều 3)**

+ Đối với dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định quy định tại khoản 1 Điều 1 của Nghị quyết này:

Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất khi dự án thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hoặc thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc khi dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư và thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Miễn tiền thuê đất 40 năm sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản khi dự án thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc thực hiện tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

+ Đối với dự án phi lợi nhuận quy định tại khoản 2 Điều 1 của Nghị quyết này: Miễn tiền thuê đất cho toàn bộ thời gian thuê đất.

+ Đối với dự án có thời hạn hoạt động ngắn hơn thời gian được miễn tiền thuê đất theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì thời gian được miễn tiền thuê đất được tính bằng thời hạn hoạt động của dự án.

+ Trường hợp dự án đầu tư được thực hiện trên địa bàn có từ hai đơn vị hành chính cấp xã trở lên thì việc xác định địa bàn ưu đãi đầu tư được thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 22 Nghị định số 96/2026/NĐ-CP.

- Quy định chuyển tiếp (Điều 4)

- Tổ chức thực hiện (Điều 5)

- Hiệu lực thi hành (Điều 6).

**16. Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**b) Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ điểm a, khoản 2, Điều 3 Thông tư số 96/2018/TT-BTC ngày 18 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người cao tuổi tại nơi cư trú; chúc thọ, mừng thọ; ưu đãi tín dụng và biểu dương khen thưởng người cao tuổi, quy định:

*“Điều 3. Nội dung và mức chi*

*2. Chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi*

*a) Mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi*

*- Người cao tuổi thọ 100 tuổi được Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam chúc thọ và tặng quà gồm 5 mét vải lụa và 700.000 đồng tiền mặt;*

*- Người cao tuổi thọ 90 tuổi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chúc thọ và tặng quà gồm hiện vật trị giá 150.000 đồng và 500.000 đồng tiền mặt;*

*Mức chi nêu trên là mức tối thiểu. Căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có thể xem xét, quyết định mức chi cao hơn mức quy định tại Thông tư này; đồng thời xem xét, quyết định theo thẩm quyền mức quà tặng người cao tuổi ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95 tuổi và trên 100 tuổi trên cơ sở đề xuất của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;”.*

**+ Cơ sở thực tiễn**

Trước sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ), tỉnh Hậu Giang (cũ) và tỉnh Sóc Trăng (cũ) đã ban hành Nghị quyết quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi, như sau:

(1) Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi;

(2) Nghị quyết số 12/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng (cũ) sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 1 Nghị quyết số 07/2020/NQ-HĐND ngày 07 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định mức chi quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi Sóc Trăng;

(3) Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi và một số nội dung, mức chi thực hiện công tác áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện ma túy bắt buộc và hỗ trợ cai nghiện ma túy tự nguyện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Sau sáp nhập đơn vị hành chính cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc thông qua Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước khi sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng; Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 bãi bỏ các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính. Trong đó Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ) được lựa chọn tiếp tục áp dụng, Nghị quyết số 05/2020/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) được bãi bỏ.

Từ những cơ sở nêu trên, việc ban hành Nghị quyết quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn thành phố Cần Thơ để phù hợp với tình hình thực tế và thống nhất mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn thành phố là cần thiết và có cơ sở.

### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 27/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Đối tượng áp dụng

Người cao tuổi là công dân Việt Nam thường trú trên địa bàn thành phố Cần Thơ ở tuổi 70, 75, 80, 85, 95, trên 100 tuổi và thọ 90, 100 tuổi.

Các cơ quan, đơn vị, địa phương được ngân sách nhà nước cấp kinh phí để thực hiện chính sách chúc thọ, mừng thọ và các cá nhân, tổ chức có liên quan.

- Quy định mức quà tặng chúc thọ, mừng thọ người cao tuổi (Điều 2)

+ Người cao tuổi ở tuổi 70: Mức quà tặng 400.000 đồng/người.

+ Người cao tuổi ở tuổi 75: Mức quà tặng 500.000 đồng/người.

+ Người cao tuổi ở tuổi 80: Mức quà tặng 600.000 đồng/người.

+ Người cao tuổi ở tuổi 85: Mức quà tặng 700.000 đồng/người.

+ Người cao tuổi thọ 90 tuổi: Mức quà tặng 900.000 đồng/người và 03 mét vải lụa.

+ Người cao tuổi ở tuổi 95: Mức quà tặng 1.100.000 đồng/người và 03 mét vải lụa.

+ Người cao tuổi thọ 100 tuổi: Mức quà tặng 1.300.000 đồng/người và 05 mét vải lụa.

+ Người cao tuổi trên 100 tuổi được chúc thọ hàng năm: Mức quà tặng 1.500.000 đồng/người.

- Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 3)

- Tổ chức thực hiện (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

**17. Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thù lao hàng tháng và mức hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ khoản 2, 3 Điều 11 Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số:

**“Điều 11. Chính sách, chế độ cho cộng tác viên dân số**

**2. Cộng tác viên dân số được hưởng thù lao hằng tháng theo mức lương cơ sở như sau:**

a) Mức 0,5 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại: Các thôn có từ 350 hộ gia đình trở lên; các thôn đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Bộ trưởng Bộ Dân tộc và Tôn giáo; các thôn, bản tại các xã vùng khó khăn theo quy định; các tổ dân phố, khu phố có từ 500 hộ gia đình trở lên;

b) Mức 0,4 áp dụng đối với cộng tác viên dân số làm việc tại các địa bàn còn lại.

3. Căn cứ tình hình và điều kiện của địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định số lượng cộng tác viên dân số; trình Hội đồng nhân dân quy định mức thù lao hằng tháng của cộng tác viên không thấp hơn mức thù lao quy định tại khoản 2 Điều này.”

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định: “19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ.” Đồng thời, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (được sửa đổi, bổ sung năm 2025) quy định: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”. Thời gian qua, Ủy ban nhân dân đã đề xuất trình Hội đồng nhân dân lựa chọn các Nghị quyết để tiếp tục áp dụng, các Nghị quyết đề xuất bãi bỏ theo quy định.

Kể từ khi Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII “về công tác dân số trong tình hình mới” được ban hành, công tác dân số đã chuyển trọng tâm từ “dân số - kế hoạch hóa gia đình” sang “dân số và phát triển”, hướng tới giải quyết toàn diện các vấn đề về quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số gắn với phát triển kinh tế - xã hội. Ngành dân số tập trung duy trì mức sinh thay thế, đưa tỷ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, tận dụng cơ cấu dân số vàng, thích ứng với già hóa dân số và nâng cao chất lượng dân số.

Để thực hiện tốt các nhiệm vụ nêu trên, đội ngũ cộng tác viên dân số giữ vai trò đặc biệt quan trọng, là lực lượng nòng cốt, “cánh tay nối dài” của ngành dân số trong việc tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về công tác dân số, gia đình và trẻ em tại cộng đồng. Sau sáp nhập, toàn thành phố có 5.190 cộng tác viên dân số, đang

được hưởng thù lao với hệ số 0,2 nhân với mức lương cơ sở/người/tháng theo Nghị quyết số 08/2017/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang sửa đổi, bổ sung một số chế độ chi tiêu hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Hiện nay, theo Thông tư số 02/2021/TT-BYT của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Thông tư quy định tiêu chuẩn nhiệm vụ công tác viên dân số, đội ngũ này được giao nhiều nhiệm vụ chuyên môn, nghiệp vụ có tính chất phức tạp, đòi hỏi trình độ, trách nhiệm và sự gắn bó thường xuyên với địa bàn. Đồng thời, công tác viên dân số còn tham gia thực hiện nhiệm vụ liên quan đến công tác trẻ em theo quy định của Luật Trẻ em năm 2016, Nghị định số 56/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Trẻ em và theo Quyết định số 496/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức bộ máy, mạng lưới và cơ chế phối hợp liên ngành làm công tác dân số và phát triển, mục tiêu giai đoạn 2021 - 2025, trong đó yêu cầu triển khai đội ngũ công tác viên dân số kiêm nhiệm công tác gia đình và trẻ em theo hướng tinh gọn, hiệu quả. Trong thời gian tới, khi Luật Dân số và Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển, các kế hoạch giai đoạn 2026-2030 của Ủy ban nhân dân thành phố được triển khai thực hiện, yêu cầu, nhiệm vụ đối với đội ngũ công tác viên dân số ngày càng nhiều và nặng nề hơn.

Bên cạnh đó, sau khi Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2016-2020 hết hiệu lực, để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ cập nhật thông tin về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình (sau đây viết là KHHGĐ), Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ban hành Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 về sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang: “Chi hỗ trợ công tác viên cập nhật thông tin về Dân số - KHHGĐ của hộ gia đình vào Sổ ghi chép ban đầu về Dân số - KHHGĐ: 2.500 đồng/phiếu thu tin của ít nhất 5 hộ gia đình đã có thông tin tại sổ ghi chép hoặc của hộ gia đình mới”. Sau khi Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 2259/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2020 về việc phê duyệt Chương trình củng cố và phát triển hệ thống thông tin chuyên ngành dân số đến năm 2030, để thực hiện mục tiêu “cộng tác viên dân số thực hiện cập nhật thông tin số liệu trực tuyến bằng thiết bị di động thông minh đạt 90% năm 2030” trong cập nhật, quản lý di biến động dân cư, Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang đã ban hành Nghị quyết số 02/2024/NQ-HĐND ngày 29 tháng 3 năm 2024 về việc sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang: “Chi hỗ trợ phục vụ cập nhật thông tin về Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trên hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu dân số, thông tin liên lạc, tuyên truyền trên mạng xã hội. Mức chi: 90.000 đồng/cộng tác viên/tháng” (*Sửa đổi, bổ sung số thứ tự 2 mục III khoản 2 Phụ lục II kèm theo Nghị quyết số 28/2021/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung chế độ chi tiêu hành chính sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang*). Theo đó, từ tháng 01 năm 2024, 100% xã, phường, thị trấn của tỉnh Hậu Giang đã

đồng loạt triển khai thực hiện chuyển đổi số trong cập nhật, quản lý di biến động dân cư thông qua App dân số và Web quản lý dân số cấp tỉnh, huyện, xã. Qua đó, dữ liệu dân số đã được cập nhật kịp thời, chính xác, liên thông dữ liệu từ cơ sở đến tuyến tỉnh. Tuy nhiên, tại tỉnh Sóc Trăng và thành phố Cần Thơ cũ hiện cộng tác viên vẫn còn cập nhật thông tin bằng phiếu thu tin và sổ A0, sau đó nộp cho viên chức dân số xã nhập vào kho dữ liệu và định kỳ 5 năm phải thực hiện đổi sổ một lần, với quy trình này gây mất rất nhiều thời gian và chi phí (*ước tính chi phí in phiếu thu tin và đổi sổ A0 5 năm một lần cho 2 khu vực khoảng hơn 5 tỷ đồng*). Với hiệu quả mang lại từ chuyển đổi số trong quản lý, cập nhật di biến động dân cư, ngành dân số hiện đang xây dựng kế hoạch tiếp tục triển khai thực hiện chuyển đổi số trên 100% xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ, đáp ứng tốt theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Quyết định số 2259/QĐ-TTg. Bên cạnh đó, thời gian qua ngành dân số đang triển khai việc ứng dụng mạng xã hội để thông tin, liên lạc và thực hiện công tác tuyên truyền, việc này mang lại nhiều hiệu quả thiết thực, thông tin được truyền tải nhanh chóng, kịp thời, không phụ thuộc khoảng cách địa lý. Nội dung tuyên truyền được thể hiện đa dạng dưới nhiều hình thức như văn bản, hình ảnh, video, âm thanh..., góp phần tăng tính sinh động và dễ tiếp cận. Đồng thời, người dân có thể tiếp nhận, phản hồi và tương tác trực tiếp, tạo môi trường trao đổi thông tin hai chiều, nâng cao hiệu quả công tác truyền thông dân số.

Từ những cơ sở pháp lý nêu trên và thực tiễn sau sắp xếp đơn vị hành chính thành phố Cần Thơ (mới) có nhiều biến động. Để bảo đảm thống nhất trong quản lý, ổn định đội ngũ cộng tác viên dân số, tạo điều kiện để lực lượng này yên tâm công tác, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện công tác dân số và phát triển trong tình hình mới, đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của thành phố trong giai đoạn tới thì việc rà soát xây dựng Nghị quyết quy định mức thù lao hàng tháng và chế độ chi hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ nêu trên là cần thiết.

#### **- Mục đích ban hành**

Xây dựng quy định mức thù lao hàng tháng và chế độ chi hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm đảm bảo theo quy định của Nghị định số 168/2026/NĐ-CP, làm cơ sở để các cơ quan, đơn vị, địa phương tổ chức triển khai thực hiện thống nhất; bảo đảm duy trì, củng cố và phát huy hiệu quả mạng lưới cộng tác viên dân số, góp phần nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động và triển khai các hoạt động dân số và phát triển trên địa bàn thành phố.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 28/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thù lao hàng tháng và mức hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 06 điều, cụ thể như sau:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thù lao hàng tháng và chế độ chi hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Đối tượng áp dụng: Cộng tác viên dân số trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Mức thù lao hàng tháng và mức hỗ trợ đối với cộng tác viên dân số (Điều 2)

+ Cộng tác viên dân số được hưởng mức thù lao hàng tháng là 0,5 mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Chi hỗ trợ phục vụ cập nhật thông tin về dân số trên hệ thống phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu dân số, thông tin liên lạc, tuyên truyền trên mạng xã hội cho cộng tác viên dân số là 90.000 đồng/người/tháng.

- Kinh phí thực hiện (Điều 3)

- Tổ chức thực hiện (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5)

- Điều khoản chuyển tiếp (Điều 6).

**18. Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thù lao hàng tháng đối với thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- **Sự cần thiết ban hành:**

+ **Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 12 Thông tư liên tịch số 24/2012/TTLT - BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về thành lập, giải thể, tổ chức hoạt động và chế độ chính sách đối với Đội công tác xã hội tình nguyện tại xã, phường, thị trấn, quy định:

*“Điều 12. Kinh phí hỗ trợ đối với hoạt động của Đội tình nguyện và chế độ thù lao đối với thành viên Đội tình nguyện*

...

2. Thành viên của Đội tình nguyện được hưởng các chế độ sau:

*“a) Được hưởng thù lao hàng tháng. Mức thù lao hàng tháng tối đa đối với: đội trưởng là 0,6 (không phải sáu) lần mức lương tối thiểu chung của Nhà*

*nước; đội phó là 0,5 (không phải năm) lần; thành viên của Đội tình nguyện là 0,4 (không phải bốn) lần. Mức cụ thể do Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương quyết định phù hợp với khả năng ngân sách và tình hình thực tế của từng địa phương”.*

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định: *“19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ.”* Đồng thời, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15, quy định: *“b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”*. Thời gian qua, Ủy ban nhân dân đã đề xuất trình Hội đồng nhân dân lựa chọn các Nghị quyết để tiếp tục áp dụng, các Nghị quyết đề xuất bãi bỏ theo quy định.

Trước sáp nhập, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) đã có ban hành Nghị quyết về việc quy định một số chế độ đối với Đội công tác xã hội tình nguyện ở xã, phường, thị trấn.

Sau sáp nhập, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 về việc thông qua Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do HĐND thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước khi sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng và Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 bãi bỏ các Nghị quyết do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính. Trong đó, Nghị quyết số 07/2013/NQ-HĐND ngày 05/7/2013 của HĐND thành phố Cần Thơ (cũ) quy định một số chế độ đối với Đội công tác xã hội tình nguyện ở xã, phường, thị trấn được lựa chọn tiếp tục áp dụng. Vì vậy, cần thiết ban hành Nghị quyết mới vừa bảo đảm điều kiện kinh tế - xã hội của thành phố, vừa có tính kế thừa nhằm tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của Đội công tác xã hội tình nguyện xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Đồng thời, sau sáp nhập đơn vị hành chính, hiện tại thành phố Cần Thơ có 103 Đội công tác xã hội tình nguyện xã, phường (trong đó, kiện toàn lại nhân sự đã có là 62 Đội, thành lập mới là 41 Đội), với số lượng là 1.030 thành viên (mỗi Đội có 10 thành viên, gồm 01 Đội trưởng, 02 Đội phó và 07 thành viên).

Từ những cơ sở pháp lý nêu trên và thực tiễn sau sắp xếp đơn vị hành chính thành phố Cần Thơ; để tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của Đội công tác xã hội tình nguyện xã, phường trong công tác phòng, chống tệ nạn xã hội được thống nhất, phù hợp với đơn vị hành chính mới thì việc rà soát xây dựng Nghị quyết nêu trên là cần thiết.

#### **- Mục đích ban hành**

Xây dựng Nghị quyết quy định chế độ thù lao hàng tháng cho thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm cụ thể hóa, bảo đảm theo quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2012/TTLT- BLĐTBXH-BNV-BTC ngày 22 tháng 10 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ trưởng Bộ Nội vụ, Bộ trưởng Bộ Tài chính; đồng thời, để việc thực hiện chế độ, chính sách cho Đội công tác xã hội tình nguyện được thống nhất, kịp thời và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 29/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức thù lao hàng tháng đối với thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức thù lao hàng tháng đối với thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Đối tượng áp dụng: Thành viên Đội công tác xã hội tình nguyện xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ; Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Mức thù lao hàng tháng (Điều 2)

+ Đội trưởng là 0,6 lần mức lương cơ sở.

+ Đội phó là 0,5 lần mức lương cơ sở.

+ Thành viên là 0,4 lần mức lương cơ sở.

- Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 3)

- Tổ chức thực hiện (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

**19. Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13; Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14;

Căn cứ Luật Nhà ở số 27/2023/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai, Luật Nhà ở, Luật Kinh doanh bất động sản và Luật Các tổ chức tín dụng số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 201/2025/QH15 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 261/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội; Nghị định số 192/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị quyết số 201/2025/QH15 ngày 29 tháng 5 năm 2025 của Quốc hội thí điểm về một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển nhà ở xã hội;

Căn cứ Nghị quyết số 258/NQ-TT ngày 19 tháng 11 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về chấp thuận đăng ký xây dựng 02 Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố thuộc lĩnh vực xây dựng;

Thực hiện Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội khóa XV, tại điểm g khoản 2 Điều 85 quy định về ưu đãi chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không bằng vốn đầu tư công được hưởng thêm ưu đãi như sau: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện của địa phương ban hành cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn phù hợp với thẩm quyền và quy định khác của pháp luật có liên quan”*.

**+ Cơ sở thực tiễn**

Căn cứ Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 31 tháng 10 năm 2012, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XI về tiếp tục đổi mới chính sách,

pháp luật về đất đai trong thời kỳ đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI đã nêu quan điểm chỉ đạo: *“Đẩy mạnh phát triển nhà ở, đặc biệt là nhà ở xã hội để từng bước cải thiện điều kiện nhà ở của nhân dân”*.

Căn cứ Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 03 tháng 6 năm 2017, Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đã nêu: *“hoàn thiện pháp luật, cơ chế, chính sách để phát triển và vận hành thông suốt thị trường bất động sản. Xây dựng thể chế và các mô hình phù hợp để gắn kết quá trình công nghiệp hoá với đô thị hoá và xây dựng nông thôn mới. Xây dựng chính sách xã hội về nhà ở”*.

Căn cứ điểm g khoản 2 Điều 85 Luật Nhà ở năm 2023 quy định: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh căn cứ điều kiện của địa phương ban hành cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên phạm vi địa bàn phù hợp với thẩm quyền và quy định khác của pháp luật có liên quan”*.

Căn cứ Chỉ thị số 34-CT/TW ngày 24 tháng 5 năm 2024 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phát triển nhà ở xã hội trong tình hình mới, trong đó xác định phấn đấu đến năm 2030 hoàn thành xây dựng ít nhất 01 triệu căn nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp tại khu vực đô thị, đồng thời yêu cầu: *“ban hành cơ chế, chính sách tạo thuận lợi và chủ động cho các địa phương trong việc dành ngân sách đầu tư xây dựng dự án nhà ở xã hội, thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ tái định cư để có quỹ đất sạch làm nhà ở xã hội; đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội, bảo đảm đồng bộ hạ tầng xã hội trong và ngoài phạm vi dự án. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển nhà ở xã hội, các đối tượng thụ hưởng được tiếp cận dễ dàng với nhà ở xã hội; cắt giảm tối đa thời gian thực hiện thủ tục hành chính trong đầu tư xây dựng, kinh doanh, mua bán, quản lý, sử dụng nhà ở xã hội. Thực hiện trình tự thủ tục hành chính giao đất, giải phóng mặt bằng, đầu tư xây dựng, lựa chọn chủ đầu tư dự án nhà ở xã hội... theo hướng rút gọn, bảo đảm nhanh chóng, thuận tiện, công khai, minh bạch”*.

Từ các căn cứ nêu trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026-2030 theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 85 Luật Nhà ở năm 2023 là cần thiết, nhằm 3 đáp ứng nhu cầu thực tiễn phát triển và quản lý nhà ở trên địa bàn thành phố Cần Thơ, triển khai thực hiện có hiệu quả các quan điểm, mục tiêu và giải pháp phát triển nhà ở xã hội theo Đề án “Đầu tư xây dựng ít nhất 01 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho đối tượng thu nhập thấp, công nhân khu công nghiệp giai đoạn 2021-2030” tại Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ; Nghị quyết số 07/NQ-CP ngày 12 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ

về giao chỉ tiêu phát triển nhà ở xã hội cho các địa phương giai đoạn 2026-2030 và Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 10 tháng 02 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố về phát triển nhà ở xã hội tại thành phố Cần Thơ đến năm 2030.

#### **- Mục đích ban hành**

Thực hiện hỗ trợ dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không sử dụng vốn đầu tư công trên phạm vi địa bàn thành phố, nhằm nâng cao khả năng thu hút đầu tư tư nhân vào các dự án nhà ở xã hội; góp phần giảm giá bán, giá cho thuê mua, giá cho thuê nhà ở xã hội, phù hợp với khả năng chi trả của người thu nhập thấp, công nhân lao động trên địa bàn thành phố.

Tạo cơ sở pháp lý cho cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không sử dụng vốn đầu tư công trên địa bàn thành phố theo quy định pháp luật hiện hành.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 30/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030, gồm 06 điều, cụ thể:

##### **- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)**

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định cơ chế hỗ trợ thực hiện dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ giai đoạn 2026 - 2030 theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 85 Luật Nhà ở năm 2023.

+ Đối tượng áp dụng: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội không bằng nguồn vốn đầu tư công; Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động đầu tư xây dựng nhà ở xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

##### **- Nguyên tắc, điều kiện đối với dự án và cách thức thực hiện hỗ trợ (Điều 2)**

+ Nguyên tắc hỗ trợ

+ Điều kiện đối với dự án

+ Cách thức thực hiện hỗ trợ

##### **- Cơ chế hỗ trợ (Điều 3)**

Hỗ trợ 75% chi phí đầu tư xây dựng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi dự án nhà ở xã hội theo quy hoạch chi tiết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, đảm bảo đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, bao gồm: hệ thống giao thông, hệ thống cung cấp năng lượng, hệ thống chiếu sáng công cộng, hệ thống thông tin liên lạc, hệ thống cấp nước, hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, hệ thống quản lý chất thải rắn, hệ thống vệ sinh công cộng, các hệ thống hạ tầng kỹ

thuật khác thuộc phạm vi dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội theo quy định của pháp luật về xây dựng nhưng không quá 07 tỷ đồng/dự án.

- Nguồn kinh phí hỗ trợ (Điều 4)
- Tổ chức thực hiện (Điều 5)
- Hiệu lực thi hành (Điều 6).

**20. Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định các tiêu chí để quyết định đầu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ Quy định số 178-QĐ/TW ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Bộ Chính trị về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật; Quy định số 189-QĐ/TW ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Ban Chấp hành Trung ương về kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong quản lý, sử dụng tài chính, tài sản công; Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới và quy định pháp luật; Kết luận số 09-KL/TW ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Bộ Chính trị về hoàn thiện cấu trúc hệ thống pháp luật Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Tại điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai năm 2024 quy định về Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất như sau:

*“Điều 126. Giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất*

*1. Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trong các trường hợp sau đây:*

*a) Dự án quy định tại khoản 27 Điều 79 của Luật này mà được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất.*

*Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất phù hợp với tình hình thực tế của địa phương”*

Đồng thời, khoản 1 Điều 27 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định “1. Chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

Như vậy, việc xây dựng và ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ để Quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ thuộc trường hợp nêu trên là phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng, quy định của Luật Đất đai và Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Việc quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cơ sở quan trọng để địa phương:

Đảm bảo việc thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai được thống nhất, khách quan, minh bạch trong việc giao đất, cho thuê đất, phát huy tối đa hiệu quả sử dụng đất và nguồn lực đất đai địa phương.

Lựa chọn nhà đầu tư có năng lực (tài chính, kinh nghiệm) tốt nhất, đảm bảo dự án hiệu quả, chất lượng góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của thành phố.

Trước khi sáp nhập, trên địa bàn ba tỉnh, thành phố (Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng) đã có sự khác biệt về tiêu chí:

UBND tỉnh Hậu Giang (cũ) đã tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 18/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 quy định các tiêu chí để quyết định việc giao đất, cho thuê đất thông qua đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang;

UBND thành phố Cần Thơ (cũ) đã tham mưu Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất; (đã được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 172/NQ-HĐND ngày 31/7/2025 của HĐND thành phố Cần Thơ (sau sáp nhập).

UBND tỉnh Sóc Trăng (cũ) đã tham mưu Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư xây dựng khu đô thị, khu dân cư nông thôn trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Sau khi sáp nhập 03 tỉnh, thành phố thành 01 đơn vị hành chính mới (thành phố Cần Thơ), việc tồn tại một số tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa

chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất khác nhau là không còn phù hợp trong giai đoạn mới. Do đó, cần thiết phải xây dựng và ban hành một Nghị quyết chung của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ về quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ, bảo đảm:

Thống nhất tiêu chí trên toàn địa bàn thành phố sau sáp nhập để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất;

Phù hợp với điều kiện thực tiễn, định hướng phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu thu hút đầu tư trong giai đoạn mới;

Tạo môi trường đầu tư minh bạch, bình đẳng, tăng tính cạnh tranh so với các địa phương khác trong vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

#### **- Mục đích ban hành**

+ Nghị quyết là cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai.

+ Đảm bảo việc thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ được thống nhất, khách quan, minh bạch.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 04 điều, cụ thể:

##### **- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)**

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định các tiêu chí để quyết định thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 126 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

+ Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc tổ chức thực hiện dự án đầu tư có sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều này.

##### **- Các tiêu chí cụ thể (Điều 2)**

Dự án đầu tư có sử dụng đất thuộc trường hợp quy định tại khoản 27 Điều 79 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 khi thực hiện đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí sau đây:

+ Đảm bảo phù hợp điều kiện quy định tại khoản 6 Điều 4 của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội.

+ Phù hợp chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở theo quy định của pháp luật về nhà ở; chương trình phát triển đô thị (nếu là dự án khu đô thị) theo quy định của pháp luật về phát triển đô thị.

+ Quy mô về diện tích

Đối với dự án đầu tư xây dựng khu đô thị có công năng phục vụ hỗn hợp, đồng bộ hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội với nhà ở theo quy định của pháp luật về xây dựng để xây dựng mới đô thị phải có diện tích sử dụng đất từ 20 ha trở lên.

Đối với dự án đầu tư xây dựng khu dân cư nông thôn phải có diện tích sử dụng đất từ 03 ha trở lên.

Đối với dự án đầu tư xây dựng để cải tạo, chỉnh trang đô thị thì không giới hạn diện tích.

+ Khu đất thực hiện dự án không thuộc trường hợp được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất hoặc đang có quyền sử dụng đất quy định tại Điều 127 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và giao đất, cho thuê đất thông qua đấu giá quyền sử dụng đất quy định tại Điều 125 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

+ Khu đất thực hiện dự án đưa ra đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư không bao gồm phần diện tích đất thuộc công trình, hạng mục đầu tư đã hoàn thành, đang thực hiện hoặc dự kiến đầu tư sử dụng vốn đầu tư công, vốn nhà nước thuộc phạm vi quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về đầu tư công, quản lý, sử dụng vốn đầu tư công hoặc phần diện tích đất thuộc dự án, công trình thực hiện theo phương thức đối tác công tư.

- Tổ chức thực hiện (Điều 3)

- Hiệu lực thi hành (Điều 4).

**21. Nghị quyết số 32/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Nghị quyết số 19/NQ-TW “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Theo đó, tại khoản 5 Mục IV quy định: “Hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”.

Ngày 30 tháng 4 năm 2025, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Theo đó, tại khoản 3 mục III quy định: “Tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật”.

Ngày 28 tháng 5 năm 2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 703/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030. Theo đó, tại khoản Mục VI quy định: Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương: “Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng cơ chế, chính sách triển khai thực hiện Chương trình”.

Ngày 19 tháng 8 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 10/2021/TT-BNNPTNT hướng dẫn nội dung đầu tư, hỗ trợ đầu tư thực hiện nhiệm vụ “Phát triển sản xuất giống” theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ;

Ngày 03 tháng 12 năm 2021, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 107/2021/TT-BTC quy định quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí sự nghiệp thực hiện nhiệm vụ phát triển sản xuất giống trong Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Trước sáp nhập 03 tỉnh, thành phố tỉnh Sóc Trăng (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 02/2025/NQ-HĐND ngày 17 tháng 02 năm 2025 quy định nội dung và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021- 2030”; đề triển khai thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Sau sáp nhập 03 tỉnh, thành phố, để thống nhất phạm vi áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới; nhằm có cơ sở thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn thành phố đảm bảo nội dung chi, mức chi đúng quy định; đồng thời, triển khai thực hiện nội dung chi, mức chi các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác đảm bảo đúng quy định và phù hợp với tình hình thực tiễn trên địa bàn thành phố Cần Thơ hiện nay.

Vấn đề phát sinh trong thực tiễn; dự báo tác động tiêu cực và hậu quả có thể xảy ra nếu không ban hành văn bản kịp thời để giải quyết: Trước khi sáp nhập 03 tỉnh, thành phố chỉ có tỉnh Sóc Trăng (cũ) ban hành Nghị quyết 02/2025/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định nội dung chi và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia

và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030; tỉnh Hậu Giang và thành phố Cần Thơ trước đây chưa ban hành Nghị quyết.

Sau khi sáp nhập thành thành phố Cần Thơ, các Nghị quyết ban hành trước đây không còn phù hợp về phạm vi và đối tượng áp dụng. Trường hợp không kịp thời ban hành Nghị quyết mới để áp dụng thống nhất trên địa bàn thành phố sẽ gây khó khăn trong tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất giống, ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các dự án, tác động đến phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn thành phố.

Từ những cơ sở nêu trên, việc ban hành “Nghị quyết quy định nội dung chi và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030 theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030” là thật sự cần thiết cho hoạt động các dự án phát triển giống trên địa bàn thành phố Cần Thơ hiện nay.

#### **- Mục đích ban hành**

Nhằm để cập nhật và hoàn thiện cơ sở pháp lý cho việc thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo các quy định mới của Trung ương và địa phương, đảm bảo nội dung chi và mức chi cho phù hợp với thực tiễn, nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách nhà nước, bảo đảm chi đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả, qua đó góp phần đáp ứng yêu cầu phát triển và cơ cấu lại ngành nông nghiệp trong giai đoạn mới.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 32/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung chi và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ đến năm 2030, gồm 06 điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung chi và mức chi ngân sách nhà nước thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo Quyết định số 703/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển nghiên cứu, sản xuất giống phục vụ cơ cấu lại ngành nông nghiệp giai đoạn 2021 - 2030.

+ Đối tượng áp dụng

Các cơ quan quản lý nhà nước, các đơn vị sự nghiệp công lập ở địa phương (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) có chức năng, nhiệm vụ quản lý, nghiên

cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Doanh nghiệp, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ gia đình, cá nhân (sau đây gọi là tổ chức, cá nhân) nghiên cứu, sản xuất giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Nguồn kinh phí thực hiện các dự án phát triển sản xuất giống chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg (Điều 2)

- Nội dung ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí, hỗ trợ một phần kinh phí đối với giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản chủ lực quốc gia và giống khác theo Quyết định số 703/QĐ-TTg (Điều 3)

- Nội dung chi và mức chi (Điều 4)

Nội dung chi, mức chi thực hiện theo định mức, định mức kinh tế - kỹ thuật, chế độ tài chính do cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành. Nghị quyết này quy định một số nội dung chi, mức chi hỗ trợ như sau:

+ Hỗ trợ sản xuất giống

Ngân sách địa phương hỗ trợ chi phí nhân công và vật tư để sản xuất giống trên cơ sở định mức kinh tế - kỹ thuật do Ủy ban nhân dân thành phố ban hành; trong đó, đơn giá nhân công được xác định như sau:

Công lao động kỹ thuật được tính bằng 70% hệ số tiền công ngày cho chức danh “thành viên chính” thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Nghị quyết số 15/2026/NQ-HĐND quy định nội dung và mức chi quản lý hoạt động và thực hiện chương trình, nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Công lao động phổ thông được tính bằng 50% công lao động kỹ thuật quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

+ Đào tạo tập huấn quy trình công nghệ nhân giống trong nước cho các đơn vị, tổ chức và cá nhân trực tiếp tham gia thực hiện dự án. Định mức chi cụ thể như sau:

Chi biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu bồi dưỡng, đào tạo, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 76/2018/TT-BTC ngày 17 tháng 8 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung, mức chi xây dựng chương trình đào tạo, biên soạn giáo trình môn học đối với giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp.

Chi thù lao giảng viên, trợ giảng; phụ cấp tiền ăn giảng viên, trợ giảng; chi phí đưa, đón, bố trí nơi ở cho giảng viên, trợ giảng; chi thù lao hướng dẫn viên tham quan, thực hành thao tác kỹ thuật: Thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND quy định nội dung chi, mức hỗ trợ cho các hoạt động khuyến nông trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Chi in ấn tài liệu, giáo trình trực tiếp phục vụ lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo); giải khát giữa giờ; tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế (nếu có); thuê hội trường, phòng học, thiết bị phục vụ học tập, vật tư thực hành lớp học (nếu có); chi tổ chức khai giảng, bế giảng, in chứng chỉ, chi tiền thuốc y tế thông thường cho học viên (nếu học viên ốm); chi khác phục vụ trực tiếp lớp học (điện, nước, thông tin liên lạc, văn phòng phẩm, vệ sinh, trông giữ xe và các khoản chi trực tiếp khác). Mức chi thực hiện theo hình thức hợp đồng với nhà cung cấp theo các quy định liên quan.

Tất cả học viên được hỗ trợ 100% chi phí tài liệu học (không bao gồm tài liệu tham khảo). Đối với học viên không hưởng lương từ ngân sách nhà nước được hỗ trợ tiền ăn tối đa 100% chi phí tiền ăn theo mức quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 13/2026/NQ-HĐND; hỗ trợ tiền đi lại là 200.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 15km trở lên; riêng đối với người khuyết tật và người học cư trú ở xã, ấp, khu vực thuộc vùng khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn, xã đảo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, mức hỗ trợ 300.000 đồng/người/khóa học nếu địa điểm đào tạo ở xa nơi cư trú từ 5 km trở lên. Đối với chỗ ở cho người học: Trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo bố trí chỗ ở cho các học viên thì đơn vị được hỗ trợ chi phí dịch vụ, bao gồm chi phí điện, nước; trường hợp đơn vị tổ chức đào tạo thuê chỗ ở cho học viên thì được hỗ trợ 100% chi phí theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 03/2025/NQ-HĐND quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của thành phố Cần Thơ.

Kiểm soát chất lượng giống: Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% chi phí kiểm nghiệm, kiểm định, chứng nhận chất lượng giống, giám định vi-rút, xét nghiệm, kiểm dịch, kiểm soát bệnh.

- Tổ chức thực hiện (Điều 5)
- Hiệu lực thi hành (Điều 6).

**22. Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức về công tác tại Trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ sau sắp xếp đơn vị hành chính.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Tại khoản 2 Điều 12, khoản 1, khoản 2 Điều 15, điểm d khoản 4 Điều 16 Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính năm 2025 quy định:

“Điều 12. Sắp xếp, xử lý trụ sở, tài chính, tài sản công sau sắp xếp đơn vị hành chính ...

2. Chính quyền địa phương cấp tỉnh nơi dự kiến bố trí trung tâm chính trị - hành chính của đơn vị hành chính cấp tỉnh dự kiến hình thành sau sắp xếp có trách nhiệm chủ động cân đối, bố trí ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp các trụ sở làm việc được tiếp tục sử dụng phục vụ hoạt động của đơn vị hành chính sau sắp xếp; quan tâm bố trí nhà ở công vụ, phương tiện phục vụ công tác và nhu cầu đi lại cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động của các đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp để ổn định điều kiện làm việc tại đơn vị hành chính sau sắp xếp; hướng dẫn, tạo điều kiện để chính quyền địa phương cấp xã sau sắp xếp cân đối ngân sách để đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp trụ sở làm việc, bảo đảm điều kiện làm việc của các cơ quan, tổ chức, đơn vị tại đơn vị hành chính cấp xã.”

“Điều 15. Kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính

1. Ngân sách nhà nước bố trí kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành để thực hiện xây dựng đề án sắp xếp đơn vị hành chính; tổ chức tuyên truyền, vận động; tổ chức lấy ý kiến Nhân dân; giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chịu tác động do sắp xếp đơn vị hành chính và các nhiệm vụ cần thiết khác do sắp xếp đơn vị hành chính.

2. Kinh phí thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính do ngân sách địa phương bảo đảm. Tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương được sử dụng kinh phí thường xuyên trong nguồn ngân sách nhà nước đã được giao trong thời kỳ ổn định ngân sách để chi các nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều này...”

“Điều 16. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính

4. Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm sau đây:

...

d) Căn cứ khả năng ngân sách của địa phương, ban hành cơ chế chính sách hỗ trợ điều kiện đi lại và làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của các cơ quan, tổ chức ở đơn vị hành chính thực hiện sắp xếp về công tác tại trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp tỉnh và cấp xã sau sắp xếp.”

Tại tiết (-) thứ nhất tiểu mục 2.5 khoản 2 Mục II Công văn số 03/CV-BCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2025 của Ban Chỉ đạo sắp xếp đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp về việc định hướng một số nhiệm vụ sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp; về tổ chức bộ máy, cán bộ, công chức, viên chức khi thực hiện sắp xếp “- Chuyển 100% biên chế cấp huyện hiện có để bố trí biên chế cấp xã,

*trong đó đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý của hệ thống chính trị cấp huyện hiện nay được bố trí làm nòng cốt tại các đơn vị cấp xã mới; có thể tăng cường cán bộ, công chức, viên chức cấp tỉnh về cấp xã.”.*

Đến ngày 16 tháng 6 năm 2025, Ủy ban Thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025.

Tại điểm b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định “b) Chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Trên cơ sở báo cáo và kết quả rà soát tình hình thực tiễn trong quá trình triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp, cho thấy trong thời gian qua, việc thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp đã góp phần tăng cường hiệu lực, hiệu quả trong công tác chỉ đạo, điều hành và triển khai các nhiệm vụ chính trị tại cơ sở.

Theo đó, tại thời điểm xây dựng phương án nhân sự theo định hướng của cấp có thẩm quyền, một số cán bộ, công chức, viên chức thuộc các sở, ban, ngành cấp tỉnh, thành phố được điều động, bố trí tăng cường về công tác tại các xã, phường đã phát sinh một số vấn đề khó khăn, cụ thể: việc di chuyển trên quãng đường dài làm tăng chi phí xăng xe, ăn ở, đồng thời mất nhiều thời gian di chuyển, đặc biệt đối với các địa bàn xa trung tâm, giao thông không thuận lợi; điều này ảnh hưởng đến đời sống, sinh hoạt của cán bộ, công chức, viên chức cũng như tiến độ, chất lượng và hiệu quả giải quyết công việc tại cơ sở.

Từ những phân tích về cơ sở pháp lý, cơ sở thực tiễn như đã nêu trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức ở đơn vị hành chính cấp tỉnh về công tác tại Trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ sau sắp xếp đơn vị hành chính là cần thiết.

#### **- Mục đích ban hành**

Thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định của Trung ương, của Chính phủ về chế độ, chính sách đối với các đối tượng theo quy định; bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đối tượng thụ hưởng; góp phần tạo sự đồng thuận, ổn định tư tưởng, yên tâm công tác.

Tạo điều kiện để tiếp tục thực hiện việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng, hiệu lực, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 33/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức về công tác tại Trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ sau sắp xếp đơn vị hành chính, gồm 06 điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Nghị quyết này quy định chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức công tác tại đơn vị hành chính cấp tỉnh được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển, bố trí về công tác tại Trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ sau sắp xếp đơn vị hành chính và cán bộ, công chức ở đơn vị hành chính cấp tỉnh được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển về giữ chức vụ Bí thư, Phó Bí thư ở đơn vị hành chính cấp huyện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025, sau sắp xếp đơn vị hành chính được phân công, bố trí về công tác tại Trung tâm hành chính cấp xã.

Nghị quyết này không điều chỉnh đối với các đơn vị lực lượng vũ trang; các cơ quan Trung ương được tổ chức theo ngành dọc về công tác tại Trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ sau sắp xếp đơn vị hành chính và đơn vị thuộc sở, ban, ngành thành phố do sắp xếp tổ chức (chuyển chức năng, nhiệm vụ) hoặc được chuyển nguyên trạng về Ủy ban nhân dân các xã, phường quản lý; các trường hợp đang công tác tại đơn vị hành chính cấp tỉnh được cấp có thẩm quyền điều động về công tác tại đơn vị hành chính cấp xã theo nguyện vọng cá nhân sau ngày 01 tháng 7 năm 2025 và các trường hợp đã hưởng các chế độ, chính sách tương tự.

- Đối tượng áp dụng (Điều 2)

+ Cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị sự nghiệp công lập và người làm việc tại các Hội do Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ ở đơn vị hành chính cấp tỉnh được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển, bố trí về công tác tại Trung tâm hành chính của đơn vị hành chính cấp xã thuộc thành phố Cần Thơ sau sắp xếp đơn vị hành chính và cán bộ, công chức ở đơn vị hành chính cấp tỉnh được cấp có thẩm quyền điều động, luân chuyển về giữ chức vụ Bí thư, Phó Bí thư ở đơn vị hành chính cấp huyện trước ngày 01 tháng 7 năm 2025, sau sắp xếp đơn vị hành chính được phân công, bố trí về công tác tại Trung tâm hành chính cấp xã.

+ Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến công tác lập, phân bổ, chấp hành dự toán, quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước.

- Chính sách hỗ trợ (Điều 3)

+ Đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này không thuộc trường hợp được bố trí nhà ở công vụ, xe đưa rước đi làm việc (trừ đơn vị sự

nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư, đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên), được hưởng chính sách hỗ trợ 3.000.000 đồng/người/tháng, bao gồm:

Hỗ trợ chi phí đi lại: 1.000.000 đồng/người/tháng.

Hỗ trợ tiền ăn: 1.000.000 đồng/người/tháng.

Hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ: 1.000.000 đồng/người/tháng.

Trường hợp các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này thuộc diện được bố trí nhà ở công vụ, xe đưa rước đi làm việc nhưng chưa được bố trí nhà ở công vụ, xe đưa rước đi làm việc thì được hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ, chi phí đi lại tương ứng cho đến khi được bố trí nhà ở công vụ, xe đưa rước đi làm việc.

Trường hợp các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này có khoảng cách từ nơi đăng ký thường trú đến nơi làm việc dưới 15 km thì được hỗ trợ tiền ăn, chi phí đi lại, không hỗ trợ tiền thuê chỗ nghỉ.

- Thời gian hưởng chính sách hỗ trợ và nguồn kinh phí thực hiện (Điều 4)

Thời gian hưởng chính sách hỗ trợ: 24 tháng, kể từ tháng 7 năm 2025 đến tháng 6 năm 2027.

- Tổ chức thực hiện (Điều 5)

- Hiệu lực thi hành (Điều 6).

**23. Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi tiền công thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ điểm đ, e và g khoản 3 Điều 2 Thông tư số 143/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng quy định:

*“Điều 2. Mức chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP.*

*3. Trích 20% trong tổng quỹ thi đua khen thưởng của từng cấp để chi các nội dung sau đây:*

.....

đ) Chi tiền công cho các thành viên Hội đồng và thư ký Hội đồng các cấp nhận xét hồ sơ, tóm tắt thành tích và phân loại hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu vinh dự nhà nước: 250.000 đồng/thành viên/hồ sơ;

e) Chi tiền công cho các thành viên Hội đồng thẩm định, thư ký Hội đồng các cấp nhận xét, tóm tắt trích ngang, phân loại, đánh giá hồ sơ và thành viên được phân công phản biện đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và “Giải thưởng Nhà nước”: 700.000 đồng/thành viên/công trình/tác phẩm. Riêng đối với chi tiền công thẩm định, nhận xét, phân loại, đánh giá, phản biện hồ sơ cụm công trình, cụm tác phẩm: 1.000.000 đồng/thành viên/cụm công trình/cụm tác phẩm;

g) Chi tiền công hợp xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các Hội đồng theo quy định của Luật Thi đua - Khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP:

- Chủ trì cuộc họp: 1.000.000 đồng/người/buổi (riêng đối với chi tiền công hợp xét tặng các danh hiệu “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”: 1.500.000 đồng/người/buổi);

- Thành viên Hội đồng: 500.000 đồng/người/buổi (riêng đối với chi tiền công hợp xét tặng các danh hiệu “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”: 1.000.000 đồng/người/buổi);

- Người tham gia phục vụ họp Hội đồng: 300.000 đồng/người/buổi;

Các mức chi quy định tại điểm đ, điểm e và điểm g nêu trên là mức tối đa. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị ở trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh (hoặc cơ quan được phân cấp ở địa phương) quy định mức chi cụ thể cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phù hợp với dự toán được cấp có thẩm quyền giao và khả năng ngân sách địa phương;”.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Thực hiện Thông tư số 143/2025/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn mức chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng (Viết tắt là Thông tư số 143/2025/TT-BTC), có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, trong đó quy định nhiều nội dung mới liên quan đến việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng để tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng; đồng thời yêu cầu địa phương quy định mức chi cụ thể cho các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý phù hợp với dự toán được cấp có thẩm quyền giao và khả năng ngân sách địa phương. Do đó, để có cơ sở triển khai đầy đủ, thống nhất, đồng bộ và hiệu quả Quỹ thi đua, khen thưởng; việc ban hành kịp thời Nghị quyết quy định mức chi tiền công thực hiện công tác thi đua,

khen thưởng trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm quy định cụ thể mức chi theo điểm đ, e và g khoản 3 Điều 2 Thông tư số 143/2025/TT-BTC trên địa bàn thành phố Cần Thơ là yêu cầu cấp thiết.

Việc chậm ban hành Nghị quyết quy định mức chi tiền công thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Cần Thơ làm giảm tính chủ động của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc bố trí, sử dụng Quỹ thi đua, khen thưởng; đồng thời, gây khó khăn trong công tác lập dự toán, giao dự toán từ Quỹ thi đua, khen thưởng để phục vụ công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Trên cơ sở các quy định nêu trên và căn cứ yêu cầu nhiệm vụ, tình hình thực tiễn tại địa phương, việc xây dựng và ban hành kịp thời Nghị quyết quy định mức chi tiền công thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết, phù hợp với quy định của pháp luật.

#### **- Mục đích ban hành**

+ Nghị quyết là cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, địa phương lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước về kinh phí thực hiện công tác thi đua, khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 và Thông tư số 143/2025/TT-BTC.

+ Bảo đảm việc chi thực hiện công tác thi đua, khen thưởng được thống nhất, khách quan, minh bạch.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 34/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi tiền công thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

##### **- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)**

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định cụ thể mức chi tiền công thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại điểm đ, e và g khoản 3 Điều 2 Thông tư số 143/2025/TT-BTC hướng dẫn mức chi tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 152/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực thi đua, khen thưởng; quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng.

+ Đối tượng áp dụng: Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng để tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn thành phố Cần Thơ tại điểm đ, điểm e và điểm g khoản 3 Điều 2 Thông tư số 143/2025/TT-BTC.

- Mức chi tiền công tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng (Điều 2)

+ Chi tiền công cho các thành viên Hội đồng và thư ký Hội đồng các cấp nhận xét hồ sơ, tóm tắt thành tích và phân loại hồ sơ đề nghị xét tặng các danh hiệu vinh dự nhà nước: 200.000 đồng/thành viên/hồ sơ.

+ Chi tiền công cho các thành viên Hội đồng thẩm định, thư ký Hội đồng các cấp nhận xét, tóm tắt trích ngang, phân loại, đánh giá hồ sơ và thành viên được phân công phản biện đề nghị xét tặng “Giải thưởng Hồ Chí Minh” và “Giải thưởng Nhà nước”: 500.000 đồng/thành viên/công trình/tác phẩm. Riêng đối với chi tiền công thẩm định, nhận xét, phân loại, đánh giá, phản biện hồ sơ cụm công trình, cụm tác phẩm: 700.000 đồng/thành viên/cụm công trình/cụm tác phẩm.

+ Chi tiền công hợp xét danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng của các Hội đồng theo quy định của Luật Thi đua - Khen thưởng và Nghị định số 152/2025/NĐ-CP:

Chủ trì cuộc họp: 700.000 đồng/người/buổi (riêng đối với chi tiền công hợp xét tặng các danh hiệu “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”: 1.000.000 đồng/người/buổi);

Thành viên Hội đồng: 300.000 đồng/người/buổi (riêng đối với chi tiền công hợp xét tặng các danh hiệu “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”: 700.000 đồng/người/buổi);

Người tham gia phục vụ họp Hội đồng: 200.000 đồng/người/buổi.

- Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 3)

- Trách nhiệm thi hành (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

**24. Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ khoản 2 Điều 85 Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi luật số 97/2005/QH15 quy định trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh “2. *Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn.*”. Điểm d khoản 1 Mục II Kế hoạch triển khai thi hành Luật thực hiện dân chủ ở cơ sở ban hành kèm theo Quyết định số 346/QĐ-TTg ngày 06 tháng 4 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ quy định “đ) *Ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân các*

*cấp quyết định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn: - Cơ quan chủ trì: Hội đồng nhân dân các cấp.”.*

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 65/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc ban hành các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 4 năm 2025 về các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tại khoản 2 Điều 2 quy định “2. *Các cơ quan theo thẩm quyền khẩn trương thực hiện các công tác chuẩn bị cần thiết, bảo đảm để chính quyền địa phương ở các tỉnh, thành phố hình thành sau sắp xếp quy định tại Điều 1 của Nghị quyết này chính thức hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.*”. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định “b) *Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;*”, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ đã ban hành Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc thông qua Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng, theo đó, lựa chọn Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn tỉnh Hậu Giang để áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới.

Tuy nhiên, thực tế việc áp dụng Nghị quyết số 10/2024/NQ-HĐND trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới phát sinh những khó khăn, vướng mắc do khác nhau về tập quán, hương ước, quy ước,... tại từng địa phương và chưa đồng nhất theo đơn vị hành chính mới. Đồng thời, thực hiện Thông báo số 28-TB/TU ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về việc kết luận của tập thể Ban Thường vụ Thành ủy tại cuộc họp ngày 30 tháng 7 năm 2025 và Công văn số 161/TT-CTHĐND ngày 19 tháng 9 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố về việc triển khai thực hiện

Thông báo số 28-TB/TU ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy, để đảm bảo kịp thời tham mưu xử lý văn bản sau sáp nhập phù hợp đơn vị hành chính. Do đó, Hội đồng nhân dân thành phố cần ban hành Nghị quyết Quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ là rất cần thiết, phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tiễn của thành phố Cần Thơ sau khi sáp nhập.

**- Mục đích ban hành**

+ Thực hiện đầy đủ, kịp thời cụ thể hóa Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15 thành quy định cụ thể về các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn thành phố theo đúng quy định đảm bảo tính thống nhất;

+ Nâng cao nhận thức về Luật số 10/2022/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 97/2025/QH15 và trách nhiệm của các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị, tổ chức Trung ương và doanh nghiệp nhà nước và Nhân dân trên địa bàn thành phố trong việc thực hiện dân chủ và bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Kiên quyết đấu tranh ngăn chặn và đẩy lùi các biểu hiện tiêu cực tham nhũng lãng phí, quan liêu gây phiền hà, sách nhiễu dân và lợi dụng dân chủ, gây mất đoàn kết nội bộ; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của toàn xã hội trong việc thực hiện dân chủ cơ sở; góp phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh của cơ quan, đơn vị và địa phương.

**c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 35/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

**- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)**

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

**+ Đối tượng áp dụng**

Cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức có sử dụng lao động, cộng đồng dân cư; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động đang công tác tại cơ quan, đơn vị, địa phương, người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực trên địa bàn thành phố Cần Thơ;

Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

**- Các biện pháp bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở (Điều 2)**

+ Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho người được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở

+ Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở; nâng cao nhận thức cộng đồng về việc bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở

+ Nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, vai trò nêu gương của người đứng đầu, cán bộ lãnh đạo, quản lý, cán bộ, công chức, viên chức, người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực trong thực hiện dân chủ và bảo đảm thực hiện dân chủ ở cơ sở; lấy mức độ thực hiện dân chủ ở cơ sở là một trong những tiêu chí quan trọng để đánh giá xếp loại hằng năm đối với cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức và lãnh đạo, quản lý

+ Hỗ trợ, khuyến khích ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học - kỹ thuật, trang bị phương tiện kỹ thuật và bảo đảm các điều kiện cần thiết khác cho việc tổ chức thực hiện dân chủ ở cơ sở phù hợp với tiến trình xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số

+ Kịp thời biểu dương, khen thưởng gương điển hình, có nhiều thành tích trong việc phát huy và tổ chức thực hiện tốt dân chủ ở cơ sở; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, phát hiện và xử lý nghiêm cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân vi phạm pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở

- Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 3)

- Tổ chức thực hiện (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

**25. Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- **Sự cần thiết ban hành:**

+ **Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, tại khoản 19 Điều 1 quy định: “*Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ....*”.

Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định hiệu lực về không gian của văn bản quy phạm pháp luật như sau:

*“2. Văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân ở đơn vị hành chính nào thì có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó và phải được quy định cụ thể ngay trong văn bản đó. Trường hợp có sự thay đổi về địa giới đơn vị hành chính thì hiệu lực về không gian và đối tượng áp dụng của văn bản quy phạm pháp luật được xác định như sau*

...

*b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”.*

Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 thì: Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định *“Chính sách, biện pháp nhằm phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách, quốc phòng, an ninh ở địa phương; biện pháp khác có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp;”*.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội, điểm 1, khoản 9, Điều 31 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn *“Quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối của ngân sách địa phương.”*.

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước, tại khoản 1, Điều 9 quy định: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an sinh xã hội, đảm bảo an toàn, trật tự xã hội trên địa bàn theo quy định tại điểm 1 khoản 9 Điều 31 của Luật Ngân sách nhà nước.”*.

Căn cứ Quy định số 200-QĐ/TW ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ban Chấp hành Trung ương về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe diện Trung ương quản lý.

Căn cứ Hướng dẫn số 07-HD/BTCTW ngày 20 tháng 8 năm 2021 của Ban Tổ chức Trung ương về chức năng, nhiệm vụ, tổ chức, bộ máy của ban bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Thông tư số 18/2023/TT-BYT ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Bộ Trưởng Bộ Y tế hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Căn cứ Quy định số 176-QĐ/TU ngày 18 tháng 11 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về phân cấp quản lý cán bộ và quy hoạch, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử, tạm đình chỉ công tác, cho thôi giữ chức vụ, từ chức, miễn nhiệm đối với cán bộ.

Căn cứ Quy định số 241-QĐ/TU ngày 12 tháng 12 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy về Danh mục vị trí chức danh, nhóm chức danh, chức vụ lãnh đạo của hệ thống chính trị thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Quy chế làm việc số 01-QC/TU ngày 02 tháng 10 năm 2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ thành phố Cần Thơ khóa I, nhiệm kỳ 2025 – 2030.

Như vậy, Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ là bảo đảm cơ sở pháp lý và đúng thẩm quyền.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Trong nhiều năm qua, các chế độ, chính sách về bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ luôn được tỉnh, thành phố quan tâm, chú trọng. Bên cạnh việc thực hiện tốt các chính sách của Trung ương, Thành phố Cần Thơ (cũ) và tỉnh Hậu Giang (cũ), tỉnh Sóc Trăng (cũ) đã ban hành một số cơ chế, chính sách riêng, góp phần đảm bảo và nâng cao sức khỏe cho cán bộ cả về thể chất và tinh thần, thể hiện sự quan tâm, chăm lo, đãi ngộ của Đảng, Nhà nước, của địa phương và cơ quan, đơn vị đối với công lao, cống hiến của cán bộ, đảng viên trong sự nghiệp xây dựng và phát triển của tỉnh, thành phố. Trong đó trọng tâm là Quy định về công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ tại các địa phương, cụ thể:

Thành phố Cần Thơ (cũ): Quy định số 07-QĐ/TU ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Ban Thường vụ Thành ủy Cần Thơ quy định cán bộ diện thuộc Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Thành ủy quản lý, chăm sóc sức khỏe; Quy định số 10-QĐ/TU ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Ban Thường vụ Thành ủy Cần Thơ quy định bổ sung cán bộ diện Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Thành ủy quản lý, chăm sóc sức khỏe; Quy định số 1704-QĐ/TU ngày 24 tháng 5 năm 2019 của Ban Thường vụ Thành ủy Cần Thơ quy định hỗ trợ chi phí khám, chữa bệnh, bảo vệ, chăm sóc sức khỏe đối với cán bộ thuộc diện Ban Bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ Thành ủy quản lý, chăm sóc sức khỏe; Thông báo số 590-TB/VPTU ngày 25 tháng 10 năm 2023 của Văn phòng Thành ủy Cần Thơ về kết luận của tập thể Thường trực Thành ủy tại cuộc họp ngày 09 tháng 10 năm 2023 về bổ sung tăng thêm kinh phí hỗ trợ thuốc điều trị cho cán bộ mắc bệnh mãn tính, hiểm nghèo.

Tỉnh Hậu Giang (cũ): Quy định số 351-QĐ/TU ngày 09 tháng 4 năm 2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Hậu Giang quy định về tiêu chuẩn, chế độ bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ diện Tỉnh ủy quản lý.

Tỉnh Sóc Trăng (cũ): Nghị quyết số 09/2024/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định nội dung và mức chi thực hiện chế độ, chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ, công chức, viên chức và các đối tượng khác trên địa bàn thành phố Sóc Trăng.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, trên cơ sở hợp nhất thành phố Cần Thơ (cũ), tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng, Thành phố Cần Thơ mới chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01 tháng 7 năm 2025. Ngày 08 tháng 7 năm 2025, Thường trực Thành ủy đã ban hành Kết luận số 03-KL/TU về tiếp tục duy trì thực hiện chăm sóc sức khỏe theo các quy định của từng địa phương trước sáp nhập nhằm đảm bảo sự liên tục và kịp thời các chế độ chăm sóc sức khỏe cán bộ cho đến khi có văn bản thay thế. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện song hành các quy định trên cùng một địa bàn thành phố có nhiều điểm khác biệt, các quy định trên không tương đồng về đối tượng, chế độ chi chăm sóc sức khỏe dẫn đến việc thanh toán chi phí khám, chữa bệnh theo các quy định gặp rất nhiều khó khăn về quy trình, thủ tục.

Từ cơ sở pháp lý và cơ sở thực tiễn nêu trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết quy định nội dung, mức chi cho công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ trên địa bàn thành phố Cần Thơ để thống nhất áp dụng sau khi sáp nhập đơn vị hành chính là rất cần thiết, đảm bảo quy định pháp luật và phù hợp với thực tiễn.

#### **- Mục đích ban hành**

+ Nhằm tạo khung pháp lý thống nhất về chế độ chính sách cho các cán bộ diện bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ thành phố Cần Thơ.

+ Xây dựng một số chế độ chính sách cho các cán bộ thuộc diện bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ thành phố Cần Thơ phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, khả năng cân đối của ngân sách thành phố.

+ Bảo đảm chế độ, chính sách đãi ngộ phù hợp, thể hiện sự ghi nhận, trân trọng đối với công lao, cống hiến của cán bộ cho sự nghiệp xây dựng và phát triển của địa phương.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 36/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nội dung, mức chi đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 07 điều, cụ thể:

#### **- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

Nghị quyết này quy định nội dung, mức chi đối với công tác bảo vệ, chăm sóc sức khỏe cán bộ và một số đối tượng khác trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

- Đối tượng áp dụng (Điều 2)
- Nguyên tắc áp dụng (Điều 3)
- Nội dung, mức chi (Điều 4)
- Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 5)
- Tổ chức thực hiện (Điều 6)
- Hiệu lực thi hành (Điều 7).

**26. Nghị quyết số 37/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và xã, phường thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

Ngày 22 tháng 3 năm 2024, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện.

Trước sắp xếp đơn vị hành chính, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang đã ban hành các Nghị quyết quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cấp tỉnh và cấp huyện thực hiện trên địa bàn, cụ thể như sau: Nghị quyết số 04/2014/NQ-HĐND ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc thành phố và Ủy ban Mặt trận các quận, huyện thực hiện; Nghị quyết số 06/2014/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp tỉnh, cấp huyện thực hiện trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định nội dung, mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với

một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Sau sắp xếp đơn vị hành chính, Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Nghị quyết số 171/NQ-HĐND ngày 31 tháng 7 năm 2025 về việc thông qua Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng; theo đó, Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang được lựa chọn áp dụng trên địa bàn thành phố.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Thực hiện Thông báo số 68-TB/TU ngày 24 tháng 11 năm 2025 của Ban Thường vụ Thành ủy và Công văn số 685-CV/ĐU ngày 25 tháng 11 năm 2025 của Đảng ủy Ủy ban nhân dân thành phố về việc triển khai xử lý các văn bản quy phạm pháp luật sau sắp xếp đơn vị hành chính, Ủy ban nhân dân thành phố được giao chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu hoàn thành trong Quý I năm 2026. Trong bối cảnh đó, việc tiếp tục áp dụng Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang không còn phù hợp cả về căn cứ pháp lý và phạm vi áp dụng trên địa bàn thành phố sau sắp xếp đơn vị hành chính. Đồng thời, yêu cầu triển khai thống nhất, đầy đủ Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ đặt ra phải ban hành quy định mới làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và xã, phường thực hiện trên địa bàn thành phố. Việc ban hành Nghị quyết mới nhằm bảo đảm thống nhất trong áp dụng pháp luật, kịp thời phục vụ công tác chăm lo, động viên các đối tượng tiêu biểu, góp phần củng cố khối đại đoàn kết toàn dân tộc, nâng cao hiệu quả các phong trào thi đua và các cuộc vận động do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì trong điều kiện sau sắp xếp đơn vị hành chính.

Từ các cơ sở nêu trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố xem xét, ban hành Nghị quyết quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và xã, phường thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ, thay thế Nghị quyết số 15/2024/NQ-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang là cần thiết, cấp bách, phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và yêu cầu thực tiễn.

#### **- Mục đích ban hành**

Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Luật ngân sách nhà nước, chủ trương của Đảng và Nhà nước về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; phân cấp của Bộ Tài chính cho Ủy ban nhân dân thành phố.

Cụ thể hóa mức chi, bảo đảm việc triển khai thực hiện đúng, đầy đủ Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ. Thông qua công tác thăm hỏi, động viên kịp thời các đối tượng, cá nhân tiêu biểu nhằm tạo được sự đồng thuận, phấn khởi từ các đối tượng được hưởng thụ, sự tham gia tích cực vào các phong trào, các cuộc vận động do Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chủ trì sau sáp nhập.

Làm căn cứ để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng, phúng viếng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và xã, phường thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 37/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và xã, phường thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường thực hiện trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Đối tượng áp dụng: Các đối tượng được quy định tại Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chế độ chi đón tiếp, thăm hỏi, chúc mừng đối với một số đối tượng do Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp thực hiện và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Nội dung chi và mức chi (Điều 2)

+ Chi đón tiếp các đoàn đại biểu, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ đến thăm và làm việc với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, phường

+ Chi tặng quà chúc mừng, thăm hỏi, phúng viếng đối với đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 2 Quyết định số 04/2024/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

- Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 3)

Kinh phí thực hiện được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành.

- Tổ chức thực hiện (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

**27. Nghị quyết số 38/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới.

Điều b khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15.

Điều 26 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ quy định về hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp:

*“1. Ngân sách địa phương (đã bao gồm thu bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương) cân đối hỗ trợ đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp trên địa bàn (ưu tiên hỗ trợ đầu tư công trình hạ tầng bảo vệ môi trường các cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động; hỗ trợ đầu tư các công trình hạ tầng kỹ thuật chung thiết yếu của cụm công nghiệp tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, cụm công nghiệp phát triển theo hướng liên kết ngành, chuyên ngành, hỗ trợ, sinh thái, bảo tồn nghề truyền thống) theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.*

*Nhà nước hỗ trợ không quá 30% tổng mức vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp. Kinh phí hỗ trợ không tính vào tổng mức đầu tư của dự án để tính giá cho thuê lại đất, giá sử dụng hạ tầng đối với các dự án đầu tư trong cụm công nghiệp. Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp có trách nhiệm quản lý, sửa chữa, vận hành thường xuyên các công trình hạ tầng kỹ thuật được hỗ trợ để phục vụ hoạt động chung của cụm công nghiệp.*

*2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền, quy định của pháp luật về việc hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật các cụm công nghiệp trên địa bàn.”*

Khoản 1 Điều 32 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ có quy định về quyền và trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh:

*“1. Chỉ đạo xây dựng, thực hiện phương án phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn; quyết định thành lập, mở rộng, điều chỉnh hoặc bãi bỏ quyết định thành lập, mở rộng cụm công nghiệp; quy định hoặc trình cơ quan có thẩm quyền quy*

*định việc hỗ trợ đầu tư từ ngân sách địa phương để xây dựng hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài các cụm công nghiệp trên địa bàn; tổ chức thực thi các chính sách, pháp luật, kế hoạch hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn.”*

Điều 6 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ có quy định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý, phát triển cụm công nghiệp đối với Ủy ban nhân dân cấp xã:

*“Thẩm quyền đề xuất xây dựng phương án phát triển, thành lập, mở rộng cụm công nghiệp trên địa bàn; hỗ trợ chủ đầu tư triển khai đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, quản lý hiệu quả các cụm công nghiệp trên địa bàn; tiếp nhận, giải quyết hoặc đề nghị cơ quan có thẩm quyền giải quyết các thủ tục triển khai dự án đầu tư vào cụm công nghiệp quy định tại khoản 1 Điều 34; thẩm quyền quyết định hỗ trợ đầu tư hoặc đề xuất cơ quan có thẩm quyền quyết định hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật trong và ngoài cụm công nghiệp; phê duyệt, thực hiện kế hoạch di dời doanh nghiệp, cơ sở sản xuất vào cụm công nghiệp và hoạt động phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn quy định tại khoản 2 Điều 34; thẩm quyền thanh tra, kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất, xử lý vi phạm pháp luật về đất đai, đầu tư, xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ và các quy định khác về cụm công nghiệp trên địa bàn theo thẩm quyền; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Sở Công Thương về tình hình cụm công nghiệp trên địa bàn quy định tại khoản 3 Điều 34 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 32/2024/NĐ-CP) do Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện.”*

#### **+ Cơ sở thực tiễn:**

Theo Phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 20501, trên địa bàn thành phố định hướng phát triển 46 cụm công nghiệp với tổng diện tích 2.751,23ha. Trong đó, có 11 cụm công nghiệp đã thành lập với tổng diện tích 641,65 ha; 07 Cụm công nghiệp đã đi vào hoạt động, với tổng diện tích hoạt động 321,5 ha, thu hút được 49 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký 16.366,62 tỷ đồng, giải quyết việc làm cho hơn 9.000 lao động; Các cụm công nghiệp còn lại giai đoạn 2026 - 2030 cần kêu gọi đầu tư là 24 cụm công nghiệp với tổng diện tích 1.442 ha và 11 cụm công nghiệp giai đoạn sau năm 2030 với tổng diện tích 667,58 ha.

Bên cạnh kết quả đạt được vẫn còn một số khó khăn, hạn chế trong việc thu hút đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp, cụ thể: Doanh nghiệp đến tiếp cận nhưng không đăng ký nộp hồ sơ, nguyên nhân do chi phí giải phóng mặt bằng cao, chưa có quỹ đất sạch, chưa có chính sách hỗ trợ trong đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp. Bên cạnh đó, Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang (cũ) đã ban hành Nghị quyết số 23/2024/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2024 quy định chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang nhưng đến nay vẫn chưa phát huy tối đa hiệu quả. Chính

vì vậy, cần thiết phải ban hành mới chính sách hỗ trợ để tổ chức thực hiện trên địa bàn thành phố.

Từ các cơ sở nêu trên, việc Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố thông qua Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết, phù hợp với quy định hiện hành và tình hình thực tiễn hiện nay.

#### **- Mục đích ban hành**

+ Thúc đẩy phát triển công nghiệp bền vững theo quy hoạch, góp phần thực hiện có hiệu quả Quy hoạch thành phố Cần Thơ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 3639/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của UBND thành phố Cần Thơ.

+ Thu hút các doanh nghiệp, hợp tác xã, các tổ chức kinh tế có đủ năng lực, điều kiện đầu tư kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp ở các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

+ Xây dựng phát triển các cụm công nghiệp đảm bảo yêu cầu bảo vệ môi trường đáp ứng điều kiện về thu hút các doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất đầu tư sản xuất trong các cụm công nghiệp góp phần tạo việc làm, tăng thu ngân sách, chuyển dịch cơ cấu kinh tế và bảo đảm yêu cầu bảo vệ môi trường, góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 38/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 06 điều, cụ thể:

##### **- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)**

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định hỗ trợ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Đối tượng áp dụng: Chủ đầu tư dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp bao gồm: Các doanh nghiệp (trong nước), hợp tác xã, tổ chức được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp; Các cơ quan quản lý Nhà nước và tổ chức, cá nhân liên quan đến việc đầu tư và hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp.

##### **- Điều kiện và hình thức hỗ trợ (Điều 2)**

##### **+ Điều kiện hỗ trợ**

Chủ đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp phải thực hiện đúng trình tự đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại Điều 14 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, phát triển cụm công nghiệp.

Cụm công nghiệp tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và đặc biệt khó khăn.

+ Hình thức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 (một) lần.

- Nội dung và mức hỗ trợ (Điều 3)

+ Nội dung hỗ trợ

Hỗ trợ đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp theo quy định tại khoản 4, Điều 2 Nghị định số 32/2024/NĐ-CP của Chính phủ.

+ Mức hỗ trợ

Hỗ trợ 30% tổng mức vốn đầu tư của dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp nhưng không quá 50 tỷ đồng/01 dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đối với cụm công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và không quá 30 tỷ đồng/01 dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật cụm công nghiệp đối với cụm công nghiệp thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

- Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 4)

- Tổ chức thực hiện (Điều 5)

- Hiệu lực thi hành (Điều 6).

**28. Nghị quyết số 39/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán thực hiện chính sách và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- **Sự cần thiết ban hành:**

+ **Cơ sở chính trị, pháp lý**

Tại khoản 1 và khoản 2 Điều 7 Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý, được sửa đổi, bổ sung tại điểm a và b khoản 3 Điều 1 Thông tư số 95/2025/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 44/2022/TT-BTC ngày 21 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý và sử dụng kinh phí chi thường xuyên thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng, thân nhân của người có công

với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý.

a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 7 như sau:

*“1. Chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả.*

*Mức chi phí quản lý bằng 1,7% tổng kinh phí thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng (trừ kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ), được bố trí trong dự toán kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng hàng năm của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Bộ trưởng Bộ Nội vụ đề xuất phân bổ tỷ lệ chi phí quản lý cùng với phương án đề xuất phân bổ kinh phí thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng gửi Bộ Tài chính, bảo đảm chi phí quản lý phù hợp với đặc thù của từng địa phương và trong phạm vi dự toán được giao cho công tác quản lý của toàn ngành. Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tỷ lệ chi phí quản lý tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương, bảo đảm trong phạm vi dự toán được giao cho công tác quản lý của địa phương.”.*

b) Sửa đổi, bổ sung một số điểm của khoản 2 Điều 7 như sau:

- Sửa đổi điểm đ như sau:

*“đ) Chi phí chuyển tiền cho người thụ hưởng chính sách, cho cơ quan dịch vụ chỉ trả, chi phí làm thẻ ATM cho người thụ hưởng có yêu cầu thanh toán qua ngân hàng và chi phí duy trì tài khoản ngân hàng của người thụ hưởng, phí rút tiền mặt tại quầy, phí rút tiền mặt qua cây ATM; chi phí vận chuyển tiền mặt; chi phí thuê địa điểm chi trả, lực lượng bảo vệ, nước uống cho người thụ hưởng tại các điểm chi trả: Mức chi theo hóa đơn, chứng từ, hợp đồng (trong trường hợp thuê dịch vụ) và trong phạm vi dự toán được giao;”.*

- Sửa đổi điểm e như sau:

*“e) Chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp đến người thụ hưởng (đối với trường hợp cơ quan được cấp có thẩm quyền giao thực hiện chi trả): Mức chi trả thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương.”.*

- Sửa đổi gạch đầu dòng thứ nhất của điểm g như sau:

*“- Mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả được xác định theo tỷ lệ phần trăm (%) trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định tùy theo điều kiện địa bàn và thực tế số lượng đối tượng người có công với cách mạng của từng địa phương.”.*

### **+ Cơ sở thực tiễn**

Trước đây chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả theo Thông tư số 44/2022/TT-BTC, do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định. Tuy nhiên, đến ngày 20 tháng 10 năm 2025, thực hiện theo Thông tư số 95/2025/TT-BTC thì do Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quy định;

Tính đến tháng 12 năm 2025, toàn thành phố có 17.518 người có công và thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp hàng tháng, kinh phí thực hiện chi trả trợ cấp là 48,776 tỷ đồng/tháng (chưa bao gồm mua bảo hiểm y tế và trợ cấp mai táng phí, điều dưỡng, thờ cúng liệt sĩ, quà lễ, tết,...);

Hiện nay, trên địa bàn thành phố còn gặp khó khăn trong việc thực hiện mức chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán, thực hiện chính sách và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng thông qua tổ chức dịch vụ chi trả. Trong khi đó, thành phố chưa ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định mức chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nêu trên. Việc ban hành Nghị quyết sẽ bảo đảm cơ sở pháp lý cho công tác lập dự toán, quản lý, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí; đồng thời, bảo đảm việc chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng được thực hiện đầy đủ, kịp thời và đúng quy định của pháp luật.

Từ các cơ sở, căn cứ pháp lý nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán, thực hiện chính sách và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

### **- Mục đích ban hành**

Xây dựng quy định chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng áp dụng trên địa bàn thành phố nhằm đảm bảo theo quy định của Thông tư số 95/2025/TT-BTC.

### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 39/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán thực hiện chính sách và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết quy định chi phí quản lý để thực hiện các hoạt động nghiệp vụ về quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán,

thực hiện chính sách và tổ chức thực hiện chi trả chế độ ưu đãi người có công với cách mạng trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Đối tượng áp dụng

Sở Nội vụ, cơ quan, đơn vị cấp thành phố được giao thực hiện công tác quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán, thực hiện chính sách, chế độ ưu đãi người có công với cách mạng;

Ủy ban nhân dân xã, phường được giao thực hiện công tác quản lý đối tượng, hồ sơ, quản lý tài chính, kế toán, thực hiện chính sách, chi trả và tổ chức dịch vụ chi trả trợ cấp cho người có công với cách mạng;

Cơ quan, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

- Mức chi phí quản lý (Điều 2)

+ Chi phí quản lý:

Tại Sở Nội vụ: 0,6% trên tổng số kinh phí được giao thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng toàn thành phố (trừ kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ);

Tại Ủy ban nhân dân xã, phường: 0,6% trên tổng kinh phí được giao tại xã, phường thực hiện các chính sách ưu đãi người có công với cách mạng (trừ kinh phí hỗ trợ các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công với cách mạng và chi công tác mộ liệt sĩ, nghĩa trang liệt sĩ);

+ Mức chi thù lao cho người trực tiếp chi trả trợ cấp hoặc mức chi phí chi trả cho tổ chức dịch vụ chi trả: 0,5% trên tổng số tiền chi trả chế độ trợ cấp, phụ cấp cho người thụ hưởng.

- Nguồn kinh phí thực hiện (Điều 3)

- Tổ chức thực hiện (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

**29. Nghị quyết số 40/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 30 tháng 6 năm 2026.

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Căn cứ pháp lý**

Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2019 sửa đổi, bổ sung một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên

trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố, Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và các văn bản pháp luật liên quan, Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 5 năm 2020 quy định trợ cấp theo trình độ chuyên môn, nghiệp vụ đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã; hỗ trợ nghỉ việc đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Nghị quyết số 10/2020/NQHĐND ngày 11 tháng 12 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị quyết số 03/2020/NQ-HĐND ngày 08 tháng 5 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng quy định về chức danh, số lượng, chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khóm; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; mức bồi dưỡng đối với người trực tiếp tham gia công việc của ấp, khóm trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng, Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐND ngày 17 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc quy định về chức danh, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ấp, khóm; mức khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội cấp xã; mức hỗ trợ hàng tháng đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khóm; Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Nghị quyết số 13/2023/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2023 quy định chức danh, mức phụ cấp cho người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ở ấp, khu vực và mức hỗ trợ đối với người trực tiếp tham gia hoạt động ở ấp, khu vực trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Hội đồng nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Nghị quyết số 14/2023/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 về việc quy định chức danh, mức phụ cấp, chế độ chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn, ấp, khu vực và khoán kinh phí hoạt động các tổ chức chính trị xã hội ở xã, phường, thị trấn. Các Nghị quyết này được triển khai, áp dụng đồng bộ thời gian qua;

Đến ngày 12 tháng 6 năm 2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, theo đó tại khoản 19 Điều 1 quy định “19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...”; đồng thời, tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới”;

Khoản 2 Điều 15, điểm b khoản 2 Điều 18 Nghị định số 185/2026/NĐCP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố quy định:

*“Điều 15. Khoản quỹ phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố*

*2. Căn cứ vào quỹ phụ cấp được ngân sách nhà nước khoán cho mỗi thôn, tổ dân phố quy định tại khoản 1 Điều này; khả năng cân đối của ngân sách địa phương; quy định của pháp luật có liên quan và đặc thù của các thôn, tổ dân phố trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quy định cụ thể những nội dung sau:*

*a) Mức phụ cấp của từng chức danh người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố;*

*b) Việc kiêm nhiệm chức danh và mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách, mức phụ cấp kiêm nhiệm chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố;*

*c) Số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với các chức danh tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố.”*

*“Điều 18. Trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*

*2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh*

*b) Quyết định theo thẩm quyền hoặc trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định các nội dung liên quan đến tổ chức, hoạt động của thôn, tổ dân phố và chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố, người tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố theo quy định của Nghị định này”;*

*d) Tại điểm a khoản 1 Điều 21 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Luật số 87/2025/QH15 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết đề quy định “a) Chi tiết điều, khoản, điểm và các nội dung khác được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên”.*

### **+ Cơ sở thực tiễn**

Triển khai thực hiện Kết luận số 34-KL/TW ngày 18 tháng 5 năm 2026 của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 21/CT-TTg ngày 20 tháng 5 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố. Theo đó, Trung ương yêu cầu các tỉnh, thành phố khẩn trương triển khai công tác sắp xếp, tổ lại các thôn, tổ dân phố trên địa bàn đảm bảo thực hiện thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trong cả nước, phù hợp với yêu cầu quản lý trong tình

hình mới; các địa phương phải hoàn thành việc sắp xếp các thôn, tổ dân phố và sắp xếp, bố trí, thực hiện các chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách theo quy định trước ngày 30 tháng 6 năm 2026. Việc bố trí, sử dụng người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố phải bảo đảm công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định gắn với quá trình triển khai thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố ở địa phương; thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, bảo đảm ổn định tư tưởng và quyền lợi của người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức.

Trên cơ sở thực hiện các quy định của Trung ương, thành phố đã khẩn trương triển khai công tác sắp xếp ấp, khu vực trên địa bàn theo Nghị định số 185/2026/NĐ-CP; đồng thời, rà soát các quy định ban hành của địa phương về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực thuộc các xã, phường của thành phố. Qua rà soát cho thấy, các quy định của Hội đồng nhân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang (cũ) đã được ban hành trước thời điểm sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh vào ngày 01 tháng 7 năm 2025 đang còn hiệu lực thi hành và áp dụng tại các xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ hiện nay đã không còn phù hợp với Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ, do căn cứ pháp lý để ban hành các Nghị quyết nêu trên theo quy định Nghị định số 33/2023/NĐ-CP của Chính phủ đã được bãi bỏ tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 185/2026/NĐ-CP;

Từ thực tiễn rà soát các quy định về mức khoán phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở mỗi ấp, khu vực của thành phố hiện còn đang thấp hơn trung bình khoảng 02 lần mức lương cơ sở so với mức khoán theo quy định Nghị định số 185/2026/NĐ-CP của Chính phủ. Vì vậy, Ủy ban nhân dân thành phố xét thấy việc trình Hội đồng nhân dân thành phố ban hành Nghị quyết quy định chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực trên địa bàn thành phố là hết sức cần thiết và cấp bách, nhằm kịp thời thay thế, điều chỉnh, sửa đổi ngay các quy định của thành phố đảm bảo thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách, ổn định tư tưởng và quyền lợi của người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực trong quá trình sắp xếp, kiện toàn tổ chức; phù hợp với quy định tại Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ, lộ trình thực hiện sắp xếp thôn, tổ dân phố và bố trí, sử dụng, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở thôn, tổ dân phố theo Kết luận số 34- KL/TW của Bộ Chính trị và Chỉ thị số 21/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

#### **- Mục đích ban hành**

Nghị quyết được xây dựng nhằm kịp thời điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung các quy định về chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực và người tham gia hoạt động ở ấp khu vực trên địa bàn thành phố nhằm đảm bảo phù hợp với quy định Nghị định số 185/2026/NĐ-CP ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Chính phủ.

### **c) Nội dung chủ yếu:**

Nghị quyết số 40/2026/NQ-HĐND ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách và số lượng, chức danh người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực; số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Đối tượng áp dụng: Những người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực; người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Mức phụ cấp, phụ cấp kiêm nhiệm chức danh đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực (Điều 2)

+ Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp có từ 700 hộ gia đình trở lên; khu vực có từ 1.000 hộ gia đình trở lên; ấp, khu vực thuộc đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm về quốc phòng theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền; ấp đặc biệt khó khăn như sau:

Bí thư chi bộ ấp, khu vực được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2,7 nhân với mức lương cơ sở.

Trưởng ấp, khu vực được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2,7 nhân với mức lương cơ sở.

Trưởng Ban Công tác Mặt trận ấp, khu vực được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2,6 nhân với mức lương cơ sở.

+ Mức phụ cấp đối với người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này như sau:

Bí thư chi bộ ấp, khu vực được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2,2 nhân với mức lương cơ sở.

Trưởng ấp, khu vực được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2,2 nhân với mức lương cơ sở.

Trưởng Ban Công tác Mặt trận ấp, khu vực được hưởng mức phụ cấp hàng tháng bằng 2,1 nhân với mức lương cơ sở.

+ Người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực nếu kiêm nhiệm thêm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực hoặc kiêm nhiệm chức danh người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực thì kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng mức phụ cấp, mức hỗ trợ kiêm nhiệm bằng 100% mức phụ cấp, mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm.

Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất. Phụ cấp kiêm nhiệm chức danh người hoạt động không chuyên trách ở ấp, khu vực không dùng để tính đóng, hưởng chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế.

- Số lượng, chức danh và mức hỗ trợ đối với người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực (Điều 3)

+ Đối với ấp có từ 700 hộ gia đình trở lên; khu vực có từ 1.000 hộ gia đình trở lên được bố trí không quá 02 (hai) Phó Trưởng ấp, khu vực và được hưởng mức hỗ trợ bằng 1,3 nhân với mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Đối với ấp, khu vực không thuộc quy định tại khoản 1 Điều này được bố trí 01 (một) Phó Trưởng ấp, khu vực và được hưởng mức hỗ trợ bằng 1,3 nhân với mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Người đứng đầu các tổ chức thuộc các hội (Hội Nông dân, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Hội Cựu chiến binh, Hội Người cao tuổi, Hội Chữ thập đỏ) ở ấp, khu vực được hưởng mức hỗ trợ như sau:

Đối với ấp có từ 700 hộ gia đình trở lên, khu vực có từ 1.000 hộ gia đình trở lên được hưởng mức hỗ trợ bằng 0,7 nhân với mức lương cơ sở/người/tháng; Đối với ấp, khu vực không thuộc quy định tại điểm a khoản này được hưởng mức hỗ trợ bằng 0,5 nhân với mức lương cơ sở/người/tháng.

+ Người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực nếu kiêm nhiệm thêm chức danh người tham gia hoạt động ở ấp, khu vực thì kể từ ngày cấp có thẩm quyền quyết định việc kiêm nhiệm được hưởng mức hỗ trợ kiêm nhiệm bằng 100% mức mức hỗ trợ của chức danh kiêm nhiệm.

Trường hợp kiêm nhiệm nhiều chức danh chỉ được hưởng một mức phụ cấp kiêm nhiệm cao nhất.

- Tổ chức thực hiện (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5).

**30. Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giá số 16/2023/QH15;

Căn cứ Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Công văn số 1658/UBND -XDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc xây dựng các Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố trong lĩnh vực xây dựng theo trình tự, thủ tục rút gọn;

Căn cứ Báo cáo số 247/BC-STP ngày 17 tháng 4 năm 2026 của Sở Tư pháp về việc thẩm định dự thảo Quyết định ban hành Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị, trong đó có việc quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Cần Thơ (thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị và nông thôn), Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định của pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương.

Căn cứ Điều 21 Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng, quy định:

*“1. Kế hoạch từng bước đầu tư xây dựng mới, cải tạo, nâng cấp công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật thực hiện theo phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.*

*2. Chủ sở hữu công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung được quy định tại khoản 1 Điều 10 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã theo phân cấp quản lý.”*

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP ngày 24 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ về quản lý và sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật. Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 72/2012/NĐ-CP quy định trách nhiệm của

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh như sau: “2. Ban hành các văn bản quy định chi tiết về quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn theo thẩm quyền.”.

Trước đây Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ (cũ) được xây dựng và ban hành chưa có quy định về việc xây dựng, quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung với đường bộ theo Luật Đường bộ số 23/2008/QH12, hiện nay nội dung trên đã được đưa vào Luật Đường bộ số 35/2024/QH15. Do đó, phạm vi điều chỉnh cần phải cập nhật vào văn bản quy phạm pháp luật mới để thay thế Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ”. Do đó, hiện nay trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới đang tồn tại 01 (một) Quyết định ban hành Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên phạm vi hành chính của thành phố Cần Thơ cũ số 32/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ.

Bên cạnh đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang và Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng chưa ban hành Quyết định về việc phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn của 02 tỉnh, điều này tạo ra sự thiếu đồng bộ, cản trở quá trình quản lý hành chính hiệu quả và gây khó khăn cho chính quyền địa phương, các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung.

Vì vậy, việc ban hành một quyết định mới, thống nhất là rất cần thiết. Quyết định này sẽ thay thế quyết định cũ, tạo ra một khuôn khổ pháp lý duy nhất cho toàn thành phố, phục vụ tốt hơn trong công tác quản lý nhà nước về việc quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới.

Từ căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, đồng thời, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với lĩnh vực quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật, Sở Xây dựng kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét ban hành Quyết định Ban hành Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Cần Thơ để thay thế Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 19 tháng 10 năm 2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật.

#### **- Mục đích ban hành**

Việc ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm

thiết lập một hệ thống pháp lý duy nhất, đồng bộ và tập trung cho thành phố Cần Thơ, thay thế cho các quyết định trước đây của thành phố Cần Thơ cũ.

**c) Nội dung chủ yếu:**

Quyết định số 58/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 điều, cụ thể:

- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, phân cấp quản lý sử dụng chung công trình hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Điều 1)

- Hiệu lực thi hành (Điều 2)

- Tổ chức thực hiện (Điều 3).

**31. Quyết định số 59/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế phối hợp thực hiện trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2026

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Thực hiện quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất và các văn bản pháp luật liên quan, Ủy ban nhân dân thành phố Hậu Giang (cũ) ban hành Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025 về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang. Các Quyết định này được triển khai thực hiện thống nhất trong thời gian qua.

Tại Khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh quy định “19. Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...”. Tại điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản

*quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”.*

Đồng thời, tại điểm a khoản 4 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 quy định “4. Ban hành văn bản quy phạm pháp luật thay thế văn bản quy phạm pháp luật hiện hành thuộc một trong các trường hợp sau đây: a) Thay đổi cơ bản chính sách, phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng;”.

Từ những cơ sở nêu trên, Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự thảo Quyết định ban hành Quy chế phối hợp thực hiện trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ trình Ủy ban nhân dân thành phố là cần thiết và có cơ sở pháp lý.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng Quyết định ban hành Quy chế phối hợp thực hiện trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ trên cơ sở rà soát, kế thừa các nội dung phù hợp và sửa đổi, bổ sung các nội dung chưa phù hợp trong quá trình triển khai thực hiện Quyết định số 33/2025/QĐ-UBND, ngày 27 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Bên cạnh đó, để thực hiện đồng bộ với quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai tại Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 và Nghị định số 226/2025/NĐ-CP ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ thì việc ban hành Quy chế phối hợp thực hiện trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ là có căn cứ thực tiễn.

#### **- Mục đích ban hành**

Việc ban hành Quyết định Quy chế phối hợp thực hiện trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm giải quyết các vấn đề do thực tiễn đặt ra trong quá trình sắp xếp đơn vị hành chính thành phố Cần Thơ và xây dựng mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, thực hiện đồng bộ với quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai, trong đó liên quan đến việc phối hợp thực hiện trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Luật Đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đồng thời, thực hiện Công văn số 470/UBND-KT ngày 06/8/2025 của Chủ tịch UBND thành phố Cần Thơ phân công xây dựng văn bản quy phạm pháp

luật thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố, thời gian trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành trong Quý III năm 2025.

**c) Nội dung chủ yếu:**

Quyết định số 59/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy chế phối hợp thực hiện trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 điều, cụ thể:

- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện trong công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Điều 1)
- Hiệu lực thi hành (Điều 2)
- Tổ chức thực hiện (Điều 3).

**32. Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2026

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng (sau đây gọi tắt là Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND) được xây dựng căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 47/2019/QH14; Nghị định số 40/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo; Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển. Tại nội dung quy định kèm theo Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND có quy định trách nhiệm của các sở, ngành (Điều 7), trách nhiệm của UBND cấp huyện có biển (Điều 8) và trách nhiệm của UBND cấp xã có biển (Điều 9) nay không còn đáp ứng yêu cầu thực tiễn trong bối cảnh tổ chức bộ máy chính quyền hai cấp và việc sắp xếp lại các sở, ngành cấp tỉnh. Ngoài ra, một số căn cứ pháp lý để xây dựng Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 44/2026/NĐ-CP, Nghị định số 65/2025/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2016/NĐ-CP, Thông tư số 15/2025/TT-BTNMT sửa đổi, bổ sung Thông tư số 29/2016/TT-BTNMT. Vì vậy, cần thiết phải thay thế Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND để đồng bộ và phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

### **+ Cơ sở thực tiễn**

Thực hiện Điều 79, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo, nhằm bảo vệ hệ sinh thái, cảnh quan tự nhiên vùng bờ, giảm thiểu sạt lở bờ biển, ứng phó biến đổi khí hậu, nước biển dâng, đảm bảo quyền tiếp cận của người dân với biển, Sở Tài nguyên và Môi trường (nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tham mưu UBND tỉnh Sóc Trăng đã ban hành Quyết định số 2591/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 về phê duyệt danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 2592/QĐ-UBND ngày 09/9/2019 về phê duyệt ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng. Theo đó, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã thực hiện dự án: “Cắm mốc hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng”, kết quả đã tiến hành cắm 180 mốc giới trên địa bàn tỉnh.

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh; Nghị quyết số 1668/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Cần Thơ năm 2025. Hiện nay, sau khi sắp xếp, thành phố Cần Thơ có 103 đơn vị hành chính cấp xã (trong đó có 06 xã, phường ven biển, trước khi sáp nhập có 11 xã, phường, thị trấn ven biển). Việc phân cấp trong quản lý hành lang bảo vệ bờ biển đã thay đổi theo Nghị định số 44/2026/NĐ-CP của Chính phủ và ghi chú trên mặt mốc ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển đã thay đổi so với trước đây theo quy định tại Điều 7 Thông tư số 15/2025/TT-BNNMT, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã trình Ủy ban nhân dân thành phố Ban hành Quyết định số 931/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ phê duyệt Danh mục các khu vực phải thiết lập hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ, Quyết định số 930/QĐ-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ duyệt Ranh giới hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

Căn cứ khoản 4, Điều 23, Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo số 82/2015/QH13 quy định: *“Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có biển căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương và quy định tại Điều này có trách nhiệm tổ chức thiết lập, công bố và quản lý hành lang bảo vệ bờ biển thuộc phạm vi quản lý”*.

Căn cứ điểm b, khoản 1, Điều 43, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP quy định Ủy ban nhân dân tỉnh có biển có trách nhiệm: *“Ban hành quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn; phổ biến, giáo dục pháp luật về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển”*.

Từ các cơ sở nêu trên, việc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND là rất cần thiết và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

### **- Mục đích ban hành**

Ban hành Quyết định thay thế Quyết định số 11/2024/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng cho phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

**c) Nội dung chủ yếu:**

Quyết định số 60/2026/QĐ-UBND ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 điều, cụ thể:

- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý, bảo vệ hành lang bảo vệ bờ biển trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Điều 1)

- Hiệu lực thi hành (Điều 2)

- Trách nhiệm thi hành (Điều 3).

**33. Quyết định số 61/2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2026

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- **Sự cần thiết ban hành:**

+ **Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai số 33/2013/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 60/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 66/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 7 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai; Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai.

Căn cứ Điều 17 Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai (được sửa, bổ sung tại khoản 10 Điều 1 Nghị định số 63/2025/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 8 năm 2021 của Chính phủ về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai) quy định:

*“Điều 17. Thẩm quyền chi*

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ cấp tỉnh tại Điều 16 Nghị định này theo đề nghị của cơ quan quản lý Quỹ cấp tỉnh.

2. Đối với các nội dung chi và mức chi thực hiện nhiệm vụ phòng, chống thiên tai ngoài các nội dung chi tại khoản 1 Điều 16 Nghị định này, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động Quỹ cấp tỉnh.

3. ...”

Căn cứ Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Căn cứ Nghị định số 53/2026/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai.

Căn cứ Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai.

Căn cứ Quyết định số 1869/QĐ-UBND ngày 15 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc thành lập Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ.

Căn cứ Quyết định số 32/QĐ-UBND ngày 08 tháng 01 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ Phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ.

Sau khi sáp nhập 03 tỉnh, thành phố; Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 932/QĐ-UBND ngày 22 tháng 8 năm 2025 về ban hành Danh mục văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang ban hành trước sắp xếp đơn vị hành chính được lựa chọn tiếp tục áp dụng, trong đó Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Sóc Trăng được chọn tiếp tục áp dụng trên địa bàn thành phố Cần Thơ (mới).

Tuy nhiên, các căn cứ ban hành để xây Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Sóc Trăng đã hết hiệu lực, cụ thể: Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020; Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31

tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, đã hết hiệu lực.

Hiện nay, thực hiện theo Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025; Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Thông tư 19/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về Nông nghiệp và Môi trường thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; Thông tư số 18/2025/TT-BNNMT ngày 19 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định chi tiết về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực đề điều và phòng, chống thiên tai.

Do đó, nội dung của Quyết định số 24/2022/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định chi tiết nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Sóc Trăng đã không còn phù hợp theo quy định pháp luật hiện hành.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Về địa giới hành chính

Căn cứ khoản 19 Điều 1 Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, quy định: “19. *Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ...*”.

Đồng thời, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 54 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định: “b) Trường hợp nhiều đơn vị hành chính được nhập thành một đơn vị hành chính mới cùng cấp thì văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập tiếp tục có hiệu lực trong phạm vi đơn vị hành chính đó cho đến khi Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính mới ban hành văn bản hành chính để quyết định việc áp dụng hoặc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban

nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân của đơn vị hành chính được nhập hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật mới;”.

**Khó khăn trong quản lý nhà nước chuyên ngành**

Thực hiện quản lý theo chính quyền 02 cấp (cấp tỉnh và cấp xã), hiện nay cơ quan chuyên môn cấp thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã đang lúng túng trong công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực phòng, chống thiên tai. Lý do: các quy định về phân bổ sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai trước đây được thực hiện cấp thành phố, cấp huyện và cấp xã. Hiện nay, với việc bỏ cấp huyện và sáp nhập xã và tỉnh thì việc quy định phân bổ sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai cần có quy định thay thế cho phù hợp với hướng dẫn của trung ương và các văn bản quy định liên quan.

Như vậy, thực tiễn sau sáp nhập thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng thành thành phố Cần Thơ (mới) và quy định hướng dẫn về chính quyền 02 cấp. Để việc quản lý nhà nước được thống nhất sau khi sắp xếp chính quyền địa phương hai cấp thì việc ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ là cấp thiết.

#### **- Mục đích ban hành**

Việc ban hành Quyết định ban hành Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất để quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn thành phố hiệu quả, công khai, minh bạch; kịp thời hỗ trợ các hoạt động phòng, chống thiên tai mà ngân sách nhà nước chưa đầu tư hoặc chưa đáp ứng yêu cầu.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Quyết định số 61/2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ, gồm 03 điều, cụ thể:

- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định nội dung chi và mức chi của Quỹ phòng, chống thiên tai thành phố Cần Thơ (Điều 1)
- Hiệu lực thi hành (Điều 2)
- Trách nhiệm thi hành (Điều 3).

**34. Quyết định số 62/2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 02 tháng 6 năm 2026

#### **b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

### **+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 5 Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định:

*“Điều 5. Căn cứ tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất; thời điểm xác định giá đất của quỹ đất thanh toán dự án BT*

#### *1. Căn cứ tính tiền sử dụng đất bao gồm:*

*a) Diện tích đất được giao, được chuyển mục đích sử dụng, được công nhận quyền sử dụng đất;*

*b) Giá đất theo bảng giá đất, hệ số điều chỉnh giá đất; trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì giá đất là giá trúng đấu giá;*

*c) Chính sách miễn, giảm tiền sử dụng đất của Nhà nước;*

*d) Chi phí xây dựng hạ tầng được xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng;*

*đ) Tỷ lệ tính thu tiền sử dụng đất đối với từng loại đất theo đối tượng, hình thức sử dụng đất.*

#### *2. Căn cứ tính tiền cho thuê đất bao gồm:*

*a) Diện tích đất cho thuê;*

*b) Thời hạn cho thuê đất, thời hạn gia hạn sử dụng đất;*

*c) Đơn giá thuê đất; trường hợp đấu giá quyền sử dụng đất thì giá thuê đất là giá trúng đấu giá;*

*d) Hình thức Nhà nước cho thuê đất thu tiền thuê đất hằng năm hoặc cho thuê đất thu tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê;*

*đ) Chính sách miễn, giảm tiền thuê đất của Nhà nước;*

*e) Chi phí xây dựng hạ tầng được xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng.*

#### *3. Căn cứ tính tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất bao gồm:*

*a) Diện tích đất thu hồi;*

*b) Thời hạn sử dụng đất;*

*c) Giá đất theo bảng giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất;*

*d) Mục đích, hình thức sử dụng đất.”.*

Căn cứ Điều 8 Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai quy định:

*“1. Hệ số điều chỉnh giá đất là tỷ lệ tăng, giảm giá đất của các loại đất tương ứng với khu vực, vị trí đã quy định trong bảng giá đất.*

*2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định ban hành hệ số điều chỉnh giá đất áp dụng từ ngày 01 tháng 01 hằng năm; trường hợp cần thiết, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất trong năm hoặc cho từng khu vực, vị trí để áp dụng.*

*3. Chính phủ quy định chi tiết Điều này.”.*

Căn cứ khoản 1 Điều 8 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai quy định:

*“1. Hệ số điều chỉnh giá đất bao gồm hệ số điều chỉnh mức biến động thị trường, hệ số điều chỉnh theo quy hoạch và hệ số điều chỉnh theo yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất. Hệ số điều chỉnh giá đất được phân chia thành các mức khác nhau.”.*

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 8 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định:

*“b) Trường hợp tại thời điểm giao đất, cho thuê đất mà giá đất và hệ số điều chỉnh giá đất chưa phù hợp với tình hình thực tế thì cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chỉnh hệ số điều chỉnh giá đất cho phù hợp.”.*Căn cứ khoản 4 Điều 8 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định:

*“4. Hệ số điều chỉnh theo quy hoạch được xác định theo từng loại đất và theo hệ số sử dụng đất. Hệ số sử dụng đất được xác định theo quy định của pháp luật về xây dựng.*

*Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan quản lý quy hoạch, kiến trúc, xây dựng, cơ quan tài chính cấp tỉnh tổ chức thực hiện các nội dung sau:*

*a) Phân chia hệ số sử dụng đất theo các mức khác nhau;*

*b) Thu thập thông tin quy hoạch xây dựng chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng của các dự án đầu tư xây dựng, giá đất mà cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt của các dự án;*

*c) Tổng hợp, phân loại thông tin theo các mức hệ số sử dụng đất; căn cứ giá đất mà cơ quan có thẩm quyền đã phê duyệt của các dự án, đề xuất hệ số điều chỉnh theo quy hoạch đối với từng mức hệ số sử dụng đất. Trường hợp thông tin về giá đất tại điểm b khoản này mà chưa đủ để xác định hệ số điều chỉnh theo quy hoạch thì căn cứ vào thông tin thu thập theo trình tự quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và áp dụng các phương pháp định giá đất để đề xuất hệ số điều chỉnh theo quy hoạch;*

d) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.”.

Căn cứ khoản 5 Điều 8 Nghị định số 49/2026/NĐ-CP quy định:

*“5. Hệ số điều chỉnh theo yếu tố khác ảnh hưởng đến giá đất phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương. Căn cứ tình hình cụ thể tại địa phương, cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan xác định các yếu tố khác có ảnh hưởng đến giá đất, xác định mức độ ảnh hưởng đến giá đất trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.”.*

Do đó, để đảm bảo căn cứ tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo đúng quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 254/2025/QH15, việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ là có căn cứ pháp lý và đúng thẩm quyền theo quy định pháp luật.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Căn cứ khoản 4 và khoản 5 Điều 7 Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định:

*“4. Đối với các trường hợp áp dụng giá đất cụ thể quy định tại Điều 160 của Luật Đất đai nhưng đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành, cơ quan, người có thẩm quyền chưa ban hành quyết định về giá đất cụ thể thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc áp dụng xác định giá đất theo quy định của Nghị quyết này hoặc tiếp tục xác định giá đất cụ thể theo quy định của Luật Đất đai.*

*Trường hợp quyết định việc áp dụng xác định giá đất theo quy định của Nghị quyết này thì thời điểm tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất là thời điểm cơ quan, người có thẩm quyền ban hành đầy đủ căn cứ để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo quy định của Nghị quyết này.*

*5. Cơ quan, người có thẩm quyền phải ban hành đầy đủ căn cứ để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền bồi thường về đất theo quy định của Nghị quyết này chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2026; trong thời gian chưa đủ các căn cứ để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền bồi thường về đất quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 5 của Nghị quyết này thì việc tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền bồi thường về đất thực hiện theo quy định của Luật Đất đai.”.*

Xuất phát thực tiễn cần thiết để ban hành hệ số điều chỉnh giá đất làm căn cứ để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định của Nghị quyết này chậm nhất đến ngày 01 tháng 7 năm 2026. Do đó, việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ là có cơ sở thực tiễn.

#### **- Mục đích ban hành**

Nhằm triển khai thực hiện quy định của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách

tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai. Đồng thời, việc Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cơ sở, căn cứ để tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, tiền bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định các trường hợp tại Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị quyết số 254/2025/QH15 ngày 11 tháng 12 năm 2025 của Quốc hội quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

**c) Nội dung chủ yếu:**

Quyết định số 62/2026/QĐ-UBND ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 06 điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)

Quyết định này quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2026 trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 254/2025/QH15 quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật Đất đai.

- Đối tượng áp dụng (Điều 2)

+ Cơ quan có chức năng quản lý đất đai; cơ quan có chức năng xây dựng, sửa đổi, bổ sung hệ số điều chỉnh giá đất; cơ quan có chức năng thẩm định hệ số điều chỉnh giá đất.

+ Tổ chức tư vấn xác định giá đất, cá nhân hành nghề tư vấn xác định giá đất.

+ Người sử dụng đất, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

- Hệ số điều chỉnh giá đất (Điều 3)

Hệ số điều chỉnh giá đất đối với các loại đất, vị trí đất được ban hành và quy định tại Nghị quyết số 41/2025/NQ-HĐND quy định bảng giá đất trên địa bàn thành phố Cần Thơ

- Quy định chuyển tiếp về hệ số điều chỉnh giá đất (Điều 4)

- Hiệu lực thi hành (Điều 5)

- Tổ chức thực hiện (Điều 6).

**35. Quyết định số 63/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định thêm vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2026

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực các dân tộc thiểu số giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22 tháng 8 năm 2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục số 123/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú, quy định: “4. Trường hợp học sinh thuộc đối tượng tuyển sinh quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều này nhỏ hơn quy mô của trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thể quy định thêm vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm đối tượng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tại vùng này tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh”.

**+ Cơ sở thực tiễn**

Ngày 23 tháng 2 năm 2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú.

Công văn số 1274/UBND-VX ngày 25 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc chấp thuận vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc thiểu số để xét tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú năm học 2023 - 2024 trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Hiện nay, đối tượng tuyển sinh vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn thành phố nhỏ hơn quy mô của trường phổ thông dân tộc nội trú theo quy định khoản 1, 2, 3 Điều 9 Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT, chưa đáp ứng đủ chỉ tiêu tuyển sinh được Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, cụ thể: thành phố hiện có 13 trường phổ thông dân tộc nội trú, trong đó có 08 trường cấp trung học cơ sở, 02 trường cấp trung học phổ thông, 03 trường có cấp trung học cơ sở và trung học phổ thông. Chỉ tiêu tuyển sinh vào lớp 10 các trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học phổ thông là 1.050 học sinh (05 trường, mỗi trường 03 lớp 10 với 35 học sinh/lớp; tuyển sinh vào lớp 06 các trường phổ thông dân tộc nội trú có cấp trung học cơ sở là 770 học sinh (11 trường, mỗi trường 02 lớp 6 với 35 học sinh/lớp). Tuy nhiên, tỷ lệ tuyển sinh chưa đạt: tuyển sinh vào lớp 10: 900 học sinh/1.050, đạt 85,6%; tuyển sinh vào lớp 6: 690/770, đạt 89,6%. Điều kiện cơ sở vật chất, phòng học, khu nội trú học sinh hiện có của các trường phổ thông dân tộc nội trú đảm bảo cho việc tuyển sinh thêm học sinh dân tộc thiểu số ở các vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc. Vì vậy, cần quy định thêm vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào các trường phổ thông dân tộc nội trú, quy định này là cơ sở để học sinh là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tại vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực, có cơ hội được vào học các trường phổ thông dân tộc nội trú, đảm bảo cơ hội học tập và tạo thêm nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc.

Từ những cơ sở nêu trên, việc ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân thành phố quy định thêm vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm đối tượng vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết.

#### **- Mục đích ban hành**

Ban hành Quyết định nhằm quy định chi tiết khoản 4 Điều 9 Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 02 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú; quy định thêm vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm đối tượng là người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tại vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực được vào học các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Quyết định số 63/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố quy định thêm vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 điều, cụ thể:

#### **- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)**

+ Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định thêm vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

+ Đối tượng áp dụng

Người dân tộc thiểu số thuộc hộ nghèo, cận nghèo mà bản thân và cha hoặc mẹ hoặc người giám hộ thường trú từ 36 tháng liên tục trở lên tại vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào các trường phổ thông dân tộc nội trú quy định tại Điều 2 Quyết định này, tính đến ngày nộp hồ sơ tuyển sinh;

Các trường phổ thông dân tộc nội trú;

Các tổ chức, cơ quan, đơn vị, địa phương và cá nhân có liên quan

- Vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào các trường phổ thông dân tộc nội trú (Điều 2)

Vùng tạo nguồn đào tạo nhân lực cho các dân tộc để tuyển sinh thêm vào trường phổ thông dân tộc nội trú, gồm: các xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ chưa thuộc vùng quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú ban hành kèm theo Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Hiệu lực và trách nhiệm thi hành (Điều 3).

**36. Quyết định số 64/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền cho Sở Nội vụ thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm đối với doanh nghiệp có trụ sở chính hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 6 năm 2026

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Căn cứ khoản 1, khoản 2, Điều 13 Nghị định số 352/2025/NĐ-CP ngày 30/12/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về dịch vụ việc làm, quy định:

*“1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm đối với doanh nghiệp có trụ sở chính hoạt động dịch vụ việc làm tại địa phương.*

*2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc phân cấp hoặc ủy quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15.”*

Căn cứ Điểm c, khoản 17, Điều 2 Quyết định số 02/2025/QĐ-UBND, Sở Nội vụ có nhiệm vụ, quyền hạn “*Hướng dẫn và tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về dịch vụ việc làm tại địa phương*”.

Ngoài ra, thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ trong việc đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp để tạo sự chủ động, tự chịu trách nhiệm cho cơ quan, đơn vị, địa phương, tăng cường, vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong quản lý, sử dụng công chức.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm là thủ tục hành chính có quy định thời hạn giải quyết tương đối ngắn (05 ngày làm việc), sau khi tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình chính quyền địa phương hai cấp hiện nay, số lượng công việc hiện nay ở UBND thành phố rất nhiều, nếu không thực hiện phân cấp cơ quan chuyên môn (Sở Nội vụ) có thể phát sinh trường hợp không kịp xử lý.

Với những cơ sở nêu trên, Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho Sở Nội vụ thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm đối với doanh nghiệp có trụ sở chính hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết và đúng quy định pháp luật. Việc phân cấp các nhiệm vụ nêu trên nhằm đảm bảo giải quyết thủ tục hành chính được kịp thời, đúng quy định; phát huy vai trò của cơ quan chuyên môn trong công tác tham mưu, quản lý nhà nước về lĩnh vực lao động - việc làm; đồng thời đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính, đảm bảo thực hiện tốt công tác tham mưu nhà nước về việc làm của Sở Nội vụ.

#### **- Mục đích ban hành**

+ Quy định của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp việc cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm đối với doanh nghiệp có trụ sở chính hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn thành phố quy định rõ thẩm quyền quản lý nhà nước về hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn thành phố, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình quản lý, đồng thời nâng cao vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc quản lý hoạt động dịch vụ việc làm.

+ Tăng cường thực hiện có hiệu quả công tác tiếp nhận và giải quyết các thủ tục hành chính liên quan đến doanh nghiệp.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Quyết định số 64/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền cho Sở Nội vụ thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm đối với doanh nghiệp có trụ sở chính hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

#### **- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

Quyết định này phân cấp thẩm quyền cho Sở Nội vụ thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm đối với doanh nghiệp có trụ sở chính hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn thành phố Cần Thơ

- Đối tượng áp dụng (Điều 2)

+ Sở Nội vụ

+ Doanh nghiệp có trụ sở chính hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn thành phố Cần Thơ

+ Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn thành phố Cần Thơ

- Nội dung phân cấp (Điều 3)

Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp thẩm quyền cho Sở Nội vụ thực hiện cấp, cấp lại, gia hạn, thu hồi Giấy phép hoạt động dịch vụ việc làm đối với doanh nghiệp có trụ sở chính hoạt động dịch vụ việc làm trên địa bàn thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 1 Điều 13 Nghị định số 352/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Việc làm về dịch vụ việc làm

- Hiệu lực thi hành (Điều 4)

- Trách nhiệm thi hành (Điều 5).

**37. Quyết định số 65/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2026

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- Sự cần thiết ban hành:

+ Cơ sở chính trị, pháp lý

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14;

Căn cứ Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải; Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 15/2021/TT-BXD ngày 15 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về công trình hạ tầng kỹ thuật thu gom, thoát nước thải đô thị, khu dân cư tập trung.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trong công tác quản lý nhà nước lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật đô thị (trong đó có lĩnh vực thoát nước), Sở Xây dựng có trách nhiệm tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố phân công trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn và phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

Căn cứ Điều 7 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải, quy định:

*“Điều 7. Quy định về quản lý hoạt động thoát nước địa phương*

*1. Quy định quản lý hoạt động thoát nước địa phương phải tuân thủ các quy định hiện hành về quản lý thoát nước và xử lý nước thải đồng thời phải phù hợp với điều kiện cụ thể của mỗi địa phương.*

*2. Nội dung cơ bản của quy định quản lý hoạt động thoát nước địa phương bao gồm:*

*a) Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng;*

*b) Hệ thống thoát nước của địa phương;*

*c) Xác định chủ sở hữu;*

*d) Quy định về tiêu chuẩn dịch vụ, quy định về đầu nối và miễn trừ đầu nối; trách nhiệm và quyền của chủ đầu tư, của hộ thoát nước; nghĩa vụ tài chính liên quan đến công tác đầu nối, các chính sách hỗ trợ của địa phương về đầu tư xây dựng, quản lý vận hành hệ thống thoát nước;*

*đ) Quy định về điều kiện và quy chuẩn kỹ thuật về xả nước thải áp dụng;*

*e) Quy định về quản lý bùn thải của hệ thống thoát nước; bùn thải từ bể tự hoại;*

*g) Quy định về xử lý nước thải tập trung, phi tập trung;*

*h) Quy định về đầu tư, xây dựng, quản lý, vận hành hệ thống thoát nước;*

*i) Quy định về hợp đồng quản lý, vận hành;*

*k) Quy định về trách nhiệm lập, quản lý, khai thác và sử dụng cơ sở dữ liệu của hệ thống thoát nước trên địa bàn;*

*l) Quy định trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động thoát nước, các dự án đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước và xử lý nước thải;*

*m) Quy định về trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan.*

*3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và phê duyệt quy định quản lý hoạt động thoát nước địa phương.”*

Thời gian qua, trên địa bàn thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng, tỉnh Hậu Giang đã ban hành quy định tại Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng.

Các Quyết định trên được ban hành về cơ bản đã đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước; yêu cầu phân công trách nhiệm cho các cơ quan chuyên môn và phân cấp quản lý cho Ủy ban nhân dân các cấp; quy định cụ thể về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ và tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang, làm cơ sở triển khai thực hiện quản lý cấp nước trên địa bàn các tỉnh, thành phố thời gian vừa qua.

Thực hiện Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh: “Sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên, quy mô dân số của thành phố Cần Thơ, tỉnh Sóc Trăng và tỉnh Hậu Giang thành thành phố mới có tên gọi là thành phố Cần Thơ”. Do đó, hiện nay trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới đang tồn tại ba quyết định khác nhau liên quan đến việc quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải. Điều này dẫn đến thiếu tính thống nhất, đồng bộ trong tổ chức thực hiện, gây khó khăn cho công tác quản lý hành chính và cho các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động thoát nước và xử lý nước thải.

Vì vậy, việc ban hành một Quyết định mới, thống nhất áp dụng trên toàn địa bàn thành phố Cần Thơ là hết sức cần thiết. Quyết định này sẽ thay thế các văn bản cũ, tạo ra khuôn khổ pháp lý thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải trong bối cảnh hành chính mới.

Từ căn cứ chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, đồng thời, nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động thoát nước và xử lý nước thải, Sở Xây dựng kính trình Ủy ban nhân dân thành phố xem xét ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ thay thế Quyết định số 03/2017/QĐ-UBND

ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; Quyết định số 30/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 11 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang ban hành Quy định về quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 18/2017/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng

#### **- Mục đích ban hành**

Việc ban hành Quyết định ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ nhằm thiết lập một hệ thống pháp lý thống nhất, đồng bộ và phù hợp với thực tiễn quản lý hiện nay, đồng thời thay thế các quy định trước đây của ba địa phương (thành phố Cần Thơ, tỉnh Hậu Giang và tỉnh Sóc Trăng), đảm bảo tính tập trung, hiệu quả và nhất quán trong công tác quản lý nhà nước về thoát nước và xử lý nước thải.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Quyết định số 65/2026/QĐ-UBND ngày 03 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 03 điều, cụ thể:

- Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý hoạt động thoát nước và xử lý nước thải trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Điều 1)
- Hiệu lực thi hành (Điều 2)
- Trách nhiệm thi hành (Điều 3).

**38. Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố bãi bỏ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 11 tháng 6 năm 2026

#### **b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

**+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Điều 53 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013 quy định “...*tài nguyên khoáng sản...là tài sản công thuộc sở hữu toàn dân do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý*” đã đặt ra yêu cầu tiếp tục hoàn thiện các quy định của pháp luật trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản. Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 10 tháng 02 năm 2022 của Bộ chính trị cũng đặc biệt quan tâm đến việc “*rà soát, sửa đổi, bổ sung hoàn thiện quy định về đấu giá quyền khai thác khoáng sản, thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây*

dựng thông thường phù hợp với thực tiễn; hoàn thiện cơ chế quản lý theo nguyên tắc thị trường; kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ hoạt động khai thác khoáng sản, bảo đảm công bằng, công khai, minh bạch, chống tiêu cực, lãng phí tài nguyên khoáng sản, tăng nguồn thu cho ngân sách”. Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30 tháng 4 năm 2025 của Bộ Chính trị đã khẳng định “Công tác xây dựng và thi hành pháp luật là “đột phá của đột phá” trong hoàn thiện thể chế phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới; là một nhiệm vụ trọng tâm của tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng”. Về định hướng đổi mới, hoàn thiện quy trình xây dựng pháp luật, Kết luận số 119-KL/TW ngày 20 tháng 01 năm 2025 của Bộ Chính trị đã yêu cầu các cơ quan, tổ chức cá nhân “Công tác xây dựng pháp luật phải bám sát thực tiễn, nâng cao năng lực phản ứng chính sách và giải quyết hiệu quả, kịp thời những vấn đề thực tiễn đặt ra, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm, chủ thể”.

Để thực hiện các chủ trương, định hướng nêu trên của Đảng, đòi hỏi phải khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung, cụ thể hoá các quy định có liên quan của Nghị định trong lĩnh vực địa chất và khoáng sản; trong đó đặc biệt là các quy định về khai thác khoáng sản, thăm dò, khai thác khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường phù hợp với thực tiễn.

Cơ quan soạn thảo đã nghiên cứu xây dựng dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ đảm bảo đúng quy định, tổ chức lấy ý kiến các sở, ban ngành và địa phương trên địa bàn thành phố, đồng thời đã đăng tải dự thảo Quyết định trên Cổng thông tin điện tử của Sở Nông nghiệp và Môi trường. Sau khi dự thảo được ban hành, cơ quan soạn thảo sẽ tiếp tục tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình tự thủ tục công nhận kết quả thăm dò khoáng sản theo đúng quy định nhằm kiểm soát quyền lực, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác xây dựng pháp luật theo quy định số 178-QĐ/TW đã được Bộ Chính trị ban hành ngày 27/6/2024.

Thực hiện khoản 4 Điều 54 Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản quy định “4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền.”, Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ. Theo đó, Quyết định này đã được triển khai thực hiện đồng bộ trên địa bàn thành phố thời gian qua.

Tuy nhiên, ngày 16 tháng 01 năm 2026 Chính phủ ban hành Nghị định số 21/2026/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 193/2025/NĐ-

CP ngày 02 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Địa chất và khoáng sản và quy định chi tiết Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Địa chất và khoáng sản. Tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP đã bổ sung Điều 54a vào sau Điều 54 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP đã quy định cụ thể trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Do đó, nội dung Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND đã không còn phù hợp với quy định pháp luật hiện hành, cần thiết phải được rà soát, xử lý kịp thời.

Căn cứ khoản 2 Điều 38 Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật quy định “a) Bãi bỏ toàn bộ văn bản khi văn bản thuộc một trong các trường hợp sau mà không cần thiết ban hành văn bản để thay thế: Đối tượng điều chỉnh của văn bản không còn; toàn bộ quy định của văn bản chồng chéo, mâu thuẫn với văn bản là căn cứ để rà soát hoặc không còn phù hợp với tình hình phát triển kinh tế - xã hội; văn bản không còn được áp dụng;”; khoản 2 Điều 8 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15 quy định “2. Văn bản quy phạm pháp luật bị bãi bỏ bằng văn bản của chính cơ quan, người có thẩm quyền đã ban hành văn bản đó hoặc bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền, trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều 54 của Luật này”. Do đó, việc trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND theo trình tự thủ tục rút gọn là cần thiết và phù hợp thẩm quyền theo quy định.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 21/2026/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Điều 54 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP quy định “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền; thống kê trữ lượng khoáng sản đã phê duyệt hoặc công nhận”; không còn quy định “Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền”. Tại khoản 14 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP quy định bổ sung Điều 54a vào sau Điều 54 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP đã quy định cụ thể trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Việc quy định trình tự thủ tục công nhận kết quả thăm dò khoáng sản đã được Bộ Nông nghiệp và Môi trường ban hành Quyết định số 279/QĐ-BNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026 công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (mã số thủ tục hành chính là 1.014466; tên thủ tục hành chính là Công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp giấy phép của Ủy

*ban nhân dân cấp tỉnh*). Theo đó Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 847/QĐ-UBND ngày 03 tháng 3 năm 2026 công bố Danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực địa chất và khoáng sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường; Ủy ban nhân dân xã, phường trên địa bàn thành phố Cần Thơ, trong đó có thủ tục hành chính “công nhận kết quả thăm dò khoáng sản”.

Vì vậy, để đảm bảo trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện theo đúng quy định của Nghị định số 21/2026/NĐ-CP và bộ thủ tục hành chính do Bộ Nông nghiệp và Môi trường công bố, tránh chồng chéo trong việc áp dụng pháp luật, việc trình Ủy ban nhân dân thành phố ban hành Quyết định bãi bỏ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND là cấp thiết hiện nay.

#### **- Mục đích ban hành**

Việc ban hành dự thảo Quyết định bãi bỏ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ để đảm bảo tuân thủ theo quy định tại khoản 13 Điều 1 của Nghị định số 21/2026/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Điều 54 của Nghị định số 193/2025/NĐ-CP và khoản 14 Điều 1 Nghị định số 21/2026/NĐ-CP bổ sung Điều 54a vào Nghị định số 193/2025/NĐ-CP.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Quyết định số 66/2026/QĐ-UBND ngày 11 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố bãi bỏ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 02 điều, cụ thể:

- Bãi bỏ toàn bộ Quyết định số 32/2025/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ quy định chi tiết trình tự, thủ tục thẩm định, công nhận kết quả thăm dò khoáng sản trên địa bàn thành phố Cần Thơ. (Điều 1)

- Điều khoản thi hành (Điều 2).

**39. Quyết định số 67/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

**- Sự cần thiết ban hành:**

### **+ Cơ sở chính trị, pháp lý**

Thực hiện Công văn số 48/CV-BCĐTKNQ18 ngày 03 tháng 5 năm 2025 của Ban Chỉ đạo về tổng kết thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW của Chính phủ về việc đẩy mạnh phân quyền, phân cấp theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp: “...*Quán triệt tinh thần đổi mới tư duy xây dựng pháp luật theo yêu cầu của Tổng Bí thư và quan điểm đẩy mạnh phân quyền, phân cấp tạo sự chủ động cho địa phương theo tinh thần: “địa phương quyết, địa phương làm, địa phương chịu trách nhiệm” gắn với việc triển khai mô hình chính quyền địa phương 02 cấp*”.

Căn cứ khoản 1 Điều 13 Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15, trong đó quy định thẩm quyền phân cấp của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: “... *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân cấp mình, Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện liên tục, thường xuyên một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn mà mình được giao theo quy định của pháp luật...*” và tại khoản 11 Điều 16 quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: “*Căn cứ tình hình thực tiễn và quy định của pháp luật, đẩy mạnh phân cấp, ủy quyền các nhiệm vụ, quyền hạn của mình cho Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nhằm nâng cao năng lực, tính chủ động, tự chịu trách nhiệm của chính quyền cấp xã, tăng cường hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 21 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15: “ *Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành quyết định để quy định...phân cấp và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân cấp*”.

Căn cứ khoản 4 Điều 19 Nghị định số 150/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ, quy định Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: “*Phân cấp, ủy quyền thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo quy định của pháp luật*”.

Căn cứ khoản 2 Điều 11 Nghị định số 361/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ, quy định thẩm quyền, trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: “*Phê duyệt, điều chỉnh hoặc phân cấp, ủy quyền phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của các cơ quan, tổ chức thuộc phạm vi quản lý*”.

Với cơ sở chính trị, pháp lý nêu trên, thì việc đề xuất Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của các cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ là có cơ sở và đúng quy định của pháp luật.

### **+ Cơ sở thực tiễn**

Sau khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy theo chính quyền địa phương 02 cấp, Ủy ban nhân dân thành phố mở rộng không gian quản lý với 16 cơ quan, tổ chức hành chính cấp thành phố, 13 Chi cục và tương đương thuộc cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và 412 cơ quan, tổ chức hành chính thuộc 103 Ủy ban nhân dân xã, phường. Việc xây dựng vị trí việc làm và tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm, làm cơ sở cho việc tuyển dụng, quản lý, sử dụng, quy hoạch, bổ nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí công chức đáp ứng và phù hợp yêu cầu vị trí việc làm, yêu cầu nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức hành chính; tinh giản biên chế, cơ cấu lại, nâng cao chất lượng đội ngũ công chức gắn với thực hiện trả lương theo vị trí việc làm.

Nhằm đẩy mạnh phân cấp, tăng tính chủ động cho cơ quan, tổ chức hành chính thành phố và Ủy ban nhân dân cấp xã trong phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý; bố trí công chức vào vị trí việc làm, ổn định nhân sự, đảm bảo nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ tại các cơ quan, tổ chức hành chính, nâng cao chất lượng, hiệu quả phục vụ người dân và doanh nghiệp.

Trên cơ sở quy định và thực tiễn nêu trên, Sở Nội vụ tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố dự thảo Quyết định phân cấp phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ là cần thiết và đúng theo quy định của Chính phủ về phân cấp quản lý.

#### **- Mục đích ban hành**

Việc ban hành Quyết định phân cấp phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm để phù hợp với tình hình thực tiễn, thực hiện đúng với các quy định của Chính phủ về nội dung phân cấp phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

#### **c) Nội dung chủ yếu:**

Quyết định số 67/2026/QĐ-UBND ngày 16 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm của cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 04 điều, cụ thể:

- Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng (Điều 1)

+ Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định về việc Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm đối với cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường.

+ Đối tượng áp dụng

Cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố.

Ủy ban nhân dân xã, phường; cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân xã, phường.

Công chức thuộc cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố và Ủy ban nhân dân xã, phường.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Nội dung phân cấp (Điều 2)

Ủy ban nhân dân thành phố phân cấp phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm đối với cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn thành phố Cần Thơ, với nội dung sau:

+ Phân cấp cho cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc Ủy ban nhân dân thành phố phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm đối với cơ quan, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý.

+ Phân cấp cho Ủy ban nhân dân xã, phường phê duyệt, điều chỉnh vị trí việc làm, tỷ lệ công chức bố trí theo vị trí việc làm đối với cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính thuộc phạm vi quản lý.

- Hiệu lực thi hành (Điều 3)

- Tổ chức thực hiện (Điều 4).

**40. Quyết định số 68/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông, giống cây trồng, vật nuôi thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.**

**a) Hiệu lực thi hành:** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 19 tháng 6 năm 2026

**b) Sự cần thiết, mục đích ban hành:**

- **Sự cần thiết ban hành:**

+ **Cơ sở chính trị, pháp lý**

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII ban hành Nghị quyết số 19/NQ-TW “Về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Theo đó, tại khoản 5 Mục IV quy định: “Hoàn thiện thể chế, chính sách về nông nghiệp, nông dân, nông thôn”.

Ngày 30 tháng 4 năm 2025, Ban Chấp hành Trung ương đã ban hành Nghị quyết số 66-NQ/TW về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới. Theo đó, tại khoản 3 mục III quy định: “Tạo đột phá trong công tác thi hành pháp luật, bảo đảm pháp luật

được thực hiện công bằng, nghiêm minh, nhất quán, kịp thời, hiệu lực và hiệu quả; gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng và thi hành pháp luật”.

Ngày 24 tháng 5 năm 2018, Chính phủ ban hành Nghị định số 83/2018/NĐCP về Khuyến nông. Theo đó, tại khoản 1 Điều 36 quy định: Ủy ban nhân dân tỉnh “Xây dựng và ban hành chính sách, định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông phù hợp với chủ trương, định hướng phát triển của ngành và điều kiện địa phương”.

Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP và Nghị định số 214/2025/NĐ-CP;

Nghị định số 60/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 111/2025/NĐ-CP;

Thông tư số 75/2019/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách Nhà nước thực hiện hoạt động khuyến nông được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2021/TT-BTC;

Thông tư số 06/2021/TT-BNNPTNT của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về xây dựng, ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật sản phẩm, dịch vụ công do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý.

#### **+ Cơ sở thực tiễn**

Trước khi sáp nhập 03 tỉnh, thành phố đã ban hành các quyết định: Quyết định số 11/2021/QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn Tỉnh Sóc Trăng; Quyết định số 25/2023/QĐ-UBND ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về việc Quy định về định mức kinh tế kỹ thuật trong các hoạt động khuyến nông trên địa bàn Tỉnh Hậu Giang; Quyết định số 32/2024/QĐ-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ về việc ban hành định mức kinh tế kỹ thuật trong hoạt động khuyến nông, giống cây trồng vật nuôi thuộc lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Sau khi sáp nhập địa giới hành chính, việc duy trì các định mức kinh tế - kỹ thuật và mức chi khuyến nông do 03 tỉnh, thành phố ban hành trước đây đã bộc lộ nhiều bất cập: gây thiếu thống nhất khi áp dụng nhiều mức chi khác nhau trên cùng một địa bàn, khó khăn cho công tác lập dự toán và quyết toán kinh phí; đồng thời các định mức này đã lạc hậu so với giá cả thị trường và chưa đáp ứng được định hướng phát triển nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp tuần hoàn hiện nay. Do đó, việc UBND thành phố ban hành Quyết định mới quy định đồng bộ về định mức kinh tế - kỹ thuật và mức chi hoạt động khuyến nông là hết sức cấp thiết, nhằm tạo cơ sở pháp lý thống nhất, tối ưu hóa nguồn ngân sách và thúc

đẩy phát triển nông nghiệp hiện đại, bền vững trên địa bàn thành phố Cần Thơ mới.

Với cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc ban hành “Quyết định ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông, giống cây trồng vật nuôi thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ” là thật sự cần thiết, nhằm tạo điều kiện để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn thành phố Cần Thơ thời gian tới.

### **- Mục đích ban hành**

Nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý về khuyến nông, giống cây trồng vật nuôi theo các quy định mới của Trung ương và địa phương, đảm bảo định mức kinh tế kỹ thuật sử dụng cho các hoạt động khuyến nông, giống cây trồng vật nuôi thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình có cơ sở pháp lý để thực hiện việc tính toán, lập dự toán mô 3 hình trình diễn, thanh quyết toán kinh phí khuyến nông, xây dựng, đầu tư phát triển sản xuất phù hợp với điều kiện của địa phương, thúc đẩy xã hội hóa các lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác trong ngành nông nghiệp, tạo môi trường hoạt động bình đẳng giữa các tổ chức, cá nhân.

Thúc đẩy xã hội hóa các lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác trong ngành nông nghiệp, tạo môi trường hoạt động bình đẳng giữa các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố.

### **c) Nội dung chủ yếu:**

Quyết định số 68/2026/QĐ-UBND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông, giống cây trồng, vật nuôi thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ, gồm 05 điều, cụ thể:

#### **- Phạm vi điều chỉnh (Điều 1)**

Quyết định này ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông, giống cây trồng, vật nuôi thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ.

#### **- Đối tượng áp dụng (Điều 2)**

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động khuyến nông và sản xuất giống cây trồng, vật nuôi.

- Định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông, giống cây trồng, vật nuôi thuộc lĩnh vực nông nghiệp và môi trường trên địa bàn thành phố Cần Thơ (Điều 3)

+ Định mức kinh tế - kỹ thuật về khuyến nông.

+ Định mức kinh tế - kỹ thuật về giống cây trồng, vật nuôi.

#### **- Hiệu lực thi hành (Điều 4)**

- Tổ chức thực hiện (Điều 5).

Trên đây là Thông cáo báo chí văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân thành phố Cần Thơ ban hành trong tháng 6 năm 2026, Sở Tư pháp xin thông báo./.

***Nơi nhận:***

- HĐND thành phố (để báo cáo);
- UBND thành phố (để báo cáo);
- UBMTTQ Việt Nam thành phố;
- Sở, ban, ngành thành phố;
- UBND xã, phường;
- Trang Thông tin điện tử PBGDPL thành phố;
- Lưu: VT, P.PBTDTHPL&QLXLVPHC.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Đồng Việt Phương**